

Marcel Cusattier

VUA GIA LONG

(Sách tham khảo)

Đỗ Hữu Thanh dịch

⊕MEGA⁺  NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

Vua Gia Long

Tác giả: **Marcel Gaultier**

Dịch giả: **Đỗ Hữu Thanh**

Thể loại: **Biên khảo**

Số trang: **212**

Kích thước: **16x24 cm**

Phát hành: **Omega+**

Năm xuất bản: **03/2020**

Nội dung

Cuốn sách là công trình biên khảo bằng tiếng Pháp của Marcel Gaultier được xuất bản lần đầu tại Sài Gòn vào năm 1933.

Marcel Gaultier (1900-1960) là nhà văn đồng thời là biên tập viên cho Ban Dân sự của Đông Dương. Ông để lại cho đời hơn mười tác phẩm, trong đó có ba tiểu thuyết, còn lại là hồi ký và những nghiên cứu sử học về các vị vua triều Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng và Hàm Nghi. Trong số đó, Gia-Long (Vua Gia Long, 1933) là tác phẩm đầu tay về nghiên cứu sử học với đề tựa của Pierre Pasquier, Toàn quyền Đông Dương.

Đây là công trình viết về Gia Long - Nguyễn Ánh, vị vua đầu tiên cũng là người mở ra vương triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, cũng đồng thời là một nhân vật tạo nên nhiều tranh luận, đánh giá.

Trong tác phẩm nghiên cứu đầu tay Gia-Long, Marcel Gaultier mong muốn trình bày toàn cảnh lịch sử Việt Nam từ thời lập quốc mãi cho đến năm 1802 - thời điểm Việt Nam được thống nhất sau bao nhiêu năm chia rẽ, chiến tranh, sau đó là giai đoạn xây dựng và hàn gắn đất nước trong truyền thống Á châu, khép lại với những quan hệ phương Tây vốn đã hình thành từ nhiều năm trước đó.

Tác phẩm cho chúng ta những thông tin về những sự kiện lịch sử trong nước và nhất là ngoài nước vào những thế kỷ XVII, XVIII hoặc XIX. Độc giả trong nước hiểu được cái nhìn từ bên ngoài về tình hình Việt Nam, những nỗ lực tiếp cận và những nhận định không hẳn chính xác nhưng đã góp phần làm nền tảng tư tưởng cho những cuộc can thiệp về sau của phương Tây trên nhiều nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

E-book này được thực hiện trên tinh thần thiện nguyện, phi lợi nhuận và phục vụ cộng đồng người đọc chưa có điều kiện mua sách giấy.

TVE-4U

CÙNG ĐỌC - CÙNG CHIA SẺ!

Dành tặng ông Pierre Pasquier.

Lời giới thiệu

Chữ “duyên” với công trình biên khảo lịch sử *Vua Gia Long* của Marcel Gaultier

Công trình biên khảo *Gia-Long* (Vua Gia Long) viết bằng tiếng Pháp của Marcel Gaultier xuất bản tại Saigon vào năm 1933, đến nay cũng đã 86 năm trời, nó vẫn hiện diện đâu đó trong lớp bụi thời gian, rồi tình cờ đến với thầy giáo dạy Pháp văn Đỗ Hữu Thanh, người từng tu nghiệp dạy tiếng Pháp ở Pháp quốc. Ông đọc và cảm thấy hứng thú về một nhân vật lịch sử nổi tiếng mở đầu cho triều Nguyễn, nên bỏ công ròng rã mấy tháng trời chú tâm dịch, mong nó có cơ hội ra mắt bạn đọc vào dịp 200 năm ngày mất của vua Gia Long.

Dịch giả đã cẩn trọng, tỉ mỉ, tận tâm, và nỗ lực lớn trong việc chuyển ngữ một công trình nghiên cứu lịch sử Việt vốn khó dưới

(thiếu trang 15 trong bản sách in???)

Riêng về công trình sử học, ông tìm thấy hứng thú về các nhân vật lịch sử đứng đầu triều Nguyễn. Hai công trình đặc biệt ông dành viết về hai vị vua mở đầu triều Nguyễn là *Vua Gia Long* (1933) và *Vua Minh Mạng* (1935). Riêng cuốn sau được giải thưởng Therouanne của Viện Hàn lâm Pháp trao cho công trình sử học hay vào năm 1937. Hai công trình biên khảo cuối ông dành cho nhà vua yêu nước Hàm Nghi, xuất bản vào năm 1940 và 1959.

Vua Gia Long được ông viết năm 32 tuổi, sau hơn mười năm đến Việt Nam làm viên chức biên tập ở Nha Dân sự vụ, dành tặng Toàn quyền Pierre Pasquier. Lời đề tặng này như một ngụ ý bóng gió về việc vua Bảo Đại hồi loạn sau mười năm học tại Trường Khoa học Chính trị ở Paris, đang muốn canh tân nội các theo mô hình phương Tây trong sự hợp tác cùng vị Toàn quyền Đông Dương Pasquier vốn có quan hệ thân tình với vua Khải Định.

Công trình *Vua Gia Long* có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, Gaultier viết về nhân vật lịch sử Việt, *dưới nhãn quan người Pháp/phương Tây* với cái nhìn *kẻ khác, cái nhìn bên ngoài*, so với cái nhìn bên trong của sử Việt do người Việt trong nước viết, với hệ thống tư liệu bằng tiếng Pháp, phần đông do người Pháp viết, đặc biệt là kho tư liệu với các thư từ, hồi ký, tường thuật của các giáo sĩ Hội Thừa sai Hải ngoại Paris do linh mục Cadière tập hợp, sưu tuyển. Lối biên khảo sử của ông chịu ảnh hưởng từ lối biên khảo sử của Pháp, một mặt chú ý tính khách quan, xác thực, với sự tôn trọng các sự kiện, nhân vật lịch sử, và các nguồn dẫn liệu khá xác đáng; mặt khác, bên cạnh tính độc đáo là *góc nhìn khá chủ quan* của tác giả trong chọn lựa sử liệu, các vấn đề luận bàn, trong các khái quát, suy diễn, đánh giá. Ông thường nhìn sử Việt trong mối quan hệ rộng lớn của bình diện quốc tế với những ván cờ tranh đoạt của thế lực thương mại và thực dân của các nước Âu châu như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Hà Lan giành thị trường buôn bán và giành thuộc địa đối với các nước Á châu và đặc biệt với mối quan hệ của các sự kiện, nhân vật lịch sử Pháp.

Thứ hai, công trình biên khảo về vua Gia Long chịu ít nhiều tư duy của lối viết sử thuộc địa đề cao vai trò của người Pháp, nhất là vai trò cố vấn của Giám mục Bá Đa Lộc cũng như ảnh hưởng quyết định của nhóm sĩ quan, binh lính Pháp giúp vua Gia Long tổ chức quân đội và khí tài theo kiểu phương Tây chống Tây Sơn và xem đó như là nhân tố quyết định thắng lợi. Mặt khác, qua sự hợp tác có hiệu quả giữa giám mục này và vua Gia Long, hình như Gaultier đề cao tư tưởng “Pháp - Việt đề huề”, hợp tác cùng tiến bộ, chủ yếu dưới sự bảo trợ, cố vấn của Pháp trong thời kỳ thuộc địa. Gaultier cũng đánh giá tính hai mặt của vua Gia Long trong việc hợp tác, sử dụng người Pháp; một mặt rất thân tình biết ơn, trọng dụng; mặt khác, luôn cảnh giác, nghi ngại những mưu đồ của họ.

Thứ ba, do có một nhân vật chính người Pháp là giám mục Thiên Chúa giáo với ý đồ và tham vọng truyền đạo, hơn thế nữa, các tư liệu đa phần là của các giáo sĩ nên *nhân quan Thiên Chúa giáo chi phối* ít nhiều trong lăng kính sử gia này, dù có khi ông rất sáng suốt trong vấn đề đối thoại tôn giáo giữa phương Tây và phương Đông, nhất là vấn đề thờ cúng tổ tiên và các đạo giáo truyền thống.

Thứ tư, những mảng *lịch sử thu gọn của đất nước Champa và Cao Miên* được khảm rất khéo trong mối quan hệ của cuộc Nam tiến nhà Nguyễn được tác giả viết ở Chương I và Chương IV.

Thứ năm, cái nhìn so sánh và đối chiếu giữa hai mô hình quản lý đất nước theo kiểu phương Tây và mô hình quản lý theo kiểu truyền thống phương Đông, điển hình theo kiểu Trung Quốc, luôn chi phối ít nhiều trong việc đánh giá các sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử, nhất là việc vua Gia Long chọn mô hình nào, và chọn người kế vị là Hoàng tử Dĩnh (hay Đảm) mà không chọn hậu duệ của Đông cung thế tử Cảnh. Sự so sánh này cũng ngấm ngấm trong lúc miêu tả, phân tích luật Gia Long của tác giả.

Thứ sáu, trong *diễn ngôn lịch sử và tự sự lịch sử*, Marcel Gaultier sử dụng chính là người tường thuật hàm ẩn khách quan ngôi thứ ba, nhưng kết hợp rải rác với người tường thuật nhân chứng ở các thư từ xưng “chúng tôi”, hoặc “tôi” với sự đa dạng các điểm nhìn tường thuật, khi thì thông qua lăng kính của Giám mục Bá Đa Lộc, khi thì thông qua các lăng kính của giới chính trị và quân sự Pháp, khi thì thông qua lăng kính chứng nhân của các vị linh mục, các thông ngôn, và đặc biệt thông qua lăng kính Nguyễn vương và lăng kính dư luận của các văn thân và võ quan Việt. Các lăng kính này như đối thoại lẫn nhau, tạo ra tính đa thanh nhiều chiều cho công trình sử học *Vua Gia Long*. Bên cạnh đó, những bình luận khá sắc sảo của tác giả về Giám mục Bá Đa Lộc, về Hoàng tử Cảnh, về vua

Gia Long, và vua Minh Mạng sau này tạo thêm một nét nhấn khá đặc sắc cho tập biên khảo lịch sử này.

Thứ bảy, về cấu trúc, cuốn biên khảo được tổ chức thành bốn chương. Chương I là chương khái quát về một lịch sử Việt Nam thu gọn trong mối quan hệ với Trung Quốc, Champa, các thương gia và giáo sĩ phương Tây, sự truyền giáo và sự bách hại họ ở cả xứ Đàng Trong và Đàng Ngoài vì xung đột tôn giáo và xung đột văn hóa, và các xung đột chính trị bên trong, Trịnh - Nguyễn, cuộc nổi dậy của Tây Sơn... là chương viết thú vị thể hiện rõ *cái nhìn viết sử bên ngoài*. Chương II và Chương III, tác giả tường thuật song song vai trò và truyện kể hai nhân vật Bá Đa Lộc và Nguyễn vương trong sự vận động của cuộc chiến với Tây Sơn và chính trường Pháp (nhất là ở Chương II). Chương IV là việc lên ngôi của vua Gia Long, âm hưởng cuối của cuộc chiến và việc cai trị, tổ chức bộ máy hành chính, luật pháp, đối ngoại, lòng dân và tiên tri về sự thất bại của mô hình quản lý đất nước theo kiểu truyền thống và bế quan tỏa cảng trước làn sóng tìm kiếm thuộc địa và thương mại, cũng như truyền đạo Thiên Chúa của phương Tây.

Tóm lại, tôi nhận thấy đây là một công trình biên khảo về vua Gia Long và lịch sử Việt triều Nguyễn có những thành tựu đáng kể trong thời điểm bấy giờ, bên cạnh đó cũng có những hạn chế nhất định. Hạn chế này có lẽ do quan điểm, lối viết sử thuộc địa. Nhưng trong chừng mực tương đối, công trình biên khảo này khá hữu ích với cái nhìn về một chiều kích về vua Gia Long và triều Nguyễn, mà hiện nay đang cần được đánh giá lại, xem xét đa chiều, mang tính đối thoại giữa các lối viết sử khác nhau có nhãn quan và quan điểm khác nhau.

Tôi cho rằng *Vua Gia Long* là một công trình khá hấp dẫn để tham khảo, vì nhà viết biên khảo sử đồng thời cũng là nhà văn, và xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cả nước.

Tôi cũng hân hạnh cảm ơn dịch giả và Omega+ đã dành cho tôi niềm vinh dự được viết lời giới thiệu có phần chủ quan này.

Huế. Mùa đông. Ngày 14 tháng 12 năm 2019

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngữ văn Bửu Nam

Chân dung vĩ đại của hoàng đế Gia Long ngự trị từ trên cao, trong toàn bộ lịch sử đất nước An Nam¹ và cho đến ngày nay², không gì có thể làm mờ nhạt đi những đường nét hay làm giảm sút vẻ nổi bật của khuôn mặt ấy. Thời gian, vẫn thường phủ lớp màn quên lãng lên những tiếng tăm lừng lẫy, đã giữ lại mọi hào quang cho danh tiếng của người lập nên triều đại này.

Vào năm 1802, sau khi giành lại Huế³, mở ra triều đại Gia Long, vị vua họ Nguyễn này mới có thể đo đếm đoạn đường đã qua, kể từ lúc cuộc nổi dậy của Tây Sơn khiến ông trở thành một ông hoàng đào tị lang thang đây đó sau những trận chiến trong vùng châu thổ Nam bộ. Hai mươi lăm năm thử thách đã trui rèn nên tâm hồn quả cảm. Tuổi trẻ sớm chín muồi trong bất hạnh, đã nếm qua mọi gian truân, đã từng biết mọi thứ ruồng rẫy. Giờ đây dòng họ, đã được khôi phục trên ngai vàng, được củng cố trong toàn bộ quyền hạn lịch sử, và rồi chỉ sau một trận chiến chóng vánh ở Bắc kỳ, cả ba kỳ cùng nói tiếng An Nam được thống nhất dưới cùng một pháp chế. Nhưng còn cần phải xây dựng lại. Là chiến binh, Gia Long đã từng biết chiến thắng; là hoàng đế, ông còn biết xây dựng. Nhiệm vụ thì bao la, nhưng không hề quá nặng với đôi vai mình, và ông sẽ tự chứng tỏ sự vĩ đại trong những công trình của thời bình như đã từng chứng tỏ trong thời chiến tranh.

Lúc hãy còn rất trẻ, khi phải trốn chạy trước những kẻ nổi loạn, là ông hoàng không ngôi, vị tướng không quân đội, số phận may mắn đã khiến ông trên đường gặp được Giám mục Adran³. Cuộc gặp gỡ này đã quyết định những số phận long đong của đất nước. Quả vậy, dẫu quá gắn bó với đạo lý của truyền thống Trung Hoa xưa cũ, An Nam không thể lâu dài đứng bên ngoài những trào lưu lớn của nền văn minh Âu châu đã mang lại cho đất nước này, với tư tưởng phương Tây, một

sức mạnh mới. Rằng một thủ lĩnh Á Đông, từ thời buổi ấy, đã ý thức được tính định mệnh của lịch sử, ắt không phải là một tài năng tầm thường. Ngoài ra, một khuynh hướng hỗ tương đã thu hút người này đến với người kia, nhà vua tương lai và Pigneau de Béhaine. Những mối dây bằng hữu chẳng bao lâu đã nối kết hai con người lại với nhau và chính khi đó, sự hợp tác hiệu quả trước kia giữa Pháp - An Nam đã gặp phải thử thách đầu tiên.

Ai lại không bị thu hút bởi vẻ huy hoàng của triều đại hoàng tráng ấy? Ông Marcel Gaultier là một trong số những người đã bị chinh phục bởi sức cuốn hút mạnh mẽ đó. Miệt mài trên những trang biên niên sử của vương quốc, ông ấy cũng muốn mang lại sự đóng góp cá nhân vào lịch sử của triều đại. Đây quả là một ý định mang tính táo bạo sau những nghiên cứu lớn lao được coi là những tác phẩm hoàn chỉnh về hoàng đế Gia Long. Chỉ còn biết ngợi khen tác giả hơn nữa khi đã dám làm và đã thành công. Quả tình, công trình này không có ý định mang lại một tia sáng mới mẻ về một thời kỳ mà những giai đoạn khác nhau đều đã được phân tích với tất cả sự nghiêm túc của nền khoa học hiện đại, nhưng ở đây ta có thể theo dõi trong một sự trình bày rất rõ ràng và rất độc đáo diễn tiến của những sự kiện tiếp nối nhau ở đất An Nam từ năm 1775 đến năm 1820.

Nhân vì Marcel Gaultier muốn mến tặng tôi tác phẩm của ông, tôi xin được phép, để kết thúc, trình bày một lời chúc. Với tất cả tấm lòng, tôi mong rằng độc giả An Nam sẽ xem cuốn sách này như một món quà thành kính của tình thân hữu Pháp quốc dâng lên trước bìa mộ của Đại Hoàng đế.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 1932

Pierre Pasquier

Toàn quyền Đông Dương

Cùng bạn đọc

Marcel Gaultier (1900-1960) là nhà văn đồng thời là biên tập viên cho Ban Dân sự của Đông Dương. Ông để lại cho đời hơn mười tác phẩm, trong đó có ba tiểu thuyết, còn lại là hồi kí và những nghiên cứu sử học về các vị vua triều Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng và Hàm Nghi.

Trong số đó, *Gia-Long* (Vua Gia Long, 1933) là tác phẩm đầu tay về nghiên cứu sử học với đề tựa của Pierre Pasquier, Toàn quyền Đông Dương. Tiếp theo là cuốn *Minh-Mạng* (Vua Minh Mạng, 1935) và *Le Roi proscrit: [l'Empereur d'Annam Hàm-Nghi]* (Nhà vua bị lưu đày: [Hoàng đế An Nam Hàm Nghi], 1940). Cuối cùng là *L'Étrange aventure de Ham-Nghi, empereur d'Annam* (Cuộc phiêu lưu kỳ lạ của Hàm Nghi, hoàng đế An Nam, 1959) với đề tựa của tướng Castroux, đây là tác phẩm cuối cùng của Marcel Gaultier, ông qua đời vào năm 1960.

Trong tác phẩm nghiên cứu đầu tay *Gia-Long*, Marcel Gaultier mong muốn trình bày toàn cảnh lịch sử Việt Nam từ thời lập quốc mãi cho đến năm 1802 - thời điểm Việt Nam được thống nhất sau bao nhiêu năm chia rẽ, chiến tranh, sau đó là giai đoạn xây dựng và hàn gắn đất nước trong truyền thống Á châu, khép lại với những quan hệ phương Tây vốn đã hình thành từ nhiều năm trước đó.

Tác phẩm cho chúng ta những thông tin về những sự kiện lịch sử trong nước và nhất là ngoài nước vào những thế kỷ XVII, XVIII hoặc XIX. Độc giả trong nước hiểu được cái nhìn từ bên ngoài về tình hình Việt Nam, những nỗ lực tiếp cận và những nhận định không hẳn chính xác nhưng đã góp phần làm nền tảng tư tưởng cho những cuộc can thiệp về sau của phương Tây trên nhiều nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

Trong Chương I của cuốn sách này, Marcel Gaultier dành vài mươi trang đầu để mô tả rất khái quát bối cảnh lịch sử châu Á vây quanh nước Trung Hoa và mối quan hệ xã hội, lịch sử chẳng chịt, khá xa lạ đối với cách nhìn từ phương Tây, từ đó hình thành đất nước và lịch sử của nước Việt. Và vì đây chỉ là một cái nhìn rất thoáng qua, không tránh khỏi những thiếu sót và nhầm lẫn của tác giả. Vì tôn trọng nguyên tác, chúng tôi dịch nguyên nội dung chính văn; trừ vài trường hợp riêng về các tên gọi bằng tiếng Việt, có thể vì tác giả ghi nhầm hoặc do lỗi in ấn, chúng tôi xin mạn phép điều chỉnh cho đúng.

Ngoài ra, để tiện cho bạn đọc theo dõi, chúng tôi có tra cứu từ nhiều nguồn tài liệu để bổ sung một số cước chú ở cuối trang sách.

Trân trọng,
BAN BIÊN TẬP



Alexandre de Rhodes

(1593-1660)

“Tôi không hiểu vì sao vương quốc rất đổi tươi đẹp này lại không được các nhà địa lý châu Âu, những người tự cho mình là thông thái biết tới, họ thậm chí không biết đến tên gọi của xứ này và hầu như chưa bao giờ nhắc đến nó trên tất cả các bản đồ; họ luôn nhầm lẫn nó với những nước lân bang và thường chỉ nói về đất nước này bằng những lời dối trá khiến cho những ai đã từng đặt chân đến đây phải phì cười”.

A. de Rhodes

Chương I

- Bá quyền Trung Hoa
- Lịch sử An Nam dưới thời những vị vua đầu tiên
- Họ Trịnh và họ Nguyễn
- Những giáo sĩ truyền giáo đầu tiên
- Những thương gia châu Âu đầu tiên
- Vương quốc Chăm
- Những bức hại tôn giáo đầu tiên
- Pigneau de Béhaine - Giám mục Adran (Bá Đa Lộc)
- Cuộc nổi dậy của Tây Sơn
- Cái chết của chúa Duệ Tông
- Cái chết của vua Lê Hiến Tông
- Họ Trịnh bị tiêu diệt
- Anh em Tây Sơn chia nhau đất vương quốc

Nếu không truy nguyên đến thời kỳ cổ đại, bản sắc An Nam có thể coi là hình thành dựa trên một chuỗi liên tục của những mối quan hệ quốc tế có tính chất lan tỏa, phức tạp, minh chứng cho một vận mệnh mạnh mẽ và sóng gió. Bản sắc ấy từng bộc lộ vào những thời kỳ huyền sử của những vị chúa tể trong truyền thuyết, nó mang tính chất vừa tổng hợp vừa đặc thù của nòi giống, nó thoát thai và lớn lên từ giai đoạn hỗn mang, thời kỳ mà trong suốt nhiều thế kỷ, số phận của các dân tộc châu Á không ngừng xáo động.

Quốc sử An Nam là một mối rối rắm phức tạp của những cuộc tranh chấp cá nhân hay triều đại, một mớ hỗn độn của những cuộc lật đổ, của những cuộc nội chiến đã thường xuyên nhuộm máu đất nước nhưng không vì thế làm chậm bước sự biến chuyển rộn ràng của nó.

Nhưng những lỗi lầm của các vị quân vương, tham vọng của một số gia tộc, sự náo loạn thẳng hoặc trong hàng ngũ quan lại đã làm sự phát triển sôi sục của quốc gia trẻ trung này trong suốt nhiều thế kỷ phải phụ thuộc vào bá quyền bất di bất dịch của đế quốc Trung Hoa.

Toàn bộ châu Á thừa nhận bá quyền của Trung Hoa và tìm sự che chở nơi một triều đại gần như được thần thánh hóa, do một chủng tộc mẫn đảm và phong nghiêu nâng đỡ⁵. Ngay cả trong số những quốc vương có thể thoát khỏi mọi lệ thuộc chư hầu, do một thói quen tôn kính, cũng thừa nhận quyền uy bá chủ hiển nhiên của hoàng đế Trung Hoa.

Quyền bá chủ ấy thông thường không bao hàm những ưu thế chính trị, nó thể hiện qua những cuộc trao đổi sứ giả, những trao đổi tặng phẩm có tính tượng trưng và những tổ chức lễ nghi định kỳ. Người Á châu, là mẫu người hình thức chủ nghĩa cực đoan, lưu tâm đến sự tôn trọng các ngôi thứ, sự bất khả xâm phạm các tôn ti đẳng cấp, hơn là các lợi thế vật chất cụ thể. Thiên tử chiến đấu nhằm duy trì những nghi thức lễ lạt hơn là nhằm xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia lân bang, bởi lẽ lòng kiêu hãnh của Thiên tử tìm thấy nhu cầu thỏa đáng trong sự bền vững của những lễ nghi ngoại giao. Thiên tử được ví như một Người Cha Bảo Vệ những dân tộc biết kính nể sức mạnh đồng thời vừa căm ghét cái quyền lực bền vững ấy của Người Bảo Vệ. Điều mà hoàng đế yêu cầu là sự thừa nhận vai trò ưu việt của hoàng đế. Không mấy quan trọng khi có một vị vua nào đó dấn thân vào những thách thức lằng nhục, miễn là ở các nước lân bang quyền hành tối thượng phải xuất phát từ ý chí của riêng Người, miễn là quyền hạn của Người được đều đặn thừa nhận bởi những sứ bộ nịnh hót.

Quan niệm riêng biệt này, đặc biệt trong tinh thần châu Á, giải thích tại sao truyền thống Trung Hoa đã áp đặt, trong rất nhiều thế kỷ, lên các quốc gia lân cận, lên ngay cả những quốc gia có thể tự giải phóng khỏi ảnh hưởng ấy một cách khá dễ dàng.

Các vị vua An Nam luôn luôn chấp nhận và thỉnh cầu ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn, sắc phong từ hoàng đế Trung Hoa. Nhưng họ lại cư xử như những quốc vương độc lập lúc sắc phong ấy bị từ chối, mà không phải lúc nào Trung Hoa cũng áp

đặt được. Không một lợi thế vật chất nào được đòi hỏi cho mối liên hệ ngoại giao tượng trưng ấy, và các vị vua An Nam, mà vai trò chủ hầu phụ thuộc xa xôi không cản trở chút nào việc thực hiện quyền hành tuyệt đối của họ, kháng nghị gay gắt khi có mối nguy hiểm đe dọa lên họ.

Ngược lại, các vị vua ấy không ngần ngại cầm vũ khí chống lại vị hoàng đế bá quyền nhu nhược, không phải để rũ bỏ một sự bảo trợ quá sơ sài, nhưng vì những lý do mà chỉ những vị quốc vương độc lập mới có thể viện dẫn. Chế độ bảo hộ nối kết hai quốc gia trước hết là một vấn đề về lòng kiêu hãnh của quốc gia này, và là vấn đề quyền lợi đối với quốc gia kia. Nó chỉ bắt buộc, một trong hai đối tác ký kết, với tư cách của Người Bảo Hộ, phải chịu những hy sinh liên tục.

Sự nhận nhận ấy chỉ được quan niệm bằng sự xác thực về một sứ mạng cao cả đến với Trung Hoa từ cái ngôi vị bề trên và những nguyên tắc linh thiêng mà đất nước này sở hữu. Trung Hoa tự cho có trách nhiệm làm người bảo trợ đạo lý cho mọi dân tộc da vàng, nơi mà Trung Hoa nắm giữ ưu thế trí tuệ nhờ vào sự truyền bá văn hóa, và vai trò trung gian của các triết gia và những nhà thông thái được đào tạo từ những trường phái Đạo giáo hay Khổng học.

Ý tưởng có cùng chung một nguồn gốc chủng tộc ở những người da vàng mạnh mẽ đến nỗi tất cả các vị vua Đông Á đều tìm ở quốc gia bá chủ một điểm tựa và một sự hòa hợp nhưng thường phải kèm theo những trách nhiệm ràng buộc đôi bên. Đại đế quốc thực hiện sự bảo trợ vô vị lợi đối với các tiểu quốc không có khả năng tự vệ chống lại những âm mưu từ bên ngoài. Chính nhờ vào tinh thần rộng rãi ấy mà các quốc vương láng giềng được tấn phong, không phải chịu một quy chế đền bù nào cả. Tình trạng lý tưởng này đã có lúc thoái hóa thành những thực tế đáng phàn nàn lúc quan niệm chính thống trên lẫn lộn với những ý đồ cá nhân của những ông vua chuyên chế nhiều tham vọng. Nhưng nguyên tắc cơ bản của chính sách Trung

Hoa này đã không hề thay đổi trong suốt nhiều thế kỷ, mặc dầu có sự thay đổi triều đại, mặc dầu có cuộc biến động vĩ đại của người Mông Cổ, mặc dầu có sự vong ơn của những dân tộc được bảo vệ đã buộc Trung Hoa nhiều lúc phải dấy động binh đao.

Hầu hết các tiểu quốc chư hầu chung quanh nước An Nam cũng đều tuân phục tinh thần liên đới ấy, nhưng khi họ càng co rút trong những kỷ niệm về sự lớn mạnh của mình, thì đặc tính hỗ trợ truyền thống lại càng mất dần sự trong sáng thuần túy của một chính sách vô vị lợi thuở ban đầu. Nhà nước bảo hộ sẽ bị thúc đẩy vào những tham vọng chiếm hữu lãnh thổ dễ dàng do sự yếu đuối của chính các quốc gia chư hầu. Nhà nước bảo hộ dần dà thâm tóm đất đai mà không gặp sự chống đối của các thủ lĩnh lãnh địa, ở họ sự bất lực đã ru ngủ những luyến tiếc về một cá tính vốn dĩ đã tầm thường. An Nam cư xử với các thị tộc ấy bằng quyền uy của đấng quân vương mà Trung Hoa không thể can thiệp vào các quan hệ qua vế của họ.

Điều ghi nhận một cách ấn tượng hơn về tính cách độc lập toàn diện của các quốc vương An Nam, đó là những cuộc xung đột liên tục buộc họ phải đương đầu với đế quốc Trung Hoa. Nếu có một hiệp ước nghiêm túc giữa hai quốc gia, thì những điều khoản trong hiệp ước ấy phải tránh né mọi khả năng xung đột. Và thay vì bước vào một cuộc đấu tranh công khai, hoàng đế Trung Hoa ưu tiên chọn cách khiến người ta tôn trọng các hiệp ước đã thực hiện hoặc tìm cách canh cải chúng đi. Thật đáng ngạc nhiên cho một chính sách bảo hộ hèn yếu như thế lại kéo dài được hàng thế kỷ bất chấp những xáo trộn của cả lục địa, bất chấp những khổ đau không tránh khỏi của phận người. Ta chỉ có thể tìm ra lý do tồn tại của một quá trình liên tục như thế dựa vào những nguyên lý đạo đức triết lý riêng biệt cho bản chất huyền bí của các dân tộc da vàng.

*

* *

Lịch sử An Nam thực sự bắt đầu với triều đại nhà Thục kể từ năm 275 trước Thiên Chúa Giáng sinh⁶. Vị vua đầu tiên của dòng họ này vốn có tổ tiên gốc người Quảng Tây, khởi sự thiết lập mối quan hệ ngoại giao với Trung Hoa và mối quan hệ đó mau chóng được làm rõ nét bởi việc thừa nhận tính ưu việt của đất nước Trung Hoa.

Triều đình Nam Việt⁷ chịu khuất phục vì cần thiết tỏ thái độ tôn kính mà từ đó triều đình gặt hái được nhiều kết quả. Triều đình Nam Việt đẩy những tướng sĩ Trung Hoa đi bảo vệ biên giới lãnh thổ của mình, đồng thời hết sức cảnh giác không để vương quốc của họ, dưới sức ép của Trung Hoa, bị biến thành chư hầu thực sự, và cũng như không để Nam Việt, trong suốt nhiều thế kỷ phải chịu những bó buộc nô lệ.

Vua Ai vương⁸, vốn có quan hệ gia tộc gốc Trung Hoa, muốn chiều lòng người láng giềng vĩ đại, đã chấp nhận đến triều kiến hoàng đế Trung Hoa với thân phận chư hầu. Lúc trở về nước, nhà vua đối diện với sự nổi dậy của dân chúng. Thành phần ái quốc của triều đình gửi một đạo quân do tướng Lữ Gia⁹ chỉ huy, tấn công, bắt giữ và xử tử nhà vua. Lần đầu tiên trong lịch sử, An Nam tuyên bố độc lập (năm 111 trước Thiên Chúa)¹⁰.

Hoàng đế Trung Hoa coi đó là sự xúc phạm đến tôn nghiêm của vương triều, mà quyền phong hầu là một thí dụ, đã gửi quân đội xâm lăng vương quốc, tàn phá đất nước và chia cắt thành quận huyện Trung Hoa. Vương triều An Nam thế là tiêu tán trong loạn ly¹¹.

Nhưng ý thức cực kỳ nồng nhiệt về nền độc lập mà quân chúng vẫn gìn giữ, bất chấp những biện pháp khắc nghiệt của chính sách đồng hóa do kẻ thắng trận áp đặt, ký ức oai hùng của dân tộc vẫn được duy trì trong những túp lều xơ xác nhất bởi những thi sĩ khiêm tốn mà ảnh hưởng tạo ra rất to lớn, đã mang đến một phản kháng cực kỳ mãnh liệt, thúc đẩy cả đất nước chống lại kẻ xâm lăng (năm 41 sau Thiên Chúa).

“Mùa xuân, vào tháng Hai năm Kiến võ thứ mười sáu (năm 42 sau Thiên Chúa), biên niên sử triều đình Huế ghi lại, một phụ nữ người Giao Chỉ tên là Trưng Trắc đã dẫn quân đánh đuổi Thái thú Tô Định và tự xưng là Nữ vương”.

Trưng Trắc và em gái tự tập quân chúng, vội vã trang bị cho những nhóm nông dân đến quy tụ theo lời hiệu triệu của hai bà, chiếm giữ sáu mươi căn cứ¹², đánh đuổi thái thú Trung Hoa đến tận biên giới Sơn Tây, quét sạch kẻ áp bức ra khỏi đất nước. Hoàng đế nhà Hán bèn gửi một đạo quân do tướng Mã Viện chỉ huy sang đánh nữ vương của Việt Nam, Mã Viện từng nổi tiếng với những chiến thắng chống lại người Tây Tạng và những chiến công khi tuổi đã rất già. Mã Viện theo đường bờ biển xâm nhập vào Bắc Việt, tận Lăng Bạc (Hồ Tây, Hà Nội) thì gặp và giao chiến với quân An Nam đổ đến. Cuộc chiến diễn ra ngắn ngủi, quân Trung Hoa cắt vụn đội quân thiếu chuẩn bị của Trưng Trắc, nữ vương đành tuyệt vọng nhìn binh sĩ bỏ chạy tan tác. Hai vị nữ anh hùng bị Mã Viện bắt và bị xử tử¹³. Để ghi dấu chiến thắng, Mã Viện cho dựng trụ đồng¹⁴ ở cuối biên giới Nhật Nam - xứ sở của đồi núi. Mã Viện tập hợp những quan chức Trung Hoa và thiết lập lại việc thống trị hà khắc hơn bao giờ hết. Chế độ lệ thuộc này kéo dài đến năm 546¹⁵, bị ngắt quãng vào năm 186 bởi một cuộc nổi dậy bị đàn áp mau chóng¹⁶.

Chính trong suốt thời kỳ ấy mà sự thống trị về tinh thần của Trung, Hoa được khẳng định. Tuy nhân dân đã mất hết tự do và lãnh tụ của họ, nhưng không mất đi cá tính dân tộc của riêng mình. Người dân chấp nhận dễ dàng triết lý, tôn giáo, nghệ thuật, tập quán của chủ nhân của họ, nhưng họ vẫn gắng sức chịu đựng cái ách chính trị mà họ sẽ vùng thoát một khi cảm thấy mình đủ sức mạnh để chiến đấu một lần nữa. Dù còn thiếu tinh thần ái quốc, nhưng họ biết đau khổ dưới sự đàn áp và luôn luyện tiếc nền độc lập. Mọi suy nghĩ, mọi hy vọng của họ đều hướng tới mục tiêu tự do mà họ còn gìn giữ kỷ niệm và tôn thờ. Họ chấp nhận từ kẻ xâm lăng nền giáo dục có khả năng nâng họ

lên ngang tầm với chúng, họ học hỏi, âm thầm tiến hóa, quan sát, thu lượm, che giấu sự nôn nóng, rút tỉa những ưu thế mà họ được chấp thuận, nhưng không vì thế lòng hận thù lại giảm sút. Trong những ngôi làng hẻo lánh nhất, những cuộc họp mặt được tổ chức, người già kể cho con cháu kính cẩn ngồi xúm xít chung quanh, trong bóng tối mờ nhạt của những mái nhà tranh, câu chuyện tuyệt vời của hai vị nữ anh hùng cùng chung nòi giống, đã biết vinh quang hy sinh để giành lại từ tay người Trung Hoa những ruộng đồng màu mỡ và những cánh rừng huyền bí cho người dân. Đàn ông mạnh khỏe tập hợp với nhau vào lúc đêm xuống, trầm giọng trao nhau những lời thề dứt khoát trước sự chứng giám của thành hoàng hộ pháp. Ngay cả những phụ nữ, làm thê thiếp cho các lãnh chúa ngoại xâm, vây bọc chung quanh họ bằng một hệ thống những mảnh khoe bên trong gia đình và những theo dõi bền bỉ. Không một hành vi, không một suy nghĩ nào của kẻ chiến thắng mà kẻ chiến bại, hãy đang còn khom mình trước sức mạnh để rồi mỗi khi đứng lên lại còn mềm mỏng hơn, khôn ngoan hơn, tự tin hơn, không biết đến. Các thứ sử của hoàng đế yên ngủ trong sự yên tâm ngạo nghễ, trong lúc chung quanh họ, quần chúng bàn tính với nhau và chuẩn bị vũ khí.

Năm 546, đất nước đã sẵn sàng nhưng cần phải có người chỉ huy. Có hai nhân vật: Triệu Túc và Lý Bí¹⁷. Hai người này tính cách rất khác biệt nhau, lại có những phẩm chất mà quần chúng chờ đợi: can đảm, thông minh, biết lấy được lòng tin của vị phó vương¹⁸. Họ quyết định lợi dụng cơ hội thuận lợi để nhanh chóng ra tay. Sứ giả của họ chạy đi khắp nơi trong xứ, lên tận những thôn làng ở vùng mạn ngược xa xôi. Nơi ấy, trước đình làng, họ điểm danh các chiến sĩ và hẹn nơi tập trung.

Trong lúc Triệu Túc, người huấn luyện, mạnh mẽ hăng hái, chuẩn bị cho chiến binh sẵn sàng chiến đấu, thì Lý Bí với khuynh hướng chính trị khôn ngoan hơn, xoa dịu sự hoài nghi bắt đầu nảy sinh ở người Trung Hoa, cung cấp những chứng cứ

về lòng trung thành của mình, can thiệp vào một số gia đình mà ông ghen tị uy tín, tố cáo họ như những kẻ đáng nghi ngờ, nhận phần thưởng những ân huệ và một phẩm trật cao trong hàng quan lại.

Đất nước dường như chưa bao giờ yên bình như thế cho đến khi mùa gặt hái vừa xong, thì bùng nổ một cuộc nổi dậy ghê gớm nhất, làm rung chuyển cả An Nam. Lý Bí vút đi cái mặt nạ phải mang lâu ngày, cùng với Triệu Túc và chiến binh, tiêu diệt các đơn vị quân đội Trung Hoa chưa hề kịp có lệnh tập trung, băng qua những xóm làng như cơn bão, rượt đuổi phó vương còn chưa kịp chặn bắt, trong khi ở đằng sau, dân chúng thoát khỏi xiềng xích, chiếm lấy hoặc đốt nhà của kẻ bại trận.

Đất nước thoát khỏi sự đô hộ nặng nề, bắt tay vào việc tổ chức. Lý Bí được đưa lên ngôi với lòng biết ơn của dân chúng, dựng lên triều đại quốc gia đầu tiên hoàn toàn độc lập. Lý Bí từ chối được sắc phong và cư xử ngang hàng với hoàng đế Trung Hoa. Việc này gây nên một lỗi lầm nặng nề mà về sau đất nước phải chịu nhiều thống khổ. Chắc chắn rằng từ đó, Trung Hoa đã hiểu sự vô ích khi theo đuổi một chính sách ngoại giao kiêu ngạo, thu vén một hình thức mơ hồ về quyền bá chủ để mong cứu vãn sĩ diện - điều mà thiên triều vẫn còn rất nhạy cảm - buộc phải thừa nhận nền độc lập và duy trì mối quan hệ hữu nghị với nhà Lý.

Ngược lại, Lý Bí đã cư xử với nước lân bang của mình bằng một thái độ buộc hoàng đế Trung Hoa phải trù định những cuộc viễn chinh mới. Nhưng lo ngại sự hung bạo của những bộ tộc Mông Cổ rồi một ngày sẽ lật đổ triều đại mình, hoàng đế trì hoãn, để mặc cho Lý Bí có thời gian tổ chức quân đội, xây dựng thành trì, huấn luyện binh sĩ theo cách Trung Hoa, đóng cửa biên giới, thiết lập liên minh đầu vẫn còn mỏng manh với vương quốc Chăm. Nếu Trung Hoa quyết định tấn công, thì quân đội của họ không thể chọc thủng những phòng tuyến đầu và chỉ còn cách phải rút lui.

Họ Lý, sau khi giành được độc lập cho đất nước, đã cai trị bằng một sự hà khắc dữ dội. Ông cố gắng khôi phục bản sắc nguyên thủy của dân tộc bằng cách loại trừ di sản của giai đoạn đô hộ Trung Hoa. Ông cấm dân chúng buôn bán với các chủ cũ Trung Hoa, không cho họ nói ngôn ngữ và theo các tập quán Trung Hoa; ông đuổi ra khỏi vương quốc các nghệ sĩ và kẻ trí thức đang tiếp tục duy trì nếp sống văn hóa cũ, áp đặt lên người Minh hương¹⁹ một tư cách mất thể diện, xâm phạm đến tận những cơ chế gia đình được lưu truyền qua nhiều thế kỷ bởi sự đô hộ lâu đời. Ông ra lệnh cho các làng xã tu sửa các kênh rạch đê điều, chở thóc gạo đến các kho lẫm hoàng cung, tổ chức dân quân. Dân chúng sốt ruột chịu đựng một chính sách hung bạo mà họ không hiểu được sự cần thiết và tầm vóc của nó. Họ quý mến nền tự do khốn khổ của mình cùng lúc nghĩ đến những hy sinh phải chịu đựng để có được vị chủ quản đáng sợ kia. Người dân thở phào khi được tin họ Lý qua đời. Nhưng những kẻ kế vị vai luôn theo đuổi chính sách cô lập của họ Lý, gạt đi những kiến nghị của các quan thượng thư đang lo lắng vì thái độ đáng ngờ của Trung Hoa.

Triều đại nhà Lý sụp đổ trong hoàn cảnh đó. Nó chỉ kéo dài được sáu mươi năm²⁰. Triều đình Trung Hoa lợi dụng cuộc nội chiến²¹ bùng nổ vào lúc ấy để đóng vai trò hòa giải và chiếm đóng bằng vũ lực các vị trí quan trọng. Nhưng Trung Hoa tránh không ép lảng giềng hà khắc như trước đây: vẫn để cho đối thủ lên ngôi, họ áp đặt vị phó vương thứ nhất một hiệp ước bảo hộ, theo đó Giao Châu vẫn được hoàn toàn tự do trong lãnh thổ của mình, có nghĩa là trên mười ba châu, phần còn lại của vương quốc gồm bốn mươi huyện thì được cai trị theo chính sách Trung Hoa và buộc phải nộp cống phẩm thường niên²². Công cuộc chiếm cứ lần này đáp ứng một nhu cầu khôi phục tinh thần hơn là một cần thiết chính trị. Hoàng đế Trung Hoa không quên những tủ nhục vào năm 546²³, luôn xem Giao Châu như một quốc gia chư hầu, ông ta lợi dụng những cơ hội thuận lợi để

tái lập quyền bá chủ lâu đời của mình. Sự thừa nhận địa vị tối cao xa xưa có một thời đã làm ông ta thỏa lòng, lúc mà quyền lực của ông ta có hạn, lại lo sợ các bộ tộc Mông Cổ, đối thủ của ông ta tự cho là đủ mạnh để khuếch từ biểu hiện lòng tôn kính mà nhà vua yêu cầu như cái giá của tình bằng hữu.

Kinh nghiệm đã cho hoàng đế hiểu sự hà khắc chỉ mang lại những cuộc lật đổ mới, thế nên ông đã dùng một chính sách khéo léo: để cho kẻ thất trận được tự do chính trị, ra tay giúp đỡ họ vào những năm mất mùa, bảo vệ lúc họ bị tấn công... và người ta có thể nói rằng trong suốt hơn ba thế kỷ, Trung Hoa đã là người bảo vệ vô vị lợi và hào hiệp của vương quốc [An Nam].

Tuy vậy, thời kỳ của những cuộc xâm lăng chưa khép lại, người Lào rồi người Chăm lần lượt nhảy bổ vào lãnh thổ, khiến quân đội thiên triều phải ra sức chiến đấu thay cho người dân được bảo vệ. Những người này chỉ bàng quan tọa khán chứ không tham gia vào cuộc chiến, nơi mà số phận của tổ quốc họ đang đặt cược. Cuối cùng, đã tận tụy đến kiệt sức, hoàng đế đành phải rút quân về.

Dân Giao Châu được tướng Cao Biền, người gốc Trung Hoa, nhưng đã sống từ rất lâu tại Giao Châu và xem đất này như quê hương thật sự, giải cứu. Quân đội thiên triều rút đi, ông kêu gọi dân chúng chiến đấu bảo vệ lãnh thổ và tổ chức một cuộc chiến tranh bất ngờ, liên tục đánh tan tác quân địch, đẩy lùi chúng đến tận sông Mékong sau suốt mười năm chiến đấu kiên trì. Hòa bình được lập lại, Cao Biền xưng vương nhưng không hề xin hay nhận sắc phong. Tuy nhiên, ông vẫn giữ mối quan hệ thân phục với hoàng đế Trung Hoa. Ông bình yên trị vì cho đến năm 939²⁴.

Cao Biền mất đi, quyền lực bị họ Ngô tiếm đoạt và lên ngôi sau khi ám sát kẻ nối ngôi chính thống²⁵. Triều đại mới này chỉ kéo dài được ba mươi năm²⁶, nhưng Trung Hoa đang vì những cuộc xâu xé nội bộ không cách gì can thiệp vào công việc của chư hầu mình.

Năm 968, mười hai sứ quân²⁷ cầm đầu các vùng phân chia theo hiệp ước năm 618²⁸, nổi dậy và tự xưng vương độc lập. Nhưng Đinh Bộ Lĩnh, người mưu lược nhất trong các sứ quân²⁹, đã chiếm lấy ngôi vua sau khi nghiền nát các đối thủ khác. Những sự kiện này diễn ra khi đế quốc Trung Hoa đang rơi vào một giai đoạn hỗn loạn của lịch sử: một thảm kịch trong cung đình, rồi cuộc nổi dậy của dân chúng đã làm hoàng đế phải án binh bất động trong vài năm. Sau khi thoát khỏi những rối rắm, chính quyền Bắc Kinh gây chiến với Đinh Tiên Hoàng và sai người đầu độc chết rồi phái quân sang chiếm nước Nam³⁰. Và như thế người dân An Nam lại một lần nữa đứng lên hăng hái chiến đấu chống xâm lăng. Dân chúng tôn Lê Hoàn lên ngôi³¹, người thành lập nên nhà Lê vinh quang và mang lại cho đất nước một triều đại bền vững hơn đời trước. Lê Hoàn đã đánh và bắt giữ tướng địch, khiến hoàng đế Trung Hoa phải kính nể vũ lực của họ Lê, đến mức buộc phải từ bỏ mọi dã tâm xâm lược, long trọng tuyên bố thừa nhận vương quyền và nền độc lập của đất Đại Cồ Việt (năm 982)³².

Một nền tự do có được sau bao nhiêu biến cố không dễ dàng gì đưa được vào quy chế ổn định. Nước Trung Hoa nếu muốn, đã có thể duy trì ách đô hộ nặng nề lên An Nam, nhưng họ đã không tỏ ra muốn tìm cách dày xéo kẻ đối lập cứng cỏi. Dầu sao, các hoàng đế Trung Hoa vẫn luôn luôn đeo đẳng một tiếc nuối và nếu phần lớn trong bọn họ chấp nhận một cách rộng rãi chính sách bảo hộ vô vị lợi đối với An Nam, thì cũng có những hoàng đế khác tìm cách lợi dụng những hoàn cảnh nhỏ nhất nhất để mưu toan áp đặt lại sự thống trị quen thuộc.

Kể từ giai đoạn này, tính cách của các mối quan hệ giữa hai nước thay đổi và có một giá trị ổn định dưới triều vua Lý Thái Tông³³, là người mà những kẻ nổi loạn ở Quảng Đông vào năm 1043³⁴ khẩn cầu đóng vai trung gian hòa giải giữa họ và thiên triều. Từ ấy, vua Đại Việt³⁵ chấp nhận thỉnh cầu sắc phong ở hoàng đế Trung Hoa, một thủ tục hình thức không có tầm quan

trọng thực sự, vì nhà vua vẫn cư xử như một vị chúa tể, không thềm quan tâm đến một ai khác. Nhà vua cho đúc tiền, tổ chức hành chính các vùng trước đây chưa được kiểm soát, xây dựng quân đội, ký kết các liên minh và không nộp một khoản cống phẩm nào cho người láng giềng vĩ đại mà ngược lại có khi nhà vua còn giúp đỡ khi thấy có lợi.

Điều chứng tỏ rằng chẳng có một mối liên hệ chính trị cũng như chẳng có một điều ước nào buộc Đại Việt phải lệ thuộc vào Trung Hoa, chính là thái độ của hoàng đế Trung Hoa vào năm 1127, trong việc chiếm cứ vô cớ một số vùng đất Đại Việt³⁶. Không một quy ước, một hiệp định nào cho phép triều đình Trung Hoa tự áp đặt ý muốn của mình. Họ liên minh với người Lào, với vũ khí trong tay, giải quyết những phân tranh mà chính họ đã tạo ra. Bị Ly-Hou đánh bại, Trung Hoa phải thừa nhận nước chư hầu trước đây nay đã trở thành một hàng xóm đáng gờm. Vương quốc Đại Việt từ đây được xem như một nước hùng mạnh đáng tôn trọng. Các triều đại thù nghịch với Trung Hoa đều gửi sứ giả và quà tặng đến vua Đại Việt Ly-Anh (năm 1192)³⁷.

Lý Cao Tông, con của Lý Anh Tông và những vị vua kế nghiệp trong sáu mươi năm không hề thỉnh cầu sắc phong và sự sắp đặt việc kế vị đã được thực hiện mà không có sự can thiệp của Trung Hoa. Hai nước từ đó sống trong hòa bình yên ổn cho đến khi các đạo quân Mông Cổ gieo kinh hoàng khắp nơi thì hai quốc gia mới động binh trở lại.

Năm 1250, triều đại nhà Tống Trung Hoa bị Koublai-Khan³⁸ lật đổ, vương quốc bị thống trị bởi nhà Nguyên của dòng họ người Tartare³⁹. Ở Đại Việt, nhà Lý mất sau triều đại của một ông vua điên⁴⁰ và một đứa trẻ. Quyền bính thuộc về tay họ Trần⁴¹. Tình thế trở nên bi đát từ cả hai phía biên giới. Ở Trung Hoa, nhà bạo chúa Mông Cổ cai trị bằng khủng bố, bị đe dọa bởi sự phản kháng của quần chúng từ mọi phía. Ở phương Nam, nhà Trần chưa được củng cố và nỗi lo sợ quân Mông Cổ xâm

lãng làm quyền lực của nhà Trần trở nên rất mong manh. Thế nên, đế triều Nguyên tôn trọng biên giới hai nước, vua Trần Thái Tông vào năm 1259, đề nghị ký lại hiệp ước⁴² trước đây về quyền bá chủ, đồng thời chấp nhận thêm việc triều cống cứ mỗi ba năm⁴³. Hiệp ước này cứu vãn sự toàn vẹn của lãnh thổ vương quốc không bị may mắn xâm phạm. Nhưng nếu sự lệ thuộc của Đại Việt chỉ gồm bằng những biểu hiện tôn kính long trọng kèm theo những lễ nghi có tính tượng trưng, thì vị vua Mông Cổ tàn bạo không phải là không biết khẳng định ưu thế của mình bằng cách đè bẹp nước láng giềng với một chính sách bảo hộ sỉ nhục. Quả thật, dường như vị tân hoàng đế Trung Hoa đã không tôn trọng lâu dài những điều khoản của hiệp định 1259, vào lúc ấy còn được chấp thuận bởi lẽ ông ta đang bận thiết lập trật tự trong những vùng mới chinh phục khác. Ngay lập tức, khi được rảnh tay khỏi những hoạt động ấy, hoàng đế truyền lệnh cho Trần Hoảng⁴⁴, con của Trần Thái Tông⁴⁵, đích thân đến triều kiến để nhận sắc phong. Trần Hoảng, lấy gương của Ai Vương trong lịch sử, từ chối khom mình dưới sức mạnh của Mông Cổ và chọn lựa chiến đấu đầu cho có thể bị dân chúng hoảng sợ truất ngôi⁴⁶.

Chiến tranh bùng nổ, kinh khủng và ngắn ngủi. Trần Hoảng là người chiến thắng, nhưng mới hận thù bốn năm sau lại tái diễn vào dịp lên ngôi của vua kế vị Trần Thuyên⁴⁷. Koublai-Khan qua đời vào lúc ấy. Triều đình Trung Hoa bèn rút quân về và phong vương cho Trần Mạnh⁴⁸ mặc dầu nhà vua không cầu xin.

Trần Mạnh, nối ngôi Trần Thuyên, sau khi thừa nhận bá quyền của hoàng đế nhà Nguyên. Nhưng khi Trần Mạnh qua đời, Trần Vượng⁴⁹ tức thì cư xử như một quân vương độc lập, còn hoàng đế Trung Hoa thì không còn nghĩ phải bắt tôn trọng những điều luật đã trở thành lỗi thời của hiệp ước 1259.

Triều đình Đại Việt, dày dặn kinh nghiệm xương máu, đã lợi dụng giai đoạn hòa bình để củng cố tổ chức quân sự và hành

chánh. Đã từng học hỏi mọi điều từ người Trung Hoa, triều đình Đại Việt chống lại Trung Hoa bằng chính những phương tiện tương tự, tựa vào lòng can đảm của nhân dân và niềm tin vào sứ mạng mà triều đình tự cho phải gánh vác. Nhà Trần đã tạo ra cho nhà Nguyên một lòng kính trọng mỗi ngày một lớn cùng với sự vững mạnh của lực lượng nhà Trần. Chẳng bao lâu nhà Nguyên phải cầu sự giúp đỡ của nhà Trần - thậm chí trong tuyệt vọng, để đánh đuổi nhà Minh khỏi ngai vàng mà họ vừa đoạt được.

Kể từ đây, dân Đại Việt mới có thể kiêu hãnh hưởng thụ thành quả của quá trình hy sinh kiên trì. Nhà Minh gửi đến quốc vương Đại Việt một phái bộ có nhiệm vụ thông báo việc lên ngôi của vua họ. Triều đình Đại Việt hết sức thỏa mãn, thừa nhận triều đại mới của Trung Hoa và mau chóng ký kết một hiệp ước bảo đảm độc lập quốc gia và tính chính thống của chính quyền Trung Hoa.

Thế là Trung Hoa chính thức từ bỏ những ý đồ tham vọng đối với Đại Việt, cư xử với một đất nước trước đây đã từng xem là chư hầu bằng một lòng kính trọng không ngờ.

Vương quốc Đại Việt cuối cùng cảm thấy giải thoát được những lo âu đã dày vò kể từ khi lập quốc. Không một đám mây nào làm mù mịt chân trời chính trị nữa. Được kẻ láng giềng mạnh mẽ nể nang, người lính vui mừng tìm lại tự do và đồng ruộng của mình, kẻ trí giả tìm vãn điệu cho bản anh hùng ca tán dương tổ quốc họ... Thì bỗng dưng một cuộc phản loạn làm lật đổ ngai vàng và lại xô đẩy nước nhà vào cơn hỗn loạn. Họ Hồ thay thế nhà Trần vốn được nhân dân yêu mến. Họ Hồ cắt đứt thô bạo quan hệ với Trung Hoa khiến nhà Minh lợi dụng sự rối loạn do những láng giềng của mình đánh nhau để chiếm mười hai tỉnh miền Bắc và đặt một sứ quân của nhà Minh cai quản⁵⁰. Đại Ngu⁵¹, mất tất cả vùng đất phía bắc, đành cúi mình một lần nữa dưới đạo luật pháp hà khắc của kẻ chiến thắng. Một hậu duệ còn sót lại của họ Trần xin triều đình nhà Minh phong vương

phần đất còn lại. Hoàng đế nhà Minh khinh thường chấp nhận cho chức giám quốc mà kẻ khốn khổ tỏ ra hàm ơn nhưng không ngừng chiêu mộ binh mã⁵².

Sau trận ở Thuận Hóa, toàn bộ đất Đại Ngu bị xâm chiếm, Trần chạy trốn qua Lào và chết ở đây trong muện phiên⁵³.

Thế là, chỉ cần có hai trận đánh cũng đủ làm tiêu tan lực lượng đã phải khó nhọc lắm mới có được của các triều đại An Nam. Mới hôm trước, hãy còn là đồng minh của thiên triều, hãy còn được tôn trọng và kính sợ, thì nay quốc gia An Nam không thể chịu đựng những biến động của một cuộc nội chiến làm chia cắt đất nước, làm lợi cho Trung Hoa vẫn luôn chú tâm vào những xung đột bên trong của mình. Nhưng nếu những tham vọng cá nhân đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử của đất nước, nếu những tham vọng ấy có lúc đã tạo ra những thảm họa, thì sức sống kỳ diệu của người dân cũng cho phép đất nước đứng lên, lấy lại vị trí đã bị đánh mất do những sai lầm và tội ác của những chủ nhân của nó. Chính nhờ trải qua những cuộc đấu tranh ấy mà lòng ái quốc của nhân dân, bản sắc anh hùng của đất nước được khẳng định, bởi lẽ những vùng đất bị chiếm cứ bởi Trung Hoa đã sớm đánh thức trong mọi tầng lớp xã hội ý thức về một nền độc lập toàn diện, vẫn thường được thực hiện nhờ vào tinh thần độc đáo của dòng giống, nhưng luôn luôn bị phá hoại bởi những sai lầm liên tục của những kẻ gây ác tham lam.

Chiến thắng Thuận Hóa và cuộc lần trốn của Trần [Quý Khoách] đã khiến hoàng đế Trung Hoa phải theo đuổi một chính sách thôn tính và bạo lực. Mọi quận huyện An Nam đều bị chiếm cứ, quan lại cai trị nhà Minh áp dụng một kế hoạch xóa bỏ dân tộc tính thô bạo, đảo lộn mọi tập quán, cưỡng chế mọi truyền thống, áp đặt việc dạy học tiếng Hán, cấm mặc quốc phục, đày đọa người dân dưới sức nặng của việc khổ sai. Quân đội An Nam bị sáp nhập vào quân đội Trung Hoa và trở thành một công cụ cho việc thống trị của nhà Minh⁵⁴.

Có vẻ như người Việt đã vĩnh viễn mất hẳn bản sắc dân tộc và mọi niềm tin. Trung Hoa tin rằng đã thanh toán xong kẻ lảng giềng non trẻ và quật cường. Tuy nhiên, sự thật không hề như thế.

Quả thật, ách đô hộ của ngoại xâm ở giai đoạn này đã làm bùng dậy dũng khí của người Việt. Lòng kiêu hãnh của người dân vùng lên dưới sự “thóa mạ như tát nước vào mặt” ngay trên đất quê hương, và phản ứng của người Việt rồi sẽ khùng khiếp hơn những gì họ đã phải gánh chịu và với nhiều năng nổ hơn bao giờ hết. Họ chiến đấu trong mười năm⁵⁵, từng bước chiếm lại đất đai của tổ tiên cho đến khi Lê Lợi, thủ lĩnh của họ, đã buộc hoàng đế Trung Hoa phải từ bỏ tham vọng xâm chiếm bằng một hiệp ước ký kết ở Đông Đô - Hà Nội. Trần Cao, hậu duệ cuối cùng của nhà Trần được tôn lên ngôi vua, nhưng một năm sau thì qua đời, để lại ngôi báu cho vị thủ lĩnh chiến thắng kế vị⁵⁶. Từ đó, sự toàn vẹn lãnh thổ nước Nam và mối quan hệ ngoại giao lại được tôn trọng. Nền độc lập tự chủ không còn bị lung lay vì những tranh chấp nội bộ. Đây là lần thứ ba triều đình Trung Hoa biểu lộ một thái độ chính trị mơ hồ và nhu nhược mà về sau sẽ không có một sự kiện nào làm thay đổi sâu sắc nữa.

Triều đại nhà Lê không mấy tỏ ra quan tâm về những bốn phận mà sự thừa nhận bá quyền Trung Hoa bắt buộc. Những vì vua kế vị Lê Lợi không xin sắc phong của triều đình Trung Hoa⁵⁷. Lại có khi, như trường hợp Lê-Tai [nguyên văn], họ chỉ thông báo lễ đăng quang của họ cho triều đình Trung Hoa vào cuối giai đoạn trị vì của mình. Họ giao chiến, phát triển và mở rộng lãnh thổ, thiết lập nền bảo hộ vùng Trấn Ninh và Lào mãi đến tận vùng đồi núi Miến Điện là những quốc gia chịu sự bảo trợ của Trung Hoa mà không thêm lưu tâm đến những phản đối của thiên triều.

Lê Oanh⁵⁸ là người đầu tiên không tuân theo thông lệ của các đời vua trước, đã nhận sắc phong của hoàng đế Trung Hoa,

nhưng lại bị Lê Ý⁵⁹ lật đổ và đến lượt Lê Ý bị họ Mạc truất ngôi vào năm 1527⁶⁰ Mạc Đăng Dung tiếm quyền nhân một cuộc binh biến⁶¹, nhưng rồi lại bị hạ bệ bởi những kẻ nổi loạn vào năm 1546. Họ Mạc chạy lên vùng đồi núi phía bắc và xưng vương ở đấy⁶². Vua Lê-Minh⁶³, nhận thấy không thể rượt đuổi họ Mạc, kêu nài hoàng đế Trung Hoa tuyên chiến với kẻ tiếm quyền rồi cuối cùng phải chấp nhận việc chia cắt lãnh thổ. Mười ba tỉnh phía bắc giao cho nhà Mạc được triều đình Trung Hoa phong hầu⁶⁴ làm quan thế tập vùng Quảng Tây. Phần đất còn lại thì do Lê-Minh hoàn toàn cai trị (1558). Thật kỳ dị khi ta nhận thấy hành vi duy nhất chứng tỏ tính bá quyền thực sự của hoàng đế Trung Hoa đối với An Nam chỉ là chia rẽ khiến cho đất nước lại rơi vào trong sự hỗn độn rối rắm⁶⁵. Các vua Lê chính thống từ đấy mất dần quyền uy thực sự. Dường như triều đình Trung Hoa bỗng dưng có trực cảm về chính sách bảo hộ hiện đại, như ngày nay nó đang được thực thi dưới nhiều hình thức khác nhau⁶⁶. Hiệp ước song phương trên bề mặt, nhưng trong thực tế chỉ là đơn phương do các cường quốc áp đặt lên những nước yếu hơn. Triều đình Trung Hoa tìm cách làm suy yếu vương quốc bằng cách phân chia lãnh thổ, hỗ trợ một cuộc nổi loạn đối đầu với nhà vua chính thống. Trung Hoa duy trì các nước lân bang mãi trong tình trạng suy yếu để bảo đảm rằng Trung Hoa không thể bị các nước ấy tấn công, đồng thời giữ vững vai trò của một cường quốc ưu việt cho phép Trung Hoa can thiệp vào mọi lúc công việc nội bộ của các chư hầu.

Trên thực tế, việc can thiệp ấy trở nên cần thiết. Thế lực lớn mạnh của họ Mạc ở phương Bắc làm vua Lê Thế Tông⁶⁷ lo ngại, và thêm một lần nữa cầu viện hoàng đế Trung Hoa. Triều đình Trung Hoa đáp ứng lời cầu xin bằng cách hạ thấp những đặc quyền của nhà Lê và sửa đổi hiệp ước 1548⁶⁸. Trung Hoa trả lại cho vua Lê mười một tỉnh phía bắc, chỉ để cho họ Mạc quyền cai trị Thái Nguyên và Cao Bằng. Thái độ rộng lượng bề mặt này

không làm vua Lê thỏa mãn vì không thể chống lại sự chia cắt âm thầm trong xứ sở của ông ta.

Năm 1636, nhà Minh bị người Thanh lật đổ. Khang Hi được tôn lên ngôi hoàng đế⁶⁹. Vua Lê Duy Vũ⁷⁰ gửi sứ bộ đi triều kiến tân hoàng đế và xin được sắc phong. Hai vua bèn ký hiệp định 1663⁷¹, theo đó hai quốc gia phải sẵn sàng giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau. Đây là văn kiện ngoại giao cuối cùng được trao đổi giữa hai nước trước khi người phương Tây đến Đông Dương.

Khang Hi chấp thuận phong vương cho vua Lê, lại đồng thời phong chức chúa cho Trịnh Tráng⁷², người có những năng lực bổ khuyết cho sự mềm yếu của vua Lê, rồi dần dà xâm lấn quyền chỉ đạo mọi vấn đề. Những hậu duệ của họ Trịnh bức ép vua Lê vào tình thế phụ thuộc đến độ họ không cho nhà vua thỉnh cầu nhà Thanh tấn phong, vì việc ấy có khả năng nâng cao uy quyền của nhà vua và làm giảm vai trò của họ. Với những nỗ lực của họ Trịnh, An Nam bảo vệ được tính thống nhất dòng giống, đạo đức và tôn giáo. Trung Hoa đã tìm cách đồng hóa người Việt, thì họ Trịnh lại cố sức trả lại cho đất nước bản sắc dân tộc mà sự thôn tính của Trung Hoa đã làm mất đi. Họ Trịnh đã thành công trong công việc ấy, bất chấp những phản đối giận dữ của triều đình nhà Thanh, bất chấp ngay cả sự ngờ vực của dân chúng vốn từ lâu gắn bó với các vua triều Lê, một vương triều chẳng bao lâu nữa sẽ biến mất.

Quả thật, những vua nhà Lê về sau không có được một phẩm chất nào của vị vua [Lê Lợi] khai sáng triều đại. Phóng túng, yếu đuối, hoài nghi, họ dễ dàng chấp nhận gìn giữ quyền lực chỉ để hưởng thụ vật chất và những hào nhoáng có sẵn từ trước. Họ để cho các chúa Trịnh giữ quyền chỉ đạo các hoạt động triều chính. Điều đã khiến cho họ Trịnh cuối cùng xem như một trách nhiệm thế tập để mà vinh dự gán tên tuổi của mình vào đấy. Đại diện cho vương quyền phương Bắc, họ đã sớm cư xử như những vị chủ tể có quyền hành tuyệt đối, dành cho người trong gia đình họ Nguyễn quyền cai trị các tỉnh phía nam, trấn thủ ở

Huế⁷³, để rồi về sau lại cung cấp cho An Nam một vị vua [Gia Long] khai sáng nên triều đại ngày nay.

Kể từ đấy, lần đầu tiên xuất hiện hai cách gọi Đàng Ngoài và Đàng Trong được dùng trong ngôn ngữ ngoại giao, để chỉ định vùng Tonkin và Cochinchine. Những cách gọi ấy chứng tỏ rõ ràng rằng, vương quốc từ đấy được cai trị bởi hai thế lực khác nhau dưới một uy quyền hoàn toàn mang tính danh nghĩa của một vị vua nhu nhược [vua Lê], không có khả năng ngăn cản những hậu quả của một cuộc tranh chấp không tránh khỏi sẽ đưa đất nước vào một cuộc nội chiến. Quả thật, cuộc nội chiến này bùng nổ vào năm 1627⁷⁴, nhân khi có việc tăng thuế, họ Trịnh tấn công và đánh bại họ Nguyễn và trở thành vị chúa có ưu thế hơn.

Trong khi những sự kiện trên xảy ra, vào năm 1596, một giáo sĩ Thiên Chúa giáo dòng Dominique tên là Diego Adverte đã đến [giảng đạo Thiên Chúa] ở Đàng Trong không ai hay biết. Chính quyền thoát tiên không mấy chú ý đến hoạt động đơn lẻ của vị thừa sai này mà dân chúng trọng vọng đón tiếp. Nhưng một thời gian ngắn sau đó có một số tàu thủy Tây Ban Nha đến cập bến ở Đàng Trong. Chính quyền lo ngại, buộc những tàu ngoại quốc phải lập tức rời đi. Kế hoạch ban đầu thất bại không làm nản chí các giáo sĩ ở Manille. Năm 1626, một giáo sĩ dòng Tên, Baldinotti⁷⁵, được gửi đến Đàng Ngoài để rao giảng Phúc Âm. Sự lựa chọn của giáo sĩ này thật không may. Baldinotti không hề hiểu biết gì về các vùng đất được đặt dưới trách nhiệm rao giảng của mình. Ông không thể làm cho người trong vùng hiểu được ông. Ông kiên trì, với một lòng can đảm vụng về, đối đầu với các quan bản xứ cuối cùng đã buộc ông phải lên tàu trở về lại Philippines. Cha Alexandre de Rhodes được phái đến thay thế⁷⁶. Cha là một trong những khuôn mặt kỳ lạ nhất trong những giáo sĩ truyền giáo của thế kỷ XVII, là một học giả sâu sắc, một nhà quan sát nhạy bén, một nhà ngoại giao mềm dẻo và tinh tế, khiến ngay cả chúa Trịnh cũng quý mến. Cùng đi với cha còn có

giáo sĩ Pedro Marquès. Cả hai đi khắp Đàng Ngoài và ở nơi nào cũng đều được nồng nhiệt đón tiếp, mọi e ngại đều lắng dịu nhờ vẻ hiền hòa của nhà truyền giáo Pháp đã xóa đi mọi định kiến về tôn giáo.

Đến năm 1644, cha de Rhodes đã đào tạo được hàng ngàn người theo học đạo, đã xây dựng nhiều nhà thờ, tập trung các tín đồ thành những họ đạo thịnh vượng. Dân chúng yêu mến ông và ông đã mau chóng học cách hiểu những niềm vui khiếm tốn và khổ nhọc nặng nề của họ. Cha de Rhodes bảo vệ con chiên chống lại những tham lam ngạo mạn của những quan lại trong vùng, bảo vệ những nông dân bằng quyền hạn yếu ớt của mình, giám sát hành chính của các thôn làng, nơi mà những ý kiến của ông được nghe theo với sự tôn trọng. Việc được lòng dân của ông lan đến những vùng lân cận, thâm nhập vào ngay cả phủ chúa Trịnh, nhạy cảm khi thấy những thiết chế đáng kính ban đầu dọn đường cho những nguyên tắc mới, đã ban hành một chỉ dụ truy tố tín đồ Thiên Chúa, mà trong thực tế chỉ áp dụng một cách yếu ớt. Cha de Rhodes không lấy làm e ngại, nhưng không muốn gây khó cho những người đã giúp đỡ mình thực hiện sứ mệnh, đã rời Đàng Ngoài để vào Đàng Trong⁷⁷ chờ đợi những ngày tươi sáng hơn.

Suốt trong thời kỳ xảy ra những hoạt động truyền giáo của cha de Rhodes thì những thương gia châu Âu bắt đầu xâm nhập đất nước An Nam. Đầu tiên là những người Hà Lan đến mở thương điểm tại Phố Hiến, nằm giữa Nam Định và Hà Nội, một vị trí được chọn lựa kỹ lưỡng, khiến nơi ấy mau chóng trở thành một trung tâm giao dịch sầm uất nhất của cả vùng. Chẳng bao lâu, những bố trí tạm thời được thay thế bằng những công trình vững chãi. Một thành phố mà mọi thương lái của các vùng biển châu Á đều lui tới được dựng lên nơi mà trước đây là một xóm chài và thợ thủ công nghèo nàn.

Năm 1638, một chiếc tàu Hà Lan, *Ryp*, Lần đầu tiên đã ngược dòng sông để lên đến tận Thăng Long, và từ năm 1640 sử Việt

ghi nhận sự có mặt của những thương gia Nhật Bản, Hà Lan và Trung Hoa tại Faifoo⁷⁸. Sự có mặt đông đúc của những người nước ngoài tạo nên một hoạt động thương mại mạnh mẽ làm lợi trước tiên cho người dân địa phương. Chính quyền địa phương tận lực thích ứng với sự phồn vinh chưa từng có này, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các thương điểm, bất chấp cả sự khuyến cáo của triều đình. Quả tình cả chúa Trịnh lẫn chúa Nguyễn đều cho là đang bị đe dọa. Họ ngờ vực những giáo sĩ thừa sai đã kêu gọi những người Âu châu đến, lấy cớ phát triển thương mại và tôn giáo, để chuẩn bị can thiệp vào vương quốc bằng sức mạnh phương Tây. Chính tư tưởng ấy đã tạo ra cho họ cũng như những người kế vị lòng căm ghét Thiên Chúa giáo, đặc biệt sâu sắc vào thời vua Minh Mạng, dẫu cho gia đình nhà vua đã từng nhận sự giúp đỡ của Giám mục Adran, và vua Tự Đức, đã hy sinh nền độc lập của nước nhà cũng vì suy nghĩ ấy⁷⁹.

Năm 1643, thương điểm Hà Lan ở Faifoo bị chính quyền Đàng Trong thiêu hủy. Một người giúp việc bản xứ bị các thương gia bắt gặp vào lúc y đang cuôm vài kiện bông vải, đã bị viên giám đốc thương điểm ra lệnh giết chết. Vị quan địa phương gửi giấy khiển trách những người Hà Lan, nhưng họ đã nhận một cách ngạo mạn. Được tin ấy, chúa Thượng⁸⁰ ra lệnh đốt thương điểm, xử tử những tội phạm, chỉ ngoại trừ hai người được chính quyền cho phép xuống tàu trở về Batavia⁸¹. Người Hà Lan phản nộ bèn gửi ba chiến hạm đến đòi hỏi chúa Đàng Trong một khoản bồi thường xứng đáng. Nhưng hạm đội Hà Lan⁸² vấp phải lực lượng thủy quân của chúa Thượng ở vịnh Tourane - theo lời kể của Vachet⁸³, hoặc trên sông ở Huế - theo sử gia Việt, và hạm đội đã không thể kháng cự nổi. Đây là lần đầu tiên người châu Âu phải chịu thất bại nhục nhã tại Đông Dương⁸⁴.

Thương gia Nhật Bản bèn chiếm lấy chỗ của người Hà Lan ở Faifoo sau sự kiện kể trên.

Chính người Anh cũng rất sớm bị thu hút bởi sự giàu có phong phú của châu Á. Nữ hoàng Elisabeth vào năm 1600 đã

ban một Hiến chương cho Công ty Đông Ấn Luân Đôn. Một năm sau, những thương điểm Anh quốc đầu tiên được mở tại Ấn Độ, trong vùng quần đảo Sonde. Hai năm sau, thuyền trưởng John Sarris thành lập một cơ sở thương mại tại Hirado ở Nhật Bản và giao quyền quản lý cho Richard Cocke. Người này đã gửi đến Đàng Trong một thuyền buôn do Peacok chỉ huy cập bến Faifoo, nơi mà hàng hóa trên tàu được đưa lên bờ. Giai đoạn đầu của cuộc viễn du này diễn ra thuận lợi. Nhiều người địa phương chạy đến các cửa hàng Anh để mua sắm. Nhưng nhân một cuộc xô xát lại có một nhân viên người Âu tên là Walter Corwarden bị giết, Peacok vội vàng lên tàu ra đi, bỏ lại phần lớn các hàng hóa mặc tình bị cướp bóc trên bờ.

Công ty Đông Ấn vào năm 1616 còn cố thử thách một lần nữa nhưng cũng không thành công. Người Hà Lan, thuở ấy làm chủ mọi vùng biển, buộc các đối thủ cạnh tranh phải rời bỏ Nhật Bản và Đài Loan. Chỉ vào năm 1672 mới có một thuyền lớn chở William Gyfford⁸⁵, giám đốc thương mại, và năm người Âu lên đường đến Đàng Ngoài và họ đến nơi không xảy ra điều gì trắc trở. Chúa Trịnh Tráng cho phép Gyfford được kinh doanh tại Phố Hiến rồi tại Thăng Long. Nhưng sự vụng về của những người Âu mới đến và sự thiếu thiện chí của những người địa phương chẳng bao lâu buộc ban giám đốc tại Madras phải ra lệnh đóng cửa hai cơ sở ấy.

Cuối cùng, vào năm 1695, Bowyear⁸⁶, người đại diện thương mại, lên tàu *Dauphin* rời cảng Fort Saint Georges ở Madras. Ông này nhân danh Công ty Đông Ấn, có nhiệm vụ đến yết kiến Minh vương⁸⁷ để cầu xin ban cho một nhượng địa cũng như mọi sự dễ dãi để thiết lập mối quan hệ thương mại rộng rãi với vương triều. Chuyến đi này không mang lại một kết quả nào cả, nhưng câu chuyện mà thương gia Anh quốc này kể lại về sứ mạng của ông đã cung cấp những chi tiết quý giá về tình hình chính trị của xứ sở, nguồn gốc và lịch sử của triều đại đang trị

vì, về các tài nguyên của Đàng Trong⁸⁸, nơi mà Bowyear mới chỉ ở được một năm.

Năm 1681, đến lượt du Plessis đến Đàng Ngoài, trình cho chúa Trịnh: Hiền vương⁸⁹, một lá thư của Pháp hoàng Louis XIV, yêu cầu cho phép các giáo sĩ thừa sai được quyền rao giảng đạo Thiên Chúa và cho phép Công ty Đông Ấn [của Pháp] được quyền mua bán dọc theo bờ biển. Hai năm sau⁹⁰, một nhân viên thương mại khác tên là Le Chappelier⁹¹ được phép mở một thương điểm, nhưng người này chỉ làm mỗi việc đi khắp xứ và gửi báo cáo về Công ty. Công ty Đông Ấn lại khánh kiệt vào năm 1723 vì sự sụp đổ của hệ thống Law⁹², không còn muốn phát triển ở Đông Dương nữa.

Phải chờ đến năm 1749 để thấy người Pháp tìm cách tổ chức ở An Nam những xí nghiệp quan trọng dưới sự chỉ đạo của Pierre Poivre, người vùng Lyon. Người này lúc đến ở Đàng Trong, vào năm 1744, bị mất một cánh tay trong một trận chiến giữa tàu chở ông ta với hạm đội do Barnet, thiếu tướng hải quân Anh, chỉ huy. Được gửi về Batavia, ông chữa lành vết thương nhưng không thể gia nhập vào hàng ngũ trước đây nữa, Pierre Poivre trình cho Công ty Đông Ấn những kiến thức tuyệt vời của ông về các vùng miền và khả năng sử dụng thông thạo tiếng An Nam. Ông thuyết phục được ban giám đốc về sự thuận tiện cho một nỗ lực mới mà ông bảo đảm nhiều lợi ích và đã được trao nhiều quyền hành để thực hiện kế hoạch.



Tượng bán thân Pierre Poivre đặt tại vườn thực vật Pamplémousse, Cộng hòa Mauritius.

Pierre Poivre cập bến Pondichéry⁹³ ngày 21 tháng 6 năm 1749, nhưng sự đón tiếp của Dupleix⁹⁴ ngay lúc ông đến đã khích động ông chống lại với Thống đốc Pondichéry, lên án ông này muốn cướp đi mọi vinh dự hoặc quyền lợi của Công ty mà ông chịu trách nhiệm. Luận cứ này xem ra được khẳng định bởi những mưu mẹo tiểu nhân của Friell⁹⁵, người cháu có quan hệ thông gia của Dupleix.

Không chờ đợi gì nữa, Poivre rời Pondichéry lên đường đến Huế⁹⁶, thương lượng với Võ vương về một thỏa ước [thỉnh cầu] mà theo đó người Pháp được phép mở một thương điểm ở Faifoo⁹⁷ và bắt đầu buôn bán trong mọi vùng Đàng Trong. Poivre hoàn thành sứ mạng, trở về châu Âu vào tháng 2 năm 1750⁹⁸. Nhưng những xí nghiệp của Dupleix⁹⁹ đã hút hết nguồn vốn của Công ty và người ta không còn ghi nhận được gì nữa cho đến cuối vương triều của vua Louis XV, ngoài vô số những dự án như của Bénédat¹⁰⁰, Saint-Phalle¹⁰¹, Protails-Leroux¹⁰² v.v... mà những thảm họa của Cuộc chiến tranh bảy năm¹⁰³, việc mất quyền ở Ấn Độ, sự sụp đổ của Công ty đã cản trở thực hiện kế hoạch¹⁰⁴.

*

* *

Tuy nhiên, chiến tranh đã trở lại giữa hai đối thủ muôn đời Đàng Trong và Đàng Ngoài. Hận thù vẫn tiếp diễn, thỉnh thoảng bị ngưng lại nhờ những giai đoạn lễ lược truyền thống, hoặc những cuộc hòa giải và hưu chiến ngắn ngủi, sau đó lại tiếp tục vì bất kỳ một lý do nhỏ nhặt nào. Công cuộc bảo vệ lãnh địa Đàng Trong không ngăn các chúa Nguyễn mở rộng đất về phương Nam. Năm 1658, chúa Nguyễn thu phục đất Chiêm Thành và đẩy biên giới phía nam đến tận cuối Bình Thuận.

Dân tộc Chăm bị triệt thoái. Phần còn lại sống trong thân phận phụ thuộc hoàn toàn mà họ chịu đựng với lòng tự trọng mà thời gian đã tạo dựng nên một hình ảnh xúc động. “Hắn đấy

là một chủng tộc đẹp đẽ”, Aymonier¹⁰⁵ đã viết như thế, “không hiếm những con người đáng ngưỡng mộ, cho dầu những cơ cực hiện nay. Nhưng những hậu duệ của dòng tộc Chăm ngày nay lại sống lay lắt trong một nỗi buồn sâu thẳm. Ngay những lễ lược tôn giáo của họ cũng mang dấu ấn sầu bi. Tuyệt vọng trong những kỷ niệm xa xưa, đắm chìm trong một niềm thất vọng không cứu chữa được và không ngừng bị kích động vì những thống khổ trong hiện tại mỗi ngày mỗi lớn, họ lại tiếp tục mong chờ một phép lạ, một cuộc phục hưng không thể có được. Một trong nhiều tác phẩm thi ca của họ, họ than vãn hay đúng hơn, khóc lóc về những bất hạnh của họ, gửi lên Thượng đế những lời cầu khẩn và chấm dứt bằng tiếng kêu tuyệt vọng: ‘Làm thế nào để đừng sống nữa!’”

Phụ nữ Chăm là những người luôn có một ảnh hưởng mạnh mẽ đối với đàn ông của họ, lặp đi lặp lại những lời kêu hãnh: “Tổ tiên chúng ta là người Chăm. Chúng ta là người Chăm và con cái chúng ta cũng sẽ là người Chăm. Đúng là dân ta đang ở trong hố thẳm, hãy đứng lên dân Chăm, cho đến lúc xéng đất cuối cùng đắp lên mộ của người Chăm cuối cùng”.¹⁰⁶

Dân tộc Chăm, theo những nghiên cứu lỗi lạc của J. Clayes, là họ hàng gần gũi với những người Mọi miền núi thuộc chủng Mã Lai cổ. Nhưng những người miền núi này không bao giờ xa lìa núi rừng nơi mà nền văn minh chưa vượt qua giai đoạn đồ đồng, trong lúc người anh em của họ lại bám trụ trên vùng đất phì nhiêu của đồng bằng ven biển, nhanh chóng vươn đến trình độ văn minh mà nền kiến trúc mạnh mẽ đến nay vẫn còn chứng tỏ sự lớn lao.

Dân tộc này nhanh chóng có được thành phần ưu tú mạnh dạn mở rộng giới hạn của thị tộc nguyên thủy đến tận biên giới của An Nam ngày nay, lôi cuốn sự chú ý của Trung Hoa và khiến Trung Hoa kiên quyết gây chiến chống lại thành phần này.

Năm 111 trước Thiên Chúa, hoàng đế nhà Hán chiếm đất Giao Chỉ và thành lập quận Nhật Nam (Ye-Nan) có thủ phủ giám sát đất nước trẻ trung và năng động này.

Cho đến năm 1069, vương quốc Chiêm Thành luôn kháng cự những cuộc xâm lăng từ bên ngoài và những cuộc nội chiến gây rối loạn sự phát triển của đất nước. Các vua Chăm, tiếp tục truyền thống của các vua đời trước, đô hộ các vùng đất phía nam. Nhưng những cuộc xung đột với người Việt [phía bắc] là dân tộc mau chóng ý thức về sức mạnh của mình đã khởi đầu những tan rã của đất nước Chiêm Thành.

Bị người Việt lấn át, lại bị người Khmer xâm lăng, nước Chiêm Thành gần như sụp đổ thì may thay có một vị vua kiên nghị Yaya Harivarman¹⁰⁷ đánh đuổi được người Khmer. Vua tiếp theo Surjavarman¹⁰⁸ biết làm cho kẻ địch ở phương Bắc kính nể và ổn định lại được sự thống nhất quốc gia. Năm 1118, vị vua này tấn công nước Cao Miên¹⁰⁹ nhưng bị đánh bại và phải chịu sự chiếm đóng của ngoại xâm trong suốt ba mươi năm. Triều đại mới của nhà Trần, nước Đại Việt về sau buộc nước Chiêm Thành phải chấp nhận quyền lực của vua Việt. Chính hoàng đế Koublai-Khan của nhà Nguyên đã khiến hai thành phần đối lập muôn thuở này đoàn kết với nhau để chống lại chính mình. Hai quốc gia này, trước thảm họa chung, đã đoàn kết để chống lại quân Mông Cổ tàn bạo, và giành thắng lợi.

Năm 1307, vua Jaya Simhavarman III¹¹⁰ qua đời sau khi đã trả bằng các nhượng địa ở phía bắc để kết nối tình bằng hữu với vua nhà Trần, thâm nhập vào gia đình này bằng cuộc hôn nhân với công chúa Huyền Trân¹¹¹. Sự qua đời của nhà vua đã gây nên những hỗn loạn mà nhà Trần hưởng lợi một cách khéo léo. Vương quốc Chiêm Thành trở thành chư hầu của Đại Việt, vùng dậy một thời gian dưới thời vua Chế Bồng Nga¹¹² rồi cuối cùng cũng phải khuất phục dưới những áp lực nặng nề dưới thời vua Lê Thánh Tông.

Đất nước từ đó bị phân hóa, còn tồn tại một cách khó nhọc trong vài năm trước khi biến mất vĩnh viễn.

Ngày nay, dân tộc Chăm chỉ còn lại vài ngàn gia đình, sống lay lắt một cách khốn khổ và dần dà quay trở lại những điều kiện sống của những người anh em miền núi mà càng ngày họ càng trộn lẫn với nhau.

Chiêm Thành bị chinh phục, nhà Nguyễn đem quân đánh Cao Miên vào năm 1660. Vua nước này bị bắt cầm tù và bị đưa về Quảng Bình¹¹³, rồi được trả tự do với điều kiện trở thành nước chư hầu của kẻ chiến thắng.

Hòa bình lập lại, họ Trịnh và họ Nguyễn kết hợp với nhau để đuổi ra khỏi xứ các giáo sĩ thừa sai mà các lý thuyết tôn giáo của họ tấn công một cách có hiệu quả ngay cả những nguyên tắc của nền đạo lý Khổng - Mạnh xưa cũ. Một chỉ dụ được ban ra cấm người dân từ bỏ việc thờ cúng tổ tiên: “Người Âu châu được gọi là Hoa-Lang, vào trong nước để hoạt động, họ quyến rũ và hướng dẫn vào sự sai lầm bằng đạo Gia-tô [Công giáo], nhiều đàn ông và đàn bà thiếu suy nghĩ chạy theo họ, đông đảo và gần bó nồng nhiệt. Họ xây nhà thờ để giảng đạo. Sai lầm càng lúc càng tăng. Trước đây đã từng đuổi những người ngoại quốc này đi, nhưng việc thực hành xấu xa không được nghiêm trị, nên năm nay ban lại lệnh cấm như trước”.

Nhiều nhà thờ bị phá hủy, các giáo sĩ phải ẩn nấp, những hận thù tôn giáo bắt đầu được cảm nhận. Nhưng những khắc nghiệt ấy không kéo dài: một cơn dịch tả giết chết nhiều dân, người phương Tây coi đó là một dấu hiệu biểu lộ sự phẫn nộ của thượng đế. Quần chúng hoảng sợ, xây dựng lại giáo đường và chỉ dụ bị hủy bỏ. Hoàn cảnh ấy đã khuyến khích cha de Rhodes yêu cầu Tòa Thánh La Mã gửi đến vương quốc một Đoàn truyền giáo đặc biệt đồng thời mở một chủng viện. Tòa Thánh chỉ định hai giám mục: cha Pierre Lambert de la Motte cho vùng Đàng Trong và cha François Pallu¹¹⁴ cho Đàng Ngoài. Cả hai giám

mục đều có nhiều tu sĩ thuộc nhiều dòng đi theo: dòng Tên, dòng Barnabite, dòng Dominicain, dòng Franciscain và các giáo sĩ của Hội Thừa sai. Các nhà truyền giáo này tỏa đi khắp mọi nơi, trú ngụ trong những làng mạc với người dân quê mà họ đưa hàng loạt người đến nhà thờ rửa tội. Họ thành lập các họ đạo, xây dựng giáo đường, săn sóc người bệnh, giúp đỡ người nghèo, thay thế dần dà vai trò của chính quyền thôn xã, vốn là căn bản của trật tự xã hội người Việt. Nhưng nhiệt tâm ấy đột ngột bị chững lại vì một phản ứng quyết liệt của chính quyền. Chỉ dụ năm 1705¹¹⁵ được chỉ định chống lại mọi người nước ngoài, nhằm vào các giáo sĩ châu Âu, buộc họ phải rời khỏi vương quốc, cũng như đối với các thương gia Hoa kiều là những người mà lệnh cấm được truyền đạt là phải tuân theo những phong tục mới được du nhập vào Trung Hoa bởi các hoàng đế Mãn Thanh. Những hình phạt nặng nề được công bố cho người Việt nào dám đón tiếp những kẻ bị phát vãng, nói ngôn ngữ của họ, sống theo những tập quán của họ. Tám năm sau, chúa Trịnh truyền lệnh cho mọi tín đồ Thiên Chúa phải bỏ đạo trong thời hạn hai mươi tám ngày, nếu không sẽ bị khắc lên mặt dòng chữ “Học Hoa Lang Đạo”¹¹⁶.

Quan lại địa phương áp dụng miễn cưỡng những điều lệ của chỉ dụ năm 1713 mà qua năm sau (1714) lại thêm một lần nữa bị chúa Trịnh hủy bỏ.

Các giáo sĩ thừa sai tập hợp tín đồ và tiếp tục yên lành nhiệm vụ truyền giáo bị bỏ dỡ. Nhưng hoạt động của họ lại gây ra sự tức giận của chính quyền tối cao.

Vào năm 1721¹¹⁷, việc bức hại lại tiếp tục, nhiều tín đồ Thiên Chúa bị kết án khổ sai, một số khác bị xử tử. Các cha Massari và Bucharelli chịu hình phạt thắt cổ. Sự khắc nghiệt làm dân chúng hoảng sợ, khiến trong một thời gian dài không dám hành đạo nữa.

Tuy thế, khi bão táp qua đi, các giáo sĩ lại trở về trong giáo phận của mình, cố sức với sự kiên trì can trường thu phục lại

ảnh hưởng mà họ đã mất. Họ vấp phải sự bướng bỉnh đầy lo âu của dân chúng trước sức đe dọa của những trừng phạt nặng nề buộc họ phải tôn trọng những truyền thống quốc gia.

Nhưng đức tin đầy xúc động của những kẻ chân chiên đã vượt qua mọi trở lực, mọi oán hận, mọi sợ hãi. Nửa thế kỷ sau, đạo Thiên Chúa du nhập vào Á châu, do một nhóm giáo sĩ truyền giáo đến từ những nước La-tinh, suýt làm đảo lộn ngay cả nước Trung Hoa và thay thế những tôn giáo xưa cũ. Các giáo sĩ dòng Tên vào thế kỷ XVIII rất được triều đình Trung Hoa nghe theo. Họ đấu tranh chống lại những học giả Trung Hoa bằng chính vũ khí của họ, thay thế những đạo lý lạnh lùng của Khổng tử bằng những quan niệm nhân bản hơn của giáo lý Thiên Chúa. Triết học kinh viện của đế quốc Trung Hoa bị lay chuyển bởi nền khoa học thực dụng phương Tây: các học giả bị thuyết phục, tìm đến các vị thừa sai, cùng với họ lôi cuốn các lớp bình dân tột cùng là những người sẵn lòng đi theo những kẻ chiến thắng các bậc thầy của họ.

Ở An Nam, Thiên Chúa giáo phát triển đến mức có một chủng viện được thành lập và đào tạo hằng năm một số lượng đông đảo tu sĩ bản xứ, nhờ đó mối thống nhất tư tưởng giữa người nước ngoài và dân chúng được chặt chẽ hơn.

Ảnh hưởng phương Tây đang thâm nhập vào thế giới châu Á xưa cũ như thế thì bỗng dừng, vào năm 1744¹¹⁸, Giáo hoàng Benoit XIV giáng cho nó một đòn chí tử. Ông lên án việc thờ cúng tổ tiên và lòng tôn kính dâng lên Đức Khổng tử, mãi đến lúc ấy vẫn được các giáo sĩ dòng Tên thừa nhận¹¹⁹. Việc lên án này còn gây tai họa thê thảm cho việc truyền đạo hơn cả những cuộc tra tấn hận thù nhất, vì kể từ đấy các giáo sĩ thừa sai không còn thực hành chữ viết Trung Hoa, sống xa cách với giới tinh hoa. Dầu nhiệt tình, họ không còn làm phát triển rõ rệt đạo Thiên Chúa nữa và lời nói của họ chỉ còn chạm tới lớp bình dân, giới hạn hoạt động của họ vào tầng lớp ít kiên định nhất của xã hội.

Điều nổi bật trong những tín ngưỡng mà người An Nam gắn bó là ở chỗ niềm tin của họ được thể hiện không cần có sự can thiệp của giới tu sĩ. Tu sĩ duy nhất được thừa nhận trong tầm cỡ quốc gia là nhà vua, trong tầm cỡ tỉnh là vị quan đầu tỉnh đại diện, trong tầm cỡ thôn xã là các thân hào đạo cao đức trọng, trong gia đình là người cha.

Tôn giáo thật sự của người An Nam, và là tôn giáo mà họ hiến dâng thật sự và tận lòng, là thờ cúng tổ tiên. “Lòng thành kính mà họ dành cho linh hồn người đã mất”, cha de Rhodes đã ghi lại như thế, “vượt qua tất cả những gì mà ở Âu châu chúng ta có thể nghĩ đến. Họ chấp nhận một lao nhọc khó tin để tìm nơi thích hợp cho phần mộ của tổ tiên. Họ tin rằng mọi hạnh phúc của gia đình tùy thuộc vào sự trân trọng mà họ chứng tỏ với người chết. Họ không tiếc tiền bạc cũng như công sức, và cả công sức của bạn bè để tổ chức những bữa tiệc thịnh soạn suốt trong nhiều ngày sau hôm người thân qua đời. Và họ cũng làm tương tự như thế cho tổ tiên xa xôi của họ cho tới tận đời thứ tám hoặc ngay cả đời thứ mười”.

Ta có thể cho rằng Tòa Thánh La Mã, vốn thường có tinh thần cởi mở cho một số nhượng bộ, đã mắc lỗi vụng về khi đối kháng quá thô bạo với những tình cảm sâu kín của một dân tộc sẵn sàng tìm thấy trong đạo Thiên Chúa những nguyên tắc không lôi kéo họ phải từ bỏ việc thờ cúng tổ tiên mà ngay cả những tu sĩ truyền giáo đầu tiên cũng đã không đặt ra một cấm đoán nào cả. Dầu sao, sự thoái bộ của Thiên Chúa giáo kể từ đó được đánh dấu bằng sự đấu tranh tuyệt vọng của một vài người can đảm mà hoạt động truyền giáo phụ thuộc vào những đổi thay của chính sách địa phương.

*

* *

Ngày 11 tháng 3 năm 1767, một thừa sai hai mươi sáu tuổi tên là Pigneau de Béhaine đã cập bờ Căn Cáo (tức Hà Tiên).

Một khuôn mặt tu sĩ thật lạ lùng, lần lượt là sứ giả, chiến sĩ, người tổ chức công binh, ít nhiều là kẻ phiêu lưu, mà nhờ đó chúng ta có một trong những trang đẹp nhất của lịch sử thuộc địa.



Giám mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc, 1741-1799) - tranh vẽ của họa sĩ Maupérin, trưng bày tại Hội truyền giáo hải ngoại Paris.

Xuất thân từ một gia đình đông con xứ Picardie, Pierre Pigneau de Béhaine theo học ở chủng viện Sainte-Famille. Ý thích phiêu lưu đến những chốn xa đã tạo nên trong ông khuynh hướng chọn lựa châu Á. Ông trải qua hai năm thực tập tại Hội Thừa sai rồi bí mật xuống thuyền đi Pondichéry để thoát những van nài của cha mẹ ông, những người muốn ngăn cản cuộc ra đi.

Ông ở lại Hà Tiên một năm, bình tâm cam chịu cách cư xử xấu xa của chính quyền người Hoa trong vùng ấy, ông ban phát những sản sóc cho dân địa phương, dạy dỗ những con chiên trẻ tuổi. Trong số đó ông quý mến Paul Nghị¹²⁰, người về sau sẽ trở thành phụ tá chính của ông. Họ đạo nhiều lần bị tàn phá vì những cuộc xâm lấn, vẫn phát triển mặc dầu có những trừng phạt vì theo đạo mới. Những hoạt động thông minh của Pigneau de Béhaine đã gây cảm tình ở vị Khâm mạng Tòa Thánh già: Đức Cha Piguel, giám mục miền Canathe. Vị này đã gọi Pigneau de Béhaine đến với ngài và đề nghị với Tòa Thánh La Mã để ông kế tục ngài. Ông được phong Giám mục Adran lúc vị Khâm mạng qua đời năm 1770 và được tôn phong năm 1774 tại Pondichéry¹²¹.

Pigneau de Béhaine trở lại Đàng Trong và mãi cho đến khi ông qua đời vào hai mươi lăm năm sau, những hoạt động cá nhân của ông luôn gây ảnh hưởng lên chính sách của Nguyễn Ánh.

Vào giai đoạn ấy, có một nhân viên thuế vụ nhỏ, gốc người Nghệ An, tên là Nguyễn Văn Nhạc, ăn cắp công quỹ để giải quyết nợ cờ bạc, chạy trốn lên miền Tây Sơn để trốn tránh sự trừng phạt. Hết vốn liếng nhưng không thiếu thông minh và can đảm, Nhạc gọi hai người em là Huệ và Lữ và nhờ hai người này làm trung gian, Nhạc liên lạc được với các nhóm cướp trong vùng. Nhờ thế Nhạc nhóm họp được vài ngàn kẻ gian ác, bọn phiêu lưu, kẻ thất chí, tìm cách hiệp đồng với các quan lại trong vùng

e sợ vì bị hăm dọa, rồi sai bọn đồng đảng nhảy vào cướp những vùng giàu có ở đồng bằng, thu lấy tiền bạc và thực phẩm Nhạc đang cần. Sức mạnh và sự hung hăng càng lúc càng phát triển của Nhạc làm chúa Duệ Tông¹²² ở Phú Xuân hết sức lo lắng. Chúa gửi quân đội vào đánh dẹp nhóm Tây Sơn nhưng lại thất trận một cách nhục nhã. Cuộc thảm bại này xảy ra không bao lâu trước khi thành Qui Nhơn bị lực lượng phản loạn chiếm cứ để lập đại bản doanh¹²³.

Cuộc phiêu lưu nhục nhã này đã mang lại một hậu quả rất nghiêm trọng cho lực lượng của chúa Duệ Tông. Chúa chuẩn bị để phản công thì chúa Trịnh Sâm ở Đàng Ngoài lợi dụng chúa Nguyễn đang khi bối rối, cho rằng đã đến lúc dứt khoát buộc Đàng Trong phải chịu khuất phục họ Trịnh. Quân đội Đàng Ngoài chiếm thành Phú Xuân - Huế dễ dàng, do sự hèn nhát của tướng thủ thành¹²⁴. Tuy thế, chúa Duệ Tông trong cơn bối rối đã chạy vào Quảng Nam¹²⁵ rồi chạy thẳng vào đồng bằng sông Cửu Long để trốn tránh đồng thời tổ chức căn cứ vững chắc cho việc kháng cự.

Nguyễn Văn Nhạc lo ngại khi chứng kiến quân đội Đàng Ngoài tiến vào Phú Xuân, cảm thấy không đủ tầm vóc để ngăn cản chúa Trịnh, người mà mọi sắp đặt để tiếp xúc cho tương xứng với địa vị của chúa đòi hỏi Nhạc phải hành động cẩn thận, vào chiếm cứ những vùng đất mà mình đang thèm muốn. Nhạc cam kết với kẻ mới đến những tình cảm tôn kính, đồng thời tìm cơ hội chiến thắng chúa Duệ Tông để củng cố địa vị của mình. Cơ hội ấy chẳng bao lâu đã xuất hiện, từ Sài Gòn vị chúa trốn lánh gọi con mình là Mục vương¹²⁶ lúc ấy đang còn ở Cu Đê¹²⁷. Mục vương gặp một tướng Tây Sơn người Hoa tên là Lý Tài ở Bình Thuận, do Nguyễn Văn Nhạc phái vào truy bắt mình. Nhưng vị hoàng tôn trẻ tuổi đã thành công trong việc thuyết phục Lý Tài và đưa mình vào Sài Gòn để gặp Duệ Tông. Nhà chúa ngạc nhiên, sung sướng khi có một sự hỗ trợ trời ban do con mình mang lại. Nhạc rất đau khổ vì sự phản bội của Lý Tài

và cảm thấy không đủ sức để cùng lúc chống lại quân đội Đàng Ngoài và Đàng Trong, quyết định đầu hàng quân Trịnh và được phong tướng Tiên phong năm 1774¹²⁸ rồi được cho cai quản đất Quảng Nam¹²⁹.

Những cư xử thịnh tình và những chức vị mà Nhạc nhận được không xoa dịu tham vọng và những lo lắng của mình. Nhạc cảm thấy ở vào một vị trí bất ổn nằm giữa hai đối thủ, rồi ra sẽ đuổi mình khỏi Qui Nhơn một khi hai phe đối lập kia tìm được một thỏa thuận để chấm dứt cuộc đấu đá. Nhạc không thể nghĩ chuyện tấn công quân Trịnh vì lực lượng này vẫn làm mình lo ngại. Nhưng còn con đường về phương Nam thì bỏ ngỏ. Duệ Tông đã để mất Qui Nhơn và Phú Xuân, những thành quan trọng nhất của Đàng Trong, chứng tỏ sự yếu kém mà không một nhân vật có khả năng nào cứu vãn được. Thôi thúc muốn lớn mạnh để không phải bị tiêu diệt, Nhạc đề nghị với quân Trịnh vào chiếm luôn vùng Hạ Đàng Trong [Basse Cochinchine], thanh toán họ Nguyễn để sáp nhập đất này với Đàng Ngoài. Quân Trịnh hiểu rất rõ động cơ của sự tận tâm giả hình này, nhưng nhanh chóng nắm lấy cơ hội để hạ gục họ Nguyễn mà ít tốn công sức, sẵn lòng can thiệp vào thời điểm thuận lợi để cướp từ kẻ đồng minh lúc tình huống bất buộc, lợi lộc của cuộc chiến.

Quân Tây Sơn rời Qui Nhơn năm 1776, tiến vào Bình Thuận mà không gặp kháng cự, do một sai lầm không thể hiểu được, Duệ Tông đã cho rút trước quân phòng ngự. Quân Tây Sơn tiến chiếm Sài Gòn, xuống tận sông Mékong thì bị quân Lý Tài chặn lại. Cuộc đụng độ bất phân thắng bại, nhưng Nguyễn Văn Huệ là người chỉ huy đạo quân thoát ra, dẫn đội tiên quân bất ngờ tiến vào Vĩnh Long, chặn bắt những kẻ đào tẩu. Hai vương¹³⁰ bị đưa về Sài Gòn và bị xử tử. Trong lúc ấy chúa Trịnh vì bận rộn về một cuộc nổi loạn ở Đàng Ngoài, không thể ngăn Nhạc tự tuyên xưng hoàng đế ở Đàng Trong năm 1777¹³¹, niên hiệu Thái Đức.

Thế là, thủ lĩnh của băng nhóm mà quân Trịnh đã đón tiếp với một thái độ hạ cố khinh thường bấy giờ đã thay thế vị trí của

chúa Nguyễn và chúng tỏ một cách không giấu diếm ý muốn trở thành chủ nhân duy nhất thành quả của cuộc chinh phục, sớm phủ nhận ưu thế của kẻ mà trước đây Nhạc phải nhờ cậy để có được vị trí chính thức. Chúa Trịnh, bận rộn vì những khó khăn ở Đàng Ngoài, không thể phản kháng gì được. Chúa mất năm 1781¹³², không lần nào trở lại Đàng Trong. Con trai là Trịnh Khải¹³³ kế vị, nhưng chẳng bao lâu phải chạy trốn để tránh sự hận thù của dân chúng và các quan lại triều đình, trả lại ngai vàng sức mạnh và hào quang thuở trước.

Lúc ấy vua Lê lẽ ra có thể nắm được quyền lực thật sự mà trước đây nhà vua chỉ giữ được những biểu hiện giả hình. Họ Nguyễn đã biến mất, họ Trịnh thì bị phân hóa, Tây Sơn thì chưa thật sự ổn định lực lượng. Mọi hoàn cảnh đều thuận tiện giúp nhà vua nắm thực quyền. Nhưng vị vua thiếu ý chí đã để cho Trịnh Tông khéo léo mưu mô tái tạo lực lượng đông đảo những người ủng hộ họ Trịnh. Các triều thần, hoảng sợ trước sự im lìm bất lực của nhà vua, bỏ triều đình để chạy đến phục vụ chúa Trịnh trẻ tuổi. Nhà chúa nắm lại quyền điều khiển mọi việc mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong khi vua Lê trở lại với những vui thú và thế giới tối tăm của mình.

Tuy nhiên, Nhạc cảm thấy chật chội trong lãnh thổ chưa được tổ chức của mình. Những sự kiện xảy ra ở Đàng Ngoài cho thấy sự yếu kém của chính quyền miền Bắc mà cho đến giờ phút ấy Nhạc chưa hề có tư tưởng tử thí. Nhạc quyết tâm lợi dụng sự yếu kém này nhưng kế hoạch thì chưa rõ ràng dứt khoát. Vào lúc ấy, Nhạc chỉ tìm cách gây dựng lực lượng, củng cố vương quyền để mong có ngày cư xử ngang ngửa với vị chúa còn buộc vua Lê phải phụ thuộc. Phú Xuân, thủ phủ của Đàng Trong vẫn còn trong tay họ Trịnh, Nhạc muốn ra đây, ngự trong lâu đài của họ Nguyễn, và được vua Lê thừa nhận là chúa Đàng Trong. Chẳng cần gì phải che đậy, Nhạc không ngần ngại vứt bỏ mặt nạ và đương đầu với thế lực của vị vương huyền bí đất An Nam.

Nhưng thái độ ấy buộc Nguyễn Văn Nhạc phải có một hành động quân sự tức thời. Nhạc giao cho Nguyễn Văn Huệ một đội quân tinh nhuệ, lệnh cho Huệ tiến công ra thành Phú Xuân thần thánh, kết hợp cùng với các tướng Vũ Văn Nhậm và Nguyễn Hữu Chỉnh mà Nhạc đã hiểu rõ khả năng chiến đấu qua vô số những trận chiến.

Phú Xuân lẽ ra có thể kháng cự một cuộc công kích dài lâu nhờ có sẵn kho lương dự trữ, đội quân đồn trú thiện chiến, và những phương tiện phòng ngự lợi hại. Kẻ bị vây lẽ ra có thể đợi quân cứu viện của Đàng Ngoài vào triệt hạ thế lực còn chưa ổn định của Tây Sơn. Nhưng tướng chỉ huy thành, vốn là người trước kia đã giao nộp thành cho quân Trịnh, nay lại mở cổng thành đón lực lượng công đồn mới sau vài ngày thương thảo.

Thành công này làm bốc lên lòng hăng hái của tướng Nguyễn Văn Huệ trẻ tuổi. Huệ tiếp tục theo đuổi mạnh mẽ cuộc tiến công, quyết định tấn công quân Trịnh ngay trên lãnh thổ Đàng Ngoài, bất chấp những cảnh báo của Nhạc, hãy còn chưa sẵn sàng để em trai mình dấn thân vào một cuộc phiêu lưu mà tham vọng ấy phải được thành tựu tùy thuộc vào quyết định của người chủ gia đình.

Để chinh phục lòng dân Đàng Ngoài, nơi mà quân Nam gây nên chiến tranh, Huệ xuất hiện như một người giải phóng vô vị lợi các vua Lê mà Huệ hứa sẽ giúp dứt bỏ mối phụ thuộc nhục nhã với họ Trịnh.

Huệ ra lệnh cho Hữu Chỉnh đợi mình tại Hiến Nam¹³⁴ sau khi vượt qua Nghệ An và Thanh Hóa, rồi lợi dụng cơn gió thuận chiều, Huệ thân hành dong buồm ra xứ Nghệ và đánh tan quân Trịnh ở đấy, tiêu diệt các cứ điểm phòng vệ cảng mà không bị một tổn thất nào vì sự có mặt của quân Huệ đã làm cho đối phương kinh hoàng. Tuy nhiên, Huệ không hề chậm bước vì muốn tấn công gấp những lực lượng của đối phương trước khi họ Trịnh hoàn hồn. Huệ nhổ neo ra Bắc ngày 9 tháng 7 năm 1786, trong lúc ấy Hữu Chỉnh bằng đường bộ vững vàng và

nhANH chóng ra theo với tiền quân. Ngày 11 tháng 7, thủy quân của Huệ có mặt tại bến Vị Hoàng và không ngờ rằng quân đồn trú ở đấy bỏ chạy trốn tan tác, để lại cho quân Tây Sơn bao nhiêu là kho gạo, vũ khí, quân lương.

Ngày 18 tháng 7, sau khi cho dân chúng thu lượm lúa gạo và sau khi đã chất đầy gạo lên thuyền bè các loại bắt được trong bến, em trai của Nguyễn Văn Nhạc dong buồm ra Hiến Nam. Triều đình Thăng Long, trước đó vẫn còn bất nhất, cuối cùng cũng hết kinh hoảng và tìm cách chặn quân Tây Sơn, đối đầu trên đường bộ cũng như đường thủy với tất cả lực lượng có được. Hai đạo quân giao chiến với nhau vào chiều tối ngày 19 tháng 7 và trận đánh chỉ dừng lại vào bình minh hôm sau.

Doanh trại quân Trịnh bị hạ, kinh đô bị bỏ ngổ. Nhưng Huệ, đuối sức vì trận giao chiến đẫm máu mà binh lính của ông đã gian khổ nếm trải, không thể lợi dụng ngay thế thắng lợi, buộc phải tổ chức lại các đơn vị bị hao hụt quân số. Huệ chờ Hữu Chỉnh mang quân tiếp viện tới, trong lúc ấy quân Trịnh tập trung lại sau lũy tre bảo vệ Thăng Long. Cuối cùng, ngày 25 tháng 7, Hữu Chỉnh kết nối được với chủ tướng của mình. Quân Tây Sơn tiến về Thăng Long và họ nghĩ sẽ dễ dàng chiếm được, nhưng lại vấp phải quân Trịnh tuyệt vọng liều chết chiến đấu hết sức. Trận chiến diễn ra vô cùng khốc liệt, quân cố thủ liều chết ngay tại chỗ, nhưng cuối cùng cũng ngã gục trước một quân số đông hơn sau mười giờ chiến đấu dẫm đạp. Chúa Trịnh [Khải] bại trận tự tử, trong khi đó quân chiến thắng tiến vào kinh đô của miền Bắc.

Thế là chỉ một tháng cũng đủ cho Huệ kết thúc thắng lợi trận chiến lầy lùnh kia. Toàn bộ vương quốc đã thay đổi chủ và vua Lê, công nhận tình trạng mới của sự việc, đón tiếp rầm rộ kẻ mà mới hôm qua hãy còn bị xem như một tên thảo khấu tầm thường. Nhà vua phong Nhạc là người bảo vệ chính thức ngai vàng¹³⁵.

Tháng 9 năm 1786, vua Lê qua đời sau bốn mươi bảy năm trên ngôi¹³⁶. Hoàng tử Lê Duy Khiêm nối ngôi lấy hiệu là Chiêu Thống¹³⁷.

Việc nối ngôi xảy ra không gặp điều gì trở ngại, vì dân chúng vốn quý mến nhà Lê bày tỏ lòng thành kính tự nhiên với gia đình hoàng tộc, mà ở đó Huệ được xem như người giải phóng cho vương triều. Việc được lòng nhà Lê làm kẻ chiến thắng họ Trịnh bối rối. Nếu muốn, Huệ có thể hạ bệ Lê Duy Khiêm, như lời khuyên của Hữu Chỉnh, nhưng vì đã vượt quá mệnh lệnh của anh mình và lo sợ Nhạc tức giận, nên Huệ đâm ra do dự, chần chừ tránh né, và để cho hoàng đế Thái Đức có đủ thời gian kịp ra gặp mặt, làm tiêu tan mọi hy vọng của Huệ.

Vua xứ Đàng Trong [Nguyễn Nhạc] quả tình cho rằng chưa phải lúc trải rộng sức mạnh của mình trên toàn lãnh thổ. Họ Trịnh và họ Nguyễn đã biến mất, kể từ nay vua xứ Đàng Trong là đại biểu duy nhất cho sức lực của quốc gia, nhưng Nhạc còn cần sự hậu thuẫn về tinh thần của vua Lê chính thống, sự tin cậy của các quan và dân chúng để vững mạnh hơn. Mặt khác Nhạc còn nỗi lo về tham vọng của Huệ mà những chiến thắng đã đảo lộn quá sớm tình hình nội bộ vương quốc. Thế nên Nhạc đã tỏ một thái độ vô vị lợi, từ chối đề nghị của vua Lê cùng hoàng gia cai trị xứ Đàng Ngoài¹³⁸, rồi ông rút về Phú Xuân cùng với em trai, sau khi đã ra lệnh cho Hữu Chỉnh ở lại Nghệ An¹³⁹ bảo vệ đất nước, phòng những kẻ theo họ Trịnh quay trở lại và huấn luyện quân lính mới tuyển.

Nhưng quân Trịnh, tản mát từ khi Trịnh Khải chết, tìm được Trịnh Bồng¹⁴⁰ là người trong dòng họ để tôn làm thủ lĩnh mới, rồi tiến về kinh đô tập hợp lại bất chấp những nỗ lực từ khước của vua Chiêu Thống. Nhà vua buộc phải nhượng bộ, trao trả cho Trịnh Bồng tước vị thừa kế của họ Trịnh. Nhưng vị chúa mới này bị Hữu Chỉnh đánh tan tại Bắc Ninh. Kể từ đó họ Trịnh biến mất vĩnh viễn.

Trong lúc ấy, Huệ và Nhạc lại bất hòa, sau khi đánh nhau để tranh sở hữu tài sản chung từ các cuộc chinh phạt, họ chia vương quốc làm ba miền. Anh cả giữ phần đất từ Quảng Nam vào đến cuối Bình Định, người thứ hai giữ phần đất phía bắc của Đàng Trong bao gồm thành Huế-Phủ Xuân. Em út Lữ xưng vương ở vùng phía Hạ Đàng Trong là nơi bắt đầu có cuộc tranh chấp với Nguyễn Ánh¹⁴¹.

Cuộc chia phần vừa xong, Huệ bấy giờ có quyền làm chủ mọi hoạt động, tiến quân ra Thăng long lần thứ hai, thực hiện tham vọng bền bỉ của mình. Cộng sự trước kia là Hữu Chỉnh, tuân lệnh vua Lê đem quân ra chống nhưng bị Huệ nghiền nát lực lượng. Huệ vào thẳng kinh thành, chiếm giữ ngôi vị cai quản¹⁴².

Chiêu Thống chạy trốn qua Trung Hoa để cầu cứu viện. Hoàng đế nhà Thanh chấp thuận lời cầu xin, gửi một đạo quân đưa Chiêu Thống về lại ngai vàng. Nhưng Chiêu Thống không biết lợi dụng sự có mặt của quân đội đồng minh để mạnh mẽ đuổi theo kẻ địch. Sự hung bạo, những lỗi lầm lặp đi lặp lại, những cuộc trả thù man rợ được tiến hành với danh nghĩa nhà vua đã biến ông thành một vị vua bị căm ghét¹⁴³. Cuối cùng, ông đã làm chính những kẻ bảo vệ mình mất kiên nhẫn, để cho quân Tây Sơn chiếm lại Thăng Long. Quân Thanh rối loạn đào thoát khỏi Đàng Ngoài. Chiêu Thống xin vua Thanh được tị nạn và từ đấy không bao giờ trở về quê hương nữa (1789)¹⁴⁴.

Nguyễn Văn Huệ, kẻ chiến thắng, chiếm Thăng Long lần thứ ba.

Chương II

- Nguyễn Ánh
- Chiến dịch ở Nam kỳ
- Giám mục Bá Đa Lộc ở Pondichéry

Năm Nguyễn Ánh được mười bảy tuổi¹⁴⁵ lúc chú là chúa Duệ Tông và cháu là Mục vương bị Tây Sơn giết chết. Ánh trở thành người thừa kế các chúa Đàng Trong. Nhưng dường như Ánh không được kêu gọi để giành lại quyền lực mà các chúa Nguyễn đã đánh mất. Những kẻ cộng sự chán nản đã bỏ trốn, gia đình thất tán, và chính bản thân Ánh cũng lang thang từ làng này qua xóm nọ, ban đêm núp trốn trong những chòi tranh xa khuất, lén lút nhận những bữa ăn khốn khổ do những nông dân sợ sệt mang đến. Ánh khiến cho đối phương thương hại một cách khinh bỉ hơn lo sợ nhưng dầu sao họ cũng phải tìm giết cho được Ánh để tuyệt diệt dòng họ Nguyễn. Bị săn lùng khắp nơi, ông hoàng này tìm cách qua Cao Miên rồi từ đó qua Xiêm. Ông viết thư gửi quốc vương các nước ấy xin được trú ngụ, nhưng chẳng hề nhận được thư trả lời. Bị quân Tây Sơn lùng sục nhưng Ánh trốn thoát một cách kỳ diệu, ông ra một đảo hoang ở vịnh Xiêm La¹⁴⁶ và ẩn nấp ở đấy với vài người thân cận. Mọi thứ đều thiếu thốn trên hòn đảo hoang khô cằn này. Chẳng mấy chốc kẻ đào tị khổ sở vì thiếu ăn, Ánh nghĩ đến việc về lại đất liền, thì lúc ấy Giám mục Adran tiếp tế được cho Ánh vài túi gạo xấu và cá ướp muối. Nhiều tháng trôi qua như vậy, trong khốn khổ vật chất và trong khắc khoải. May mắn thay quân Tây Sơn không thềm đuổi theo nữa, khinh khi đối thủ mà họ đã gây cho bao nhiêu khổ nạn. Nhờ hỏi thăm các ngư dân, Nguyễn Ánh biết được sau cuộc rượt đuổi đẫm máu qua khắp miền châu thổ sông Cửu Long, quân Tây Sơn đang chuẩn bị rút binh về phương Bắc để tiến hành việc chia chác dứt khoát lãnh thổ. Cho rằng Ánh không còn nghĩ đến chuyện phục quốc bất khả thi kia nữa, hoàng đế Thái Đức bỏ qua việc chiếm đóng kỹ lưỡng các thị trấn

trong vùng châu thổ, nơi có thể trở thành chỗ ẩn nấp cho Nguyễn Ánh. Nhà vua tập hợp quân đội và trở về phương Bắc, chỉ để lại tại Gia Định một đội quân đồn trú nhỏ.

Túc thì Nguyễn Ánh vượt biển trên một chiếc thuyền rách nát trở về Cà Mau nơi có một nhóm người trung thành đón đợi. Ánh cùng họ tiến về Sa Đéc, rồi lực lượng mỏng của ông từng bước gia tăng số lượng nhờ người gia nhập đến từ những đồng ruộng xa xôi ở mỗi đoạn đường. Ánh tiến chiếm Vĩnh Long rồi Mỹ Tho.

Nguyễn Ánh lúc ấy do dự không biết nên tiếp tục thắng lợi tiến quân về Gia Định, hay đóng quân tại Biên Hòa, tổ chức quân đội cho thật vững vàng để chờ kẻ thù trở lại? Chiếm đóng Gia Định xác định được sự thành công, tuy nhiên đây là một vị trí dễ bị tấn công. Nguyễn Ánh biết rằng mình không thể bảo vệ vị trí này, chống lại những đội quân được trang bị tốt mà đối phương đã gửi vào tấn công. Mặt khác, thời tiết sắp sang mùa và các tướng hối thúc Ánh quyết định. Mẹ của Nguyễn Ánh, dường như rất có ảnh hưởng đến các quyết định của con, thúc giục Ánh chiếm Gia Định là nơi bà tin có thể tìm ra lương thực và vũ khí cho quân sĩ. Mặc dầu thế, Nguyễn Ánh quyết định đóng quân tại Biên Hòa. Nhưng một cơn lụt do nước sông Đồng Nai dâng lên buộc Ánh phải tiến chiếm Gia Định mà không gặp kháng cự nào (năm 1777¹⁴⁷).

Nguyễn Ánh, mặc dầu tuổi còn trẻ và vì đã từng chịu nhiều bất hạnh, không quá vui mừng với thắng lợi quá dễ dàng. Những tình huống thuận lợi đã dẫn dắt Ánh đến tận Gia Định. Nhưng từ những ngày đầu tiên, Ánh đã thấy rõ là không thể bảo vệ vị trí chỉ bằng chính lực lượng của riêng mình. Quân đội của Ánh chỉ là một đám hỗn loạn thiếu kỷ luật. Việc tiếp vận cung cấp mà Ánh mong đợi vẫn không có, mặc dầu có sự giúp đỡ nhiệt tình của các thương gia vùng Chợ Lớn. Quan lại quan tâm đến thứ vị hơn là nghĩ chuyện đối phó với cuộc chiến. Ngay cả thân mẫu của Ánh, trước hiện tình hỗn độn mà Ánh phải vật lộn, cũng khuyên Ánh nên lợi dụng vị thế hiện tại để điều đình

với hoàng đế Thái Đức. Ánh chịu đựng những trách móc của người thân, sự bất mãn của các tướng sĩ thân cận, đi vuốt ve kẻ này, năn nỉ người nọ, nhờ vào những lời hứa hẹn và sự nhẫn nhục để tạo nên được một nỗ lực mới ở các tướng sĩ phụ tá. Nhưng Ánh không bao giờ quên những xúc phạm nhằm đến uy quyền của mình, không tha thứ cho những tổn thương mình phải chịu trước ba quân. Và một khi ổn định trở lại, Ánh sẽ áp đặt ý chí của mình lên công việc với một thái độ tàn nhẫn đầy hiểm thù.

Trong hoàn cảnh chỉ còn có một lực lượng gồm những người đi theo lâu nay, Nguyễn Ánh tìm chung quanh mình những đồng minh. Người Cao Miên lại lần tránh lần thứ hai, Ánh quay sang người Hoa ở Căn Cáo khẩn khoản họ giúp sức, viện dẫn quyền hạn chính đáng của họ, nhắc nhở những điều khoản thật ra đã lỗi thời của hiệp ước năm 1663, hứa hẹn những quyền lợi cá nhân to lớn, nỗ lực thuyết phục đến mức người Hoa phải đồng ý gửi binh lính, vũ khí, lương thực mà Ánh rất cần. Nguyễn Ánh trang bị quân đội, mau chóng tổ chức lại binh sĩ của mình, có binh sĩ người Hoa hỗ trợ vững chắc. Rồi sốt ruột muốn giải quyết với kẻ địch, Nguyễn Ánh xuất quân tấn công và đánh tan quân Tây Sơn ở gần Bình Thuận.

Chiến thắng này có được nhờ vào sự bền chí và sự tự tin của Nguyễn Ánh, đã làm Ánh kiêu hãnh. Nguyễn Ánh trở về Gia Định với tư cách là kẻ chiến thắng và tự xưng Nguyễn vương¹⁴⁸.

Nguyễn Văn Lữ thất trận, chưa nghĩ đến chuyện báo phục. Nguyễn vương lợi dụng tình hình tĩnh lặng ấy để phô trương quyền lực của mình trong tất cả các vùng ở hạ Đàng Trong; tạo cho quyền lực đang nắm giữ một sắc thái dứt khoát, chỉ giữ lại những người trung thành đã theo mình mà không hề phản nản, gạt đi những kẻ khác, ông cai trị với tư cách người chủ tuyệt đối, buộc tất cả mọi người phải tôn trọng con người và uy quyền của Nguyễn vương.

Vương vẫn không quên thái độ lạnh lùng của người láng giềng Cao Miên, vốn là chư hầu của xứ Đàng Trong theo điều ước 1675. Thế nên, một khi Nam bộ đã bình định xong, Nguyễn vương dứt khoát từ nay bảo đảm cho mình sự tuân phục của vua nước láng giềng. Nguyễn vương lợi dụng những rối rắm nội bộ ở vương quốc Cao Miên để làm cho vua nước này hoảng sợ bằng những chuẩn bị chiến tranh mà trong thực tế mình không có ý định theo đuổi chút nào. Vua Cao Miên sợ hãi, chấp nhận thực hiện lại hiệp ước Bảo hộ [protectorat] và triều cống thường niên (năm 1778).

Một thời gian ngắn sau, Nguyễn Ánh rút lực lượng về Biên Hòa để có thể trông nom toàn vùng hiệu quả hơn. Chính vào giai đoạn này, vai trò của Giám mục Adran được khẳng định thông qua trong những hoạt động của vương quốc. Nguyễn vương thường xuyên tham khảo ý kiến và rất thường nghe theo ý kiến của vị giám mục trước sự bất mãn của tướng sĩ, sợ rằng chủ nhân của mình cải đạo theo Thiên Chúa giáo. Quả tình giám mục sử dụng tất cả ảnh hưởng của mình để nhằm thuyết phục Nguyễn Ánh. Nhưng Nguyễn vương, vừa không cản trở các khuynh hướng nảy nở trong đám cận thần của mình, cũng không nhiệt tình ủng hộ uy tín của giám mục đang lan rộng trong quần chúng Nam bộ. Nguyễn Ánh và Giám mục Adran mỗi người theo đuổi quan điểm của mình đồng thời lừa dối lẫn nhau. Nguyễn vương nuôi mong ước trở về Thuận Hóa, cảm nhận sự cần thiết phải tôn trọng giám mục vì sự giúp đỡ của giám mục có thể là rất quý báu. Nguyễn vương dẫn dắt một cách từ tốn giám mục đến với ý tưởng về một quan hệ với nước Pháp vừa làm cho choáng ngợp về những lợi ích mà sự hợp tác có thể mang lại cho hai quốc gia. Pigneau de Béhaine, người mà tham vọng không thiếu phần hào hiệp, nóng lòng đóng một vai trò khẳng định được những phẩm chất của một con người hành động và của một nhà ái quốc. Giám mục biết rõ hơn ai hết những tài nguyên đa dạng của châu Á. Trên quan điểm kinh tế

cũng như quan điểm chính trị, nước Pháp chỉ việc rút được những lợi lộc vô tận từ một liên minh như thế mà rất ít chịu tổn kém hy sinh. Sự can thiệp của giám mục vào những công việc của người An Nam gây một tác động rõ rệt đối với hoạt động của người Anh và mang lại cho Chính phủ Pháp những phương tiện hiệu quả, không chỉ ngăn cản người Anh thực hiện những dự án mà họ phải hắt cẳng người Pháp ra khỏi Ấn Độ để bành trướng và mở rộng cơ sở của khắp mọi nơi trên vùng bờ biển phía đông, mà còn làm người Anh phải lo ngại trong vịnh Bengale vốn là đại bản doanh của họ.

Giám mục nghĩ đến việc viết một lá thư cho Chính phủ Pháp, thì bỗng nổ ra một cuộc khởi nghĩa buộc ông cùng các linh mục và học viên trốn chạy. Nguyễn vương cố gắng trấn áp bạo loạn, nhưng đành chịu thua trước quy mô rộng lớn của nó. Vương phải về ẩn nấp trong vùng Vàm cỏ, nơi có một số tướng sĩ tìm về theo trong khi quân Tây Sơn chiếm lại đất Phú Yên và Bình Thuận. Nguyễn vương không cách gì chặn đứng quân địch, phải chạy về Rạch Giá rồi Hà Tiên và cuối cùng lên thuyền ra Phú Quốc. Giám mục đã lánh ẩn bên Cao Miên, nhưng bỗng chốc lại bị đe dọa. Nguyễn Văn Nhạc sau khi áp đặt quyền Bảo hộ với vua Cao Miên, yêu cầu vị này phải giao nộp những kẻ đào tị Nam bộ. Pigneau de Béhaine trốn được qua đất Lào, lang thang từ làng này sang làng khác mà không tìm đâu ra một nơi trú ẩn an toàn. Mãi cho đến khi quân Tây Sơn rút về thì giám mục mới trở lại Gia Định, chờ Nguyễn vương trở về Gia Định lần thứ hai (năm 1782)¹⁴⁹.

Nguyễn vương không hưởng được sự bình yên lâu dài. Qua năm sau, quân Tây Sơn lại xuất hiện. Ánh bị đánh bại, chạy về ẩn nấp ở Ba Giồng, gần Mỹ Tho. Quanh Ánh chỉ còn lại sáu tướng và một trăm quân cùng theo về đến Long Xuyên ngày 26 tháng 9 năm 1783. Chỉ huy quân Tây Sơn tên là Nguyễn Hòa rượt theo, sai một đội thủy binh gồm năm mươi chiến thuyền trấn đóng ở cửa sông Đốc để chặn đường. Nhưng Nguyễn Ánh

được các tù binh thông báo việc nguy hiểm đang đe dọa, ra lệnh lập tức khởi hành, tận lực tay chèo để thoát hiểm. Quân rượt theo không bắt kịp, Nguyễn Văn Lữ và Nguyễn Văn Huệ đành phải quay về Qui Nhơn, để lại phò mã Trương Văn Đa và Chuồng tiền Bảo trông coi vùng Nam bộ. Thuyền chở nhóm người đào tẩu ghé đến Hòn Chông, nhưng chỉ dừng tại đảo Poulo-Panjab¹⁵⁰ sau một hành trình thê thảm sáu ngày trên biển cả cuồn cuộn.

Một sự kiện bất ngờ đón chờ Nguyễn Ánh trên đảo: Giám mục Adran và các đồng đạo đã đến đảo Poulo-Panjab trước đó vài hôm, nơi mà một cảm hứng phù hợp cũng dẫn dắt Nguyễn vương đến. Sự hiện diện của Pigneau de Béhaine làm vững lòng vương và gia đình. Đối diện nghịch cảnh với một nghị lực quen thuộc, vương lập tức thảo luận với giám mục những phương cách để tiếp tục chiến đấu. Vùng Nam bộ không còn cung cấp nguồn lực được nữa, họ quyết định xin nước Xiêm giúp đỡ. Giám mục tự mình đi Vọng Các (Bangkok ngày nay) thương thảo những điều khoản về một hiệp ước. Giám mục được tiếp đãi lịch sự, vua Xiêm cung cấp cho Nguyễn vương một nơi trú ngụ trong lãnh thổ của mình, nhưng từ khước dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu quân sự mà ông cho là quá sớm.

Giám mục quay về lại Poulo-Panjab báo cáo cho Nguyễn vương kết quả của chuyến đi. Giám mục bắt gặp lúc trở về đảo những đại diện của chính quyền Hà Lan ở Batavia đang lôi kéo Nguyễn Ánh chấp thuận nhượng độc quyền thương mại ở Nam bộ cho họ, đổi lại họ hứa hẹn giúp vương lên ngai vàng. Giám mục kinh hoàng, thuyết phục Nguyễn Ánh cắt đứt mọi thương thảo đã giao kết trong thời gian giám mục vắng mặt. Giám mục trình bày cho vương biết là một hiệp ước như thế chỉ mang lại cho vương lợi ích hão huyền khi cai trị một dân tộc làm nô lệ cho ngoại bang. Nguyễn Ánh không phải là không hiểu điều ấy, nhưng đồng thời có người Anh và người Bồ đào Nha đến cầu xin, vương so sánh những hứa hẹn của nhóm người này với

những hứa hẹn của nhóm người khác, thương lượng, thảo luận, mưu mẹo. Quá khôn ngoan để không phải cho nhiều hơn nhận, vương cố gắng dẫn dắt Giám mục Adran đến chỗ đề nghị một giúp đỡ vô vị lợi từ phía Pháp. Pigneau de Béhaine không ngừng theo đuổi hy vọng về một thỏa hiệp sẽ có ảnh hưởng đến vị thế của Pháp tại Ấn Độ, đệ trình lên vương một dự thảo hiệp ước mà giám mục vẫn cất giữ bấy lâu. Vương chuẩn y, tập hợp một hội đồng và sau nhiều lần thảo luận, chính thức giao phó cho giám mục nhiệm vụ gửi đến vua Louis XVI dự thảo hiệp ước ấy đồng thời ủy thác cho giám mục mang con của vương là Hoàng tử Cảnh¹⁵¹, sinh tại Biên Hòa năm 1779, cùng đi theo. Có lẽ rất thú vị khi đưa vào đây toàn bộ nội dung hiệp ước do một vị vua An Nam đề nghị với nước Pháp vào một giai đoạn mà chính sách của các bộ trưởng Pháp đặt nặng vấn đề thứ tự độc quyền, những cuộc phiêu lưu xa xôi được xem như những việc làm khinh suất, vô ích và tốn kém:

“Hội đồng Hoàng gia sau khi đã thảo luận về tình trạng hiện tại của công việc nhà nước, quyết định:

1. Rằng sự giúp đỡ của một cường quốc phương Tây trở nên cần thiết để khôi phục trở lại cương vị của Đức vua. Đức vua xin trao quyền lợi của mình vào tay quốc vương nước Pháp, là quốc gia mà sức mạnh, lòng tốt và sự công chính của chính phủ được Đức vua biết đến, ưu ái hơn mọi cường quốc khác.
2. Rằng để bắt đầu và chấm dứt việc thương thảo cho công cuộc trọng đại này, Đức vua phó thác cho Giám mục Adran, người gốc Pháp, mà từ lâu cả nước đều biết tính cẩn trọng và lòng yêu mến điều thiện.
3. Rằng Đức vua ban cho giám mục những quyền hành không giới hạn, để nhân danh ngài, yêu cầu triều đình Pháp quốc những hỗ trợ cần thiết và thực hiện cùng với triều đình Pháp quốc những thỏa thuận phù hợp nhất và thích đáng nhất để mang lại lợi ích cho hai quốc gia liên quan.
4. Rằng để bảo đảm với triều đình Pháp quốc sự trung thực trong những mục đích của mình, Đức vua chấp thuận ủy thác hoàng tử, con trai duy nhất kế nghiệp của quốc gia, cho vị giám mục người Pháp nói trên tùy nghi săn sóc để giáo dục vị hoàng tử mà Đức vua rất yêu dấu và rất trân quý đối với quốc gia.

5. Rằng để tránh những khó khăn trong việc bảo chứng nội dung đích thực của văn bản được viết bằng ngôn ngữ nước ngoài trong một xứ sở chỉ có những người liên quan là thông hiểu, Đức vua ủy thác cho giám mục nói trên ấn tín hoàng gia và, tại mọi quốc gia, được xem như là sự ủy nhiệm vương quyền, để trong mọi trường hợp, triều đình Pháp quốc được bảo chứng về những quyền hạn của Giám mục Adran và có thể tin cậy vào những thắng lợi của việc hợp tác mà triều đình Pháp quốc sẽ có thể thực hiện.
6. Rằng giám mục nói trên sẽ nhân danh quốc vương xứ Đàng Trong, yêu cầu triều đình Pháp quốc hỗ trợ một ngàn năm trăm binh sĩ, một số chiến hạm cần thiết để chuyên chở pháo binh diện địa, đạn dược quân nhu cần cho chiến tranh, và nói chung tất cả những gì cần thiết và hữu dụng cho cuộc viễn chinh.
7. Rằng đi cùng với hoàng tử và Giám mục Adran có hai võ quan cao cấp của triều đình cùng đoàn tùy tùng; hai tướng này¹⁵² cũng là con tin đảm bảo ý muốn chân thành của Đức vua về việc hợp tác với triều đình Pháp quốc.
8. Rằng Giám mục Adran, thay mặt nhà vua và Nội các, có nhiệm vụ đề nghị nhượng và tặng cho quốc vương Pháp toàn quyền sử dụng hòn đảo hải cảng chính của Đàng Trong mà người Pháp gọi là Tourane còn người bản xứ gọi là Hội An, để tùy ý xây dựng cơ sở.
9. Rằng thừa nhận quyền sở hữu của Pháp quốc, cùng với người xứ Đàng Trong, đối với hải cảng nói trên để trông coi, sửa chữa hoặc đóng mới các tàu thuyền mà triều đình Pháp quốc nhận thấy cần thiết.
10. Rằng giám mục nói trên sẽ đề nghị triều đình Pháp quốc quyền sở hữu đảo Poulo-Condor (Côn Đảo).
11. Rằng Đức vua chấp thuận cho Pháp quốc buôn bán trên lãnh thổ của mình, loại trừ mọi quốc gia phương Tây khác.
12. Rằng Đức vua cam kết, nếu Pháp quốc giúp đỡ và khôi phục cho ông ngôi vị, thì ông cũng trợ giúp tương tự cho vua Pháp quốc bằng binh lính, thủy thủ, lương thực, tàu thuyền... vào mọi lúc khi được yêu cầu và mọi nơi khi cần thiết.
13. Rằng Đức vua báo trước cho Giám mục Adran, nếu triều đình Pháp quốc yêu cầu những điều mà hoàng thượng không lường trước được, thì giám mục nói trên chỉ được phép chấp thuận khi các điều khoản đòi hỏi không phương hại bằng mọi lẽ đến lợi ích của thần dân trong vương quốc. Rằng giám mục nói trên, là người hoàn toàn hiểu biết phong tục và tập quán của xứ Đàng Trong, sẽ trình bày với triều đình Pháp quốc rằng hiệp ước mà Đức vua mong muốn thực hiện với triều đình Pháp

quốc sẽ chỉ nhất quán khi các điều khoản công bằng và hữu ích cho các quốc gia ký kết.

14. Cuối cùng, Đức vua cho Giám mục Adran hiểu rằng, lúc trao trọn cho giám mục số phận của mình và của tất cả thần dân, Đức vua chờ mong - bằng vào sự gắn bó của ông với bản thân Đức vua, giám mục sẽ tiến hành thương thảo này, với sự mau chóng tùy theo hoàn cảnh, mọi sự cần trọng mà Đức vua đã luôn luôn thừa nhận ở giám mục - rằng sự cứu rỗi một thánh chức mà ông đã luôn hoàn thành với nhiệt huyết phải tùy thuộc vào cuộc thương thảo này, và vì thánh chức ấy cho đến nay giám mục đã chịu nhiều hy sinh to lớn nhất.

Rằng cuối cùng, thành công này sẽ minh chứng cho lòng nhân từ của Đấng Tối Cao mà giám mục là sứ giả và lòng khoan dung quốc vương vĩ đại mà giám mục là thần dân, giám mục sẽ mãi mãi xứng đáng với lòng biết ơn của Đức vua và của vương quốc Đàng Trong.

Hội đồng Hoàng gia, ngày 10 tháng Bảy năm Cảnh Hưng thứ 43 [18-8-1782].



Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh - tranh vẽ của họa sĩ Pháp Mauperin, Paris, 1787.

Giám mục và Hoàng tử Cảnh rời Poulou-Panjab ngày 25 tháng 11 năm 1784 để đi Pondichéry và đến nơi vào tháng 2 năm 1785, sau khi đã dừng chân tại Malacca một thời gian.

Nguyễn Ánh cũng lên thuyền về đất liền một thời gian ngắn sau khi giám mục ra đi, để nắm quyền chỉ huy một đội quân mà vua Xiêm đột nhiên quyết định gửi đi đánh quân Tây Sơn. Cuộc viễn chinh này kết thúc bằng một thất bại thảm hại và vương trở về ẩn náu trên đảo cũ¹⁵³, gửi cho Giám mục Adran thông tin về cuộc thất trận như sau:

“Sau khi Đức thầy ra đi thì đến lượt chúng tôi. Chúng tôi và quân đội Xiêm đến Mang Thít [Mân Thít] với hy vọng đánh dẹp bọn nổi loạn Tây Sơn. Chúng tôi đã bắt giữ một chiến thuyền và năm thuyền vận tải, rồi chúng tôi đến thẳng vùng Rạch Giá. Tại đây, quân Xiêm mặc sức buông thả vào những ham muốn của chúng, cướp bóc, hãm hiếp đàn bà và con gái, trộm cắp tài sản của người dân, giết chóc không phân biệt trẻ hay già. Vì thế mà lực lượng phe nổi loạn càng ngày càng phát triển trong khi lực lượng quân đội Xiêm càng lúc càng giảm sút. Điều đó khiến cho chúng tôi nhận thất bại vào mùng 8 tháng Chạp [tức ngày 18 tháng 1 năm 1785]. Tất cả các đội quân đều bị đánh tan. Thêm vào đó, ngày chúng tôi bị một cơn bão, mà thuyền bè ở các đảo lại vẫn cứ bình như vại. Hoàng thái tử [Cảnh] của chúng tôi đã lên thuyền vào lúc 10 giờ ngày rằm [tức ngày 25 tháng 11 năm 1784], còn bây giờ chúng tôi đã về lại trạm cũ Hòn Khoai”.

Nguyễn Ánh ở lại trên đảo đến ngày 9 tháng 4 năm 1785. Cuối cùng, quyết định chấp thuận lời mời của vua Xiêm, lên thuyền đi Vọng Các và ở lại nơi ấy đến tận ngày 13 tháng 8 năm 1787.

Tại Pondichéry, Giám mục Adran hy vọng có thể thuyết phục quan thống đốc¹⁵⁴ một cách dễ dàng về lợi ích của một sự ủng hộ lập tức đối với người sẽ trở thành quốc vương. Thế nhưng, một nỗi thất vọng dành sẵn cho giám mục từ những người mà ông đặt nhiều hy vọng nhất. Giới giáo sĩ ở Pondichéry, thay vì thuận ý theo những quan điểm chính trị của ông, đã phản nản dữ dội rằng ông đã bỏ rơi Sứ mệnh Thừa sai của mình để chạy

theo một cuộc phiêu lưu mà họ cho là ngược lại với tính cách mà ông được đào tạo.

Nhiều báo cáo được gửi đến các Giám đốc Chứng viện tại Paris, lên án với những lý do không phải là không có thực, rằng giáo sĩ, vì tình thân với Nguyễn Ánh, đã khiến cho Tây Sơn căm ghét người Thiên Chúa giáo ở Đàng Trong. Báo cáo trách cứ bằng những ngôn từ mãnh liệt rằng giám mục muốn thúc đẩy nước Pháp vào một cuộc phiêu lưu vô bổ đối với quốc gia và đầy hiểm nghèo cho tôn giáo, bởi lẽ dưới mắt của tất cả mọi người hẳn nhiên rằng quân nổi dậy sẽ thắng một cách dễ dàng quân đội phương Tây, bị phó mặc duy nhất vào khả năng của chính mình trong một xứ sở độc hại như thế, và hướng tất cả sự cuồng nộ về phía những cơ sở phải khó nhọc lắm mới dựng lên được của những linh mục Hội Thừa Sai.

Ngoài những chống đối không ngờ của giới tu sĩ, giám mục tìm được rất ít sự ủng hộ từ những đại diện của chính quyền. Ông Coutanceau des Algrains, cựu chiến binh có đầu óc tỉ mỉ, không có ác ý, nhưng cũng không có cá tính, cai quản thuộc địa [Pondichéry], với người phụ tá là đại tá hải quân de Souillac. Hai người này, vốn không muốn báo động sự ngờ vực cho chính phủ Anh quốc bằng những sáng kiến mà họ cho là nguy hiểm, đã đón tiếp trân trọng giám mục, nhưng tuyên bố với ông rằng kế hoạch của giám mục là không thể thực hiện được. Họ khuyên giám mục nên từ chối nhiệm vụ sứ giả mà vua xứ Đàng Trong giao phó và đừng vượt quá giới hạn của vai trò dẫn dắt con chiên của mình. Thống đốc viết thư cho bộ trưởng để trình bày những lúng túng của mình, liệt kê những lý do khiến ông cho rằng một cuộc viễn chinh đến một xứ sở mà ông tuyên bố là thiếu thốn mọi tài nguyên khả dĩ thu hút người Âu châu là quá mạo hiểm.

Như thế, về phía các tu sĩ, cũng như về phía đại diện của Pháp hoàng, Pigneau de Béhaine không tìm ra nơi nào để trông cậy. Chán nản với những người đồng hương mà ông tin có thể tìm

được sự đón nhận nồng nhiệt, ông nghĩ có thể kêu gọi người Bồ Đào Nha giúp đỡ, và ông đã viết thư gửi cho Nghị viện Macao vào ngày 8 tháng 7 năm 1785. Lá thư nói lên tâm trạng của giám mục vào lúc ấy, bị công kích vì những tình cảm nảy sinh với Nguyễn Ánh, vì những tấm lòng yêu nước và vì tinh thần trách nhiệm của mình:

“Tháng 4 năm 1780, tôi nhận một lá thư của ông Francis Xavier De Castro, lúc ấy là thống đốc Macao. Theo thư ấy, thống đốc nhờ tôi xin vua xứ Đàng Trong cho thống đốc Goa giấy phép đặc quyền khai khác thương mại của xứ Đàng Trong. Đổi lại, thống đốc Goa sẽ có trách nhiệm tìm mọi cách giúp đỡ Đức vua khôi phục cương vị của mình ở trong nước.

Lúc nhận được thư thì tôi đang lẩn trốn trong vương quốc Cao Miên, vì thế tôi không thể làm thỏa mãn yêu cầu ấy. Lúc đi qua vịnh Xiêm La, tôi đã gặp Đức vua. Tin rằng sứ mạng là... ông hoàng ấy, tôi... chuyển hướng, hứa giới thiệu ông với những cường quốc Thiên Chúa giáo. Để yên tâm hơn, tôi cũng đã yêu cầu Đức vua trao cho tôi con trai duy nhất của ông mà hiện nay đang ở bên cạnh tôi. Bởi vì lúc ấy tôi không thể đi đâu khác ngoài Pondichéry, tôi định trước hết ưu tiên cung cấp việc ấy cho người Pháp, nhưng tôi thấy họ có quá ít đức tin nên tôi, nói trước mặt Chúa, đã quyết định tiếp xúc với quốc gia Bồ Đào Nha. Người Anh, vào năm 1778, đã đến với ý muốn giúp đỡ ông hoàng này... Trong năm này, họ nhiều lần năn nỉ tôi chấp thuận giao cho họ hoàng tử trẻ tuổi. Nhưng ngài cũng khá hiểu những lý do mà vì thế tôi không thuận làm họ vui lòng. Chỉ có những lý do tôn giáo, trước Chúa và con người, mới có thể miễn xá cho tôi khi chọn một quốc gia khác ngoài quốc gia tôi thuộc về. Vì lý do ấy tôi đề nghị giao lại cho Đức vua xứ Đàng Trong, con trai của người, sáu hoặc bảy trọng thần, những phương cách dễ dàng để khôi phục ngôi vị cho Đức vua, và không chỉ là những phương cách để bù lại những tiêu tốn có thể cần phải hao phí, mà còn để thiết lập trong xứ sở ấy một nền thương mại vừa sáng lạng cho nước Bồ Đào Nha lại vừa có lợi cho thành phố Macao... Nếu chẳng may không nhận được tin tức của Đức vua ở nơi đã chỉ định (Poulo-Panjab), công việc vẫn sẽ không đổi, vì trong tay tôi vẫn có hoàng tử bé mà tôi sẽ đưa về Macao. Tất cả những ai đã gặp tôi ở xứ Đàng Trong đều khá hiểu kinh nghiệm tôi đã trải qua trong nước để thừa nhận rằng tôi không đề xuất bất cứ điều gì mà tôi không được yên tâm.

Mong ngài cho tôi biết sớm quyết định của ngài về vấn đề này và cho đầu ngài quyết định như thế nào cũng xin giữ thật kín giúp tôi. Quốc

gia tôi sẽ chỉ có thể thấy rất tệ rằng sau khi đã trình bày điều này với họ như là không mấy ích lợi, mà nay tôi lại đã trình bày với ngài bằng một cách khác”.

Tuy nhiên, giám mục cũng đồng thời viết thư cho bộ trưởng Pháp, hầu tước de Castries¹⁵⁵. Điều ấy chứng tỏ giám mục gọi người Bồ Đào Nha chỉ là chuyện trái lòng, vì thất vọng. Sự ngưng trệ công việc đè nặng lên ông, thái độ thù nghịch của những người chung quanh làm ông bất bình. Và con người thép ấy, bị dày vò vì những cảm xúc trái ngược, phó mặc mọi sự. Có lúc ông định buông bỏ tất cả, đi ngược lên phía bắc xứ Đàng Trong, bấy giờ là giang sơn của Tây Sơn, chấp nhận tuân đạo. Nhưng sự suy sụp ấy chỉ kéo dài một thời gian ngắn, lúc trở lại chiến đấu, giám mục đã chinh phục cho mục đích của mình những thương gia ở Pondichéry và Bourbon đang muốn phát triển mạng lưới thương mại vốn bị người Anh kiểm soát gắt gao. Chính vào lúc ấy các ông Coutanceau des Algrains và de Souillac được thay thế bởi các ông Charpentier de Cossigny và đại tá hải quân d'Entrecasteaux. Vị đại tá này, một thủy thủ hạng nhất, một sĩ quan lỗi lạc nhờ vào một trí tuệ chính xác, tầm nhìn rộng rãi về các vấn đề thuộc địa, đặc biệt chú ý đến các kế hoạch của giám mục. Ông nhiệt tình chấp thuận đưa giám mục lên tàu đi Pháp để biện hộ cho mục đích của Nguyễn Ánh. Cuộc du hành này thoát tiên không nằm trong kế hoạch của Pigneau de Béhaine, nhưng cuối cùng giám mục thuận theo những lý do của d'Entrecasteaux, viết thư yêu cầu Nguyễn Ánh ẩn nấp tại Pondichéry dưới sự bảo vệ của người Pháp. Cuối cùng, giám mục lên đường vào tháng 6 năm 1786 trên một chiếc tàu do thuyền trưởng Pignatel chỉ huy, là người được ông Charpentier de Cossigny, thống đốc Pondichéry, ủy thác một lá thư đệ trình lên Bộ trưởng Bộ Hải quân.

“Kính thưa ngài. Tôi đã không thể từ chối lời yêu cầu của đức Giám mục Adran muốn tôi chấp thuận một chuyến đi miễn phí trên thương thuyền *Le Malabar*. Giám mục đi cùng với con trai của một vị vua mất ngôi của xứ Đàng Trong, cùng với hai hay ba người phục vụ. Cách đây

mười lăm tháng, giám mục cùng một phái đoàn bốn mươi người đến Pondichéry, nơi giám mục dự trữ chờ đợi câu trả lời cho những lá thư mà giám mục đã viết về vấn đề mà ông Coutanceau lúc ấy còn là chỉ huy tại Pondichéry đã báo cáo lại với ngài.

Bị Giám mục Adran chất vấn về những điều mà giám mục hy vọng từ phía Chính phủ Pháp, tôi tự cho có bốn phạm thông báo rằng những gì mà ông Coutanceau đã báo cáo với ngài đã không thuận lợi cho kế hoạch của giám mục. Điều ấy khiến giám mục quyết định tự mình đi gặp ngài để trình bày.

Kính thưa ngài. Tuyệt nhiên không đi sâu vào những quan điểm của Giám mục Adran, mà tuy thế, tỏ ra là quan điểm của một người yêu nước chân chính, tôi không thể cùng ý kiến với ông Coutanceau khi ông nhìn cuộc viễn chinh này như là một công việc trái ngược với quyền lợi của quốc gia, trái với một chính sách lành mạnh, rất khó thực hiện và rất vô ích.

Cuối cùng, lúc giám mục đến gặp được ngài, ngài sẽ cũng phán xét được tầm vóc của những quan điểm, trí tuệ của giám mục, những lợi ích mà quốc gia có thể rút tĩa từ cuộc viễn chinh ấy”.

Thống đốc Pondichéry đã tỏ ra khá can đảm khi viết những dòng này. Không nhằm thực hiện một phán xét chung về người tiền nhiệm, ông chỉ làm cho hiểu rằng những thành kiến của người này về dự án đã đệ trình lên ông ta không dựa lên trên một nghiên cứu nghiêm túc nào của sự việc. Như thế, thống đốc đã tạo cho giám mục một điểm tựa còn quý báu hơn là những từ ngữ cần trọng và cân nhắc trong lá thư có thể gây nghi ngờ là ông có thiên kiến.

Về phần mình, ông d'Entrecasteaux có sáng kiến gửi chỉ huy de Richéry đi khảo sát vùng bờ biển xứ Đàng Trong và đặc biệt vịnh Dừa mà giám mục đã cho biết là một nơi hoàn toàn sẵn sàng cho việc vận hành khéo léo một cuộc đổ bộ khi cần. Ông cũng giao phó cho de Richéry liên lạc với Nguyễn Ánh và cung cấp cho Nguyễn Ánh một chỗ lưu trú tại Pondichéry, nói tóm lại, chuẩn bị mọi sự cho một cuộc viễn chinh có thể xảy ra khi Pháp hoàng đồng ý.

Chỉ huy de Richéry hoàn thành sứ mạng nhưng không mang được Nguyễn Ánh về, vì vua Xiêm giữ Ánh lại dưới dạng cầm tù.

Tuy thế, thuyền trưởng trình lên ông d'Entrecasteaux một lá thư của Nguyễn Ánh khẳng định chọn lựa của mình, tránh né những đề nghị lập đi lập lại của Nữ hoàng Bồ Đào Nha và chỉ chờ đợi từ mỗi nước Pháp sự giúp đỡ mà vương đang cần.

Tuy vậy, những chỉ dẫn trong báo cáo về chuyến khảo sát của de Richéry cho phép d'Entrecasteaux vạch nên những nét khái quát của chiến dịch mà ông dự trù tự mình điều khiển. Ông nôn nóng chờ đợi lệnh của bộ trưởng cho phép ông lấy trong đội ngũ đồn trú ở đảo Bourbon một lượng quân đội sẽ được gọi để mang cờ thù hình hoa huệ đến xứ Đàng Trong. Lệnh ấy rồi chẳng bao giờ đến với ông.

*

* *

Trong thời gian ấy, Giám mục Adran dong buồm đi về Pháp quốc và cập bến Lorient vào tháng 2 năm 1787, sau tám tháng hải hành đầy gian khó. Một thời gian ngắn sau, qua trung gian của cha Liot, giám đốc chủng viện tại Chantaboun, giám mục nhận được một lá thư cung cấp cho chúng ta những chi tiết kỳ lạ về tình trạng tinh thần của Nguyễn Ánh, người đang chịu sự giám sát của vua Xiêm và những tình huống cản trở vương lên tàu đi Pondichéry.

Nghị viện Macao đã nhận những đề nghị của Giám mục Adran, vội vàng gửi một con tàu tới Vọng Các vì được biết Nguyễn Ánh đã rút về núp tránh ở đây. Phái bộ Bồ Đào Nha đã gặp de Richéry ở đây cùng một lý do. Nhưng Nguyễn Ánh không thể rời khỏi nước Xiêm vì sĩ quan người Pháp từ chối không đến đợi Ánh tại đảo Poulo-Panjab, mặc những lời cầu khẩn của thầy giảng Paul Nghị là người đi theo có nhiệm vụ thông dịch.

“... Kể từ khi Đức thầy kính mến chấp nhận trách nhiệm nặng nề của sứ mệnh liên quan đến những công vụ quốc gia, với lòng quả cảm Đức thầy đã phải đi xa và việc chia tay khiến kẻ Bắc người Nam, cho đến nay, nhân vật khốn khổ của chúng tôi không ngừng chờ đợi và hy vọng, như một kẻ đói ăn khát uống. Năm trước, vào tháng Sáu (ngày 16 tháng 7 đến ngày 5 tháng 8 năm 1785), là thời điểm hẹn đã thỏa thuận,

chúng tôi tuyệt đối không nhận được một tin tức nào, lòng nôn nóng và lo lắng của chúng tôi đã tới mức không chịu đựng nổi. Nhưng giờ đây, vào năm này, ngày 30 tháng Tám (ngày 21 tháng 10 năm 1786), chúng tôi được biết rằng thầy Bảo Lộc (Paul Nghi), các quan Khiêm Quang và Long Chính đã trao cho quan Quý Ngọc¹⁵⁶ một lá thư mang đến cho chúng tôi để tường trình mọi việc. Thoạt tiên, chúng tôi tưởng rằng đã mất tất cả, nhưng cuối cùng chúng tôi nhận ra là nền móng nước nhà vẫn còn vững bền, rằng gia tộc họ Nguyễn được ban phước lớn và rằng Đức thầy kính mến sẽ mang lại cho chúng tôi cứu đĩnh bằng cách trải lòng thực hiện công việc khó khăn này, tận lực giúp đỡ chúng tôi. Đức thầy hoàn hảo như một viên ngọc đã được mài giũa. Ân huệ vô song ấy ghi khắc trong tâm can chúng tôi, cho đến lúc rằng chúng tôi rụng hết cũng không quên sự việc này. Chính vì thế chúng tôi quyết tâm, như ngài đã nói với chúng tôi, phải chuẩn bị mọi thứ để ra đi. Nhưng ai dám chắc điều này? Ý đồ của con người theo một đường, mà quyết định của Thượng đế thì không phù hợp. Thế là vào ngày mồng 2 tháng Chín (ngày 23 tháng 10 năm 1787), chiếc tàu *Tu Ton Roi* bỗng nhiên đến, mang theo một lá thư của Nữ hoàng Bồ Đào Nha và một lá thư khác của sĩ quan chỉ huy thành Goa. Họ đã trình lên nhân vật khốn khổ của chúng tôi, báo rằng lực lượng của họ đã sẵn sàng tại Goa với năm mươi sáu chiến hạm. Vì thế, họ đi tìm nhân vật khốn khổ của chúng tôi. Ngoài ra, còn có hai lá thư gửi đến vua Xiêm cùng với các quà tặng gồm hai mươi khẩu súng tay và súng vừa cùng với một trăm tấm vải mịn châu Âu để cảm ơn vua Xiêm và xin được phép mang nhân vật khốn khổ của chúng tôi đi, đưa quân đội ra trận để thanh toán bọn phản loạn Tây Sơn. Nhưng công chuyện này chúng tôi đã trông cậy vào Đức thầy bề trên, làm sao chúng tôi có thể tự quyền ưng thuận tìm đến với một quốc gia khác? Vì thế, chúng tôi đã phải cảm ơn họ và lịch sự tiễn họ ra đi.

Nhân vì việc này, vua Xiêm nảy ý nghi ngờ, cho rằng chúng tôi muốn ra đi với chiếc tàu ấy. Hằng ngày, nhà vua sai người theo dõi và điều này làm chúng tôi khó thực hiện kế hoạch của mình. Dường như không còn thuận tiện nữa cho chúng tôi để lên đường vào tháng Mười (ngày 21 tháng 11 đến ngày 20 tháng 12 năm 1786) theo những hướng dẫn và mong ước của thuyền trưởng Ri-Xi-Ri (Richéry). Chúng tôi phải chờ tàu *Tu Ton Roi* ra đi để làm dịu bớt mối nghi ngờ của vua Xiêm, đến lúc ấy chúng tôi mới dễ dàng quyết định. Vì thế, chúng tôi gửi quan Quý Ngọc đến đảo Thổ Châu để nói với thuyền trưởng (de Richéry) giữ lại thầy Bảo Lộc (Paul Nghi) và yêu cầu để lại một người hoa tiêu cùng một số súng, trong vài tháng nữa nhân vật khốn khổ của chúng tôi sẽ theo sau. Còn về phần tàu thì xin cứ về trước, mang thư cho Đức thầy bề trên

và cho sĩ quan chỉ huy thành phố (Pondichéry), về phần hoàng tử còn quá bé nhỏ, chúng tôi gửi gắm cho Đức thầy bề trên để Đức thầy tự định liệu cách nào tốt thì làm. Hoàng tử sẽ ở lại hoặc sẽ trở về tùy ý định của Đức thầy và cho dầu có định liệu theo cách nào đi nữa, nhân vật khốn khổ của chúng tôi cũng vẫn bằng lòng.

Nếu Đức vua nước Đại Tây¹⁵⁷ có lòng chiếu cố thương xót lãnh thổ nhỏ bé của chúng tôi mà gửi quân đội sang giúp nhân vật khốn khổ của chúng tôi và nếu Đức thầy bề trên gắng sức trở lại thì chúng ta sẽ cùng chia sẻ mọi lo toan. Đây là một công việc phải cẩn thận lo liệu, không nên nản lòng vì những khó nhọc có thể xảy ra.

Cảnh Hưng năm thứ 47, tháng Chín, ngày 14 (ngày 4 tháng 11 năm 1786)".

Lời thỉnh cầu khiêm tốn này ám chỉ kế hoạch giám mục đã xây dựng để trở lại Huế. Lời kêu gọi của Nguyễn Ánh gửi tới người cố vấn của mình cũng không thiếu tầm vóc lớn lao. Nó làm hiển lộ cảm xúc sâu xa của con người lạ lẫm kia mà tâm lý bí ẩn của mình đã làm hoang mang tất cả những người đương thời. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong đời, Nguyễn Ánh bộc lộ một lòng thành thực đã khiến ông trao số phận của con trai cho người bạn mình như một bằng chứng của sự tin cậy, với một phẩm cách oai nghiêm mà thật xúc động.

Chương III

- Giám mục Bá Đa Lộc ở Paris
- Hiệp ước 1787
- Giám mục Bá Đa Lộc và de Conway
- Giám mục Bá Đa Lộc trở về xứ Đàng Trong
- Những người Pháp phục vụ cho Nguyễn Ánh
- Những cuộc chinh phạt ở Qui Nhơn
- Cái chết của Nguyễn Huệ
- Những bất hòa của nhà Tây Sơn
- Cái chết của Nguyễn Nhạc
- Bao vây thành Nha Trang
- Bao vây thành Qui Nhơn
- Cái chết của Giám mục Bá Đa Lộc
- Công trình của Giám mục Bá Đa Lộc

Trước khi Pigneau de Béhaine đến được Paris, Bộ trưởng Bộ Hải quân đã lệnh cho kỹ sư Lamotte nghiên cứu vấn đề xứ Đàng Trong. Kỹ sư là người rất am hiểu những sự việc ở châu Á, nơi ông đã lưu trú nhiều năm. Lamotte, trong một báo cáo trình ngày 28 tháng 1 năm 1786, đã mạnh mẽ ủng hộ kế hoạch của giám mục. Ông làm thấy rõ những lợi ích khi nước Pháp, với tư cách liên minh, thâm nhập vào trong một xứ sở giàu có tràn ngập những vật hạng quan trọng cần thiết cho nền thương mại thuộc địa. Ông đánh giá cao vùng Tourane, hải cảng trung tâm giữa Trung Hoa, Philippines và Malacca, nơi mà sự giao thông và trao đổi thương mại rất năng động, được xem như một vị trí hàng đầu có khả năng thực hiện một cuộc tranh đua thắng lợi với nền thương mại Anh quốc, về quan điểm chiến lược, vùng Nam bộ xứ Đàng Trong, với những miền phụ cận, án ngữ con đường mà tàu bè phải đi qua để vào các cảng Trung Hoa, sau khi bắt buộc thừa nhận quần đảo Poulo-Condor¹⁵⁸ được nhà vua An Nam tặng với quyền sở hữu tuyệt đối cho nước Pháp. Ngoài ra, việc thiết lập một căn cứ quân sự tại Hội An cho phép tổ chức hàng loạt đội tuần tra biển mà nhờ đó chúng ta sẽ chặn được

nhánh thương mại sinh lợi nhất của những đối thủ cạnh tranh Anh quốc và Bồ Đào Nha.

Hoàng hậu Marie-Antoinette đồng tình với báo cáo viên, chia sẻ sự tín nhiệm của mình với các ông Dillon và Lomenie de Brienne là những người thoát tiên phản đối kế hoạch của Giám mục Adran. Vua Louis XVI đón tiếp Hoàng tử Cảnh với thiện tâm mà vẻ trẻ tuổi vô tư lự rất thích hợp với sự tò mò thích thú của các cận thần. Phái bộ xứ Đàng Trong đã tạo nên một biến động sôi nổi đầy thiện cảm, những lễ hội được tổ chức để vinh danh hoàng tử. Trong những dịp ấy, Hoàng tử Cảnh có mặt bên cạnh thái tử Pháp mà cậu thường chia sẻ những trò chơi. Châu Á trở thành mốt năm ấy, được Léonard thừa nhận và sáng tạo ngay cả một kiểu tóc theo lối Trung Hoa mà các mệnh phụ thanh lịch mang nó suốt cả một mùa!



Hoàng đế Pháp Louis XVI (1776)

Vào ngày yết kiến vua Louis XVI, 6 tháng 5, Pigneau de Béhaine nhấn mạnh sự cần thiết trong việc đấu tranh chống lại ưu thế của người Anh ở Ấn Độ, nơi mà nước Pháp chỉ có vài thương điểm với tầm quan trọng càng ngày càng giảm sút. Giám mục trình bày việc liên minh với xứ Đàng Trong trước hết là để ngăn ngừa sự chiếm đóng của người Anh. Việc chiếm đóng này, trong trường hợp chiến tranh, sẽ cấm tất cả các quốc gia khác đi ngang qua, khiến cho hạm đội Anh quốc trở thành chủ nhân duy nhất của con đường hàng hải dẫn đến Trung Hoa. Giám mục đặt nhà vua trước chọn lựa có tầm quốc gia, giữa hai lối mà tình hình hải ngoại không phải là điều duy nhất được đặt ra: “hoặc lớn mạnh hoặc ra đi”. Cuối cùng, giám mục còn nhấn mạnh rằng để vị thế của nước Pháp được củng cố, phải lập tức chiếm Poulo Condor, Tourane và Hà Tiên.

Vua Louis XVI sau nhiều do dự đã chấp thuận và cho phép giám mục nghiên cứu việc soạn thảo thỏa ước tương trợ mà vua xứ Đàng Trong cầu khẩn.

Thỏa ước này với lời lẽ đã được nhà vua cân nhắc suy nghĩ lâu dài, cho phép nước Pháp thâm nhập với tư cách quốc gia liên minh vào trong một xứ sở mà ở đó không một quốc gia phương Tây nào đã gây được ảnh hưởng.

Vua Louis XVI cam kết hỗ trợ Nguyễn Ánh “theo cách hiệu quả nhất”. Nhà vua hứa gửi bốn chiến hạm chở một đội pháo binh hùng hậu cùng với đội quân một ngàn năm trăm người được trang bị trong tình thế thời chiến. Nhà vua sẽ hỗ trợ vua xứ Đàng Trong vào mọi lúc khi vị vua này gặp khó khăn trong việc chiếm cứ lãnh thổ. Nguyễn Ánh “trong lúc chờ đợi sự giúp đỡ rất quan trọng mà Đức vua rất Thiên Chúa giáo sẵn sàng thực hiện”, nhường cho Đức vua cũng như cho Hoàng gia Pháp quốc quyền sở hữu tuyệt đối và chủ quyền của hòn đảo nơi có hải cảng chính của xứ Đàng Trong gọi là Hội An [Tourane]¹⁵⁹. Lại thêm, người Pháp có quyền dựng trên đất liền mọi cơ sở mà

họ cho là có ích, cho việc hải hành cũng như việc thương mại, để trông coi, sửa chữa hoặc đóng mới các thuyền bè.

Nhường hoàn toàn chủ quyền đảo Poulo-Condor cho vua nước Pháp mà thần dân của nước này sẽ được hưởng tự do trọn vẹn về thương mại trong khắp xứ Đàng Trong, loại trừ những người châu Âu khác.

Tóm lại, những quy định trong thỏa ước là rất quan trọng vì nó nhằm vào hoạt động của người Anh có khả năng xảy ra để chống lại những cơ sở mới của người Pháp. Vua xứ Đàng Trong cam kết trợ giúp binh lính, thủy thủ, thực phẩm, tàu bè, trong trường hợp người Pháp bị tấn công liên quan đến sự bình yên của Tourane và đảo Poulo-Condor, cũng như trong trường hợp người Pháp có chiến tranh với một cường quốc châu Âu hoặc châu Á. Như vậy, nước Pháp, nhờ vào một khoản kinh phí và một nỗ lực không đáng kể, chiếm được những lợi thế quá sức mong đợi. Từ đây, nước Pháp sẽ làm chủ con đường đi Trung Hoa, hắt cẳng mọi đối thủ cạnh tranh trong thương mại ở châu lục này, đầu đó là người Anh, người Hà Lan hay người Bồ Đào Nha. Các vùng đất được nhượng trọn vẹn chủ quyền cho chúng ta có thể đền bù trong chừng mực nào đó sự mất mát nhục nhã các nhượng địa của chúng ta ở Ấn Độ. Và cuối cùng, những quy định phụ thêm vào thỏa ước Versailles cho phép chúng ta từng bước can thiệp vào nội chính đất nước ấy, thông qua sự truyền bá Đức tin Thiên Chúa giáo, sự mở rộng mạng lưới mậu dịch, thu thuế hải quan ở cửa sông đối với tàu bè lưu thông nội địa v.v...

Giá như ý chí của vua nước Pháp kiên định hơn, thì cơ sở của chúng ta ở Đông Dương đã được thực hiện không trở ngại và Trung Hoa, một thế kỷ sau đó, không thể lấy cớ bá chủ để gây thất bại cho việc chiếm đóng của chúng ta, bằng cách chấp thuận cho vua Tự Đức một sự bảo hộ mà trước kia Pháp đã từng bỏ lỡ đối với người sáng lập ra triều đại nhà Nguyễn.

Nhưng vua Louis XVI lại quyết định giao việc thực hiện các điều khoản trong thỏa ước cho bá tước de Conway¹⁶⁰, người kế nhiệm Charpentier de Cossigny ở Pondichéry. Nhà vua không phải không biết đã giao cho một kẻ bất tài sứ mạng khó khăn trong việc thiết lập uy tín của nước Pháp ở một đất nước mà vị thống đốc lạ lùng kia công khai tuyên bố thiếu hẳn tiền đồ. De Conway, gốc người Ái Nhĩ Lan đã chiến đấu ở Mỹ năm 1777. Quốc hội Mỹ phong cho ông hàm thiếu tướng, nhưng sự chống đối công khai của ông ở Washington làm phật lòng ghê gớm các chiến hữu buộc ông phải giã từ quân đội. Lúc trở về Pháp, với sự hỗ trợ của đồng minh Brienne, ông được bổ nhiệm chức phụ tá chỉ huy quân sự, và sau khi Versailles được yên ổn, trở thành chỉ huy trưởng đội quân đồn trú tại Ấn Độ.

Đức vua không thích de Conway, biết ông ta là người mưu mô, hung hăng và khoe khoang, và được nguyên soái de Castries viết thư nhắc nhở. Mặc dầu thế, Đức vua vẫn dùng ông này để làm vui lòng Bộ trưởng [Montmorin], và những huấn thị mật, liên quan đến sự vụ xứ Đàng Trong đều được gửi đến de Conway. Những huấn thị ấy yêu cầu de Conway ngưng chiếu cố Nguyễn Ánh nếu một khi các quốc gia châu Âu khác ủng hộ hoặc chống đối ông hoàng mất ngôi kia. Giám mục Adran không hề hay biết tầm vóc quyền hạn ban cho de Conway, nên sẽ chỉ trích gay gắt thái độ của ông ta và hai bên sớm nảy ra tranh chấp dữ dội.

Ông de Montmorin vừa mới gỡ ra được những sự việc rầy rà của nước Hà Lan một cách khá nhọc nhằn. Là đồng minh của Cộng hòa Pháp, Hà Lan đã cùng chiến đấu với nước này chống lại người Anh. Thế mà, những người ủng hộ nhà Orange¹⁶¹ đã khích động vua nước Phổ can thiệp. Vua Louis XVI hoảng sợ vì việc xâm chiếm bất ngờ xứ Hà Lan, đã bỏ rơi nước đồng minh của mình để tránh một cuộc chiến tranh với vua Phổ Frédéric Guillaume II. Hoàn cảnh này gây khó cho Bộ trưởng [Bộ Ngoại giao, tức de Montmorin] trong việc ủng hộ một cuộc phiêu lưu ở

châu Á và đó là cách giải thích về sự cẩn trọng vô cùng của ông - về sau có kẻ nói đó là thái độ giả dối, nước đôi - trong việc điều hành một công việc đòi hỏi nhiều sáng kiến mạnh mẽ.

Một huấn thị thứ hai được gửi tới de Conway ngày 2 tháng 12 năm 1787, viết rằng “Hoàng thượng muốn yên tâm về những nghi ngờ mà bản thân Ngài không giải quyết được, bằng vào dấu hiệu về sự tin cậy lớn nhất vào sự khôn ngoan của bá tước de Conway là người mà Hoàng thượng dám trao trọn quyền thực hiện cuộc viễn chinh, hoặc trì hoãn việc thực hiện mệnh lệnh của Ngài, tùy theo những thông tin tình hình mà ông ta thu lượm được”.

Quả như Cultru đã viết, một chính sách được thảo luận tại Versailles với một người như Giám mục Adran, một chính sách mà người ta đặt cược tất cả với số tiền một trăm ngàn piastre, mà kết cục, nếu thuận lợi, sẽ cho chúng ta một vị trí không đâu sánh kịp, không xa nước Trung Hoa và eo biển Sonde; và nếu bất lợi thì sự việc cũng không trở thành một thảm họa vì chúng ta lúc ấy làm chủ tình thế để rút ra khơi. Cuối cùng, mọi cơ hội đã có thể được tính toán chính xác nhờ vào những thông tin mà Văn khố lưu trữ của Công ty Đông Ấn và những thư từ của d'Entrecasteaux cung cấp. Vậy mà tất cả mọi chuyện ấy lại do một Bộ trưởng [Bộ Ngoại giao] thiếu quyết đoán trao quyền chỉ huy cho một sĩ quan tầm thường [de Conway] vừa mới đến đất Ấn Độ, nơi mà y chưa bao giờ phục vụ. Nói rằng người ta phó thác cho y những chi tiết thực hiện kế hoạch thì quá đáng, nhưng đặt dưới quyền phán đoán của y ngay cả nguyên tắc thực hiện, thì điều này cho thấy tầm vóc của chính quyền Louis XVI.

Giám mục Adran lên tàu *Dryade* với đứa trẻ do ông giám hộ vào tháng 11 năm 1787. Có một sĩ quan hải quân đi theo với nhiệm vụ đưa Hoàng tử Cảnh về lại với thân phụ và nhân thời gian lưu trú ở xứ Đàng Trong thu nhặt thông tin khả dĩ giúp vị chỉ huy cuộc viễn chinh mà trên nguyên tắc do Đức vua gửi đến giúp Nguyễn Ánh.

Giám mục cập bến tại Pondichéry ngày 18 tháng 5 năm 1788. Ông trao cho bá tước de Conway huân chương và văn bằng xác nhận hàm trung tướng do Đức vua ban, và sự thăng chức này là nhờ chính Pigneau de Béhaine khẩn khoản xin cho. Nhưng như thế giám mục đã phạm sai lầm lớn khi tạo cho viên thống đốc cảm giác chịu ơn về chuyện thăng chức. Conway cảm ơn qua loa và tiếp đó bàn bạc về vấn đề khắc sâu trong tim giám mục. Conway hỏi giám mục về những tài nguyên của đảo Poulou-Condor, liệu có thể kiếm ra bò để kéo xe và súng đại bác không v.v... rồi sau đó viết thư gửi Bộ trưởng [de Montmorin]:

“Tôi đã không muốn hỏi giám mục về những cơ sở dành cho bệnh viện, kho quân nhu, về lương thực, về phương tiện để duy trì thông tin liên lạc của chúng ta, bởi lẽ tôi nhận ra rằng giám mục luôn luôn cung cấp những lời khẳng định chứ không hề có chứng cứ và tôi chỉ làm cho giám mục bối rối chứ không rút ra được một chỉ dẫn nào thỏa đáng”.

Những mật lệnh mà thống đốc có trong tay cho phép ông ta toàn quyền hành động. Bộ trưởng lại ra lệnh cho ông không được quyết định điều gì trước khi có đủ mọi thông tin cần thiết. Thế nên ông lợi dụng điều ấy để chơi đùa trên chữ nghĩa của những huấn thị. Nếu là một sĩ quan bình thường nào khác, trong trường hợp ấy, hẳn đã có thể đưa ra một hoạt động sáng tạo, nhưng ở đây ông de Conway thì không có gì nữa để chờ mong; đã là trung tướng, ông chẳng ước ao gì hơn và do đó, không hào hứng điều đến một xứ độc địa một đội quân mà ông cho rằng chẳng bổ bèn gì.

Sự khinh suất của de Montmorin [Bộ trưởng Ngoại giao], người tin rằng một kẻ bất tài ở Pondichéry sẽ hiểu những vấn đề của xứ Đàng Trong hơn là một người khôn ngoan ở Paris, đã bị chỉ trích vì phương cách mà viên thống đốc dùng để thu lượm thông tin. Trong thực tế, Conway đã phái hai tàu *Dryade* và *Pandour* đi thám thính vùng bờ biển xứ Đàng Trong. Nhưng việc làm ấy chỉ để thỏa mãn dư luận quần chúng. Không đợi báo cáo của các thuyền trưởng, ông ta đã tự ý gửi đến bộ trưởng bản tổng kết cuộc trao đổi với Pigneau de Béhaine ngày 18 tháng 6

năm 1788. Lá thư riêng đã phủ nhận hết những cáo buộc của ông ta. Thư viết rằng giám mục đã cung cấp cho ông những thông tin có tình tiết rõ ràng về quân đội xứ Đàng Trong. Điều ấy không ngăn ông có kết luận: “Chẳng kiếm được lợi lộc gì ở xứ Đàng Trong và ở Ấn Độ cũng chẳng hơn gì! Chỉ là những vùng đất độc địa, không thể ở được, nơi chỉ có sự nghèo khổ và không phải là quá sớm để bỏ rơi nó cho người Anh mặc tình muốn làm gì thì làm”.

Những lối đánh giá như thế nói lên được phẩm chất của tác giả. Đã có một Silhouette¹⁶² bức bách Dupleix, nay lại có một Conway khiến sự thiết lập của nước Pháp trên Đông Dương chậm đi một thế kỷ.

Giám mục Adran, không hề hay biết gì về quyền hạn ban cho Conway, trở nên nôn nóng. Ông yêu cầu viên thống đốc phải hành động, thực hiện những điều khoản của thỏa ước có mang chữ ký của Đức vua. Nhưng trước những câu trả lời trì hoãn của người đối thoại, ông cao giọng, nổi giận, làm cho cuộc tranh chấp, mãi cho đến trước đó hãy còn kín đáo, mang một kiểu cách gai góc mà không gì có thể xoa dịu được. Ông viết thư cho bộ trưởng để phàn nàn. Cùng lúc ấy Conway lại gửi những ta thán của mình đến Montmorin, nói bóng gió rằng sự việc có thể trở thành một kiểu chiến tranh tôn giáo: “Giám mục Adran ghen tị sự tín nhiệm mà các thừa sai khác vây quanh kẻ tiềm ngôi [Tây Sơn] có thể có được”, “cuộc tranh chấp giữa những thầy tu”, Conway đã viết như vậy. Còn Voltaire khi nói đến cuộc tranh chấp giữa người Anh và người Pháp ở Ấn Độ thì gọi là “cuộc cãi cọ giữa những con buôn”. Thư của thống đốc Pondichéry gửi đến Versailles được ông Luzerne, tân bộ trưởng của Bộ Hải quân đón nhận. Sau khi đọc thư ấy trước Hội đồng Cố vấn, bộ trưởng đề nghị bãi bỏ cuộc viễn chinh ở xứ Đàng Trong, vì giới hạn về tài chính cũng như ông tin vào những xác quyết của Conway. Hội đồng thuận theo ý kiến của bộ trưởng và nhiều lệnh đã được gửi đến bá tước de Conway không những để

ngăn không một việc gì được quyền thực hiện chiếu cố đến Nguyễn Ánh, mà còn các đơn vị đồn trú tại Ấn Độ phải được rút đi và các đội quân ấy phải về tập trung tại Ile de France. Mối lo ngại về một cuộc chiến với người Anh, trong lúc nước Pháp không còn trông cậy đến người Hà Lan mà họ vừa mới phản bội nữa, làm mờ đi mọi phán đoán của bộ trưởng. Conway trở về Ile de France và thay quyền d'Entrecasteaux ở đây.

Không phải như một số tác giả đã viết, nhất là P. Louvet, rằng những biến cố gây ra bởi giai đoạn khởi đầu của Cách mạng đã khiến Versailles dẹp bỏ vấn đề xứ Đàng Trong, thực sự đó là do sự thiếu hiểu biết và sự bất lực của chính phủ Louis XVI.

Pigneau de Béhaine, người đã được thống đốc Pondichéry cung cấp phương tiện để trở về Pháp, công khai phản đối một chính sách khiến cho đất nước phải hổ thẹn vì đã nuốt lời hứa với một vị vua ngoại quốc. Giám mục tuyên bố thay vì bỏ cuộc, chính ông sẽ tổ chức một cuộc viễn chinh.

Giám mục lên tàu *La Méduse* ngày 15 tháng 6 năm 1789 với bốn tàu chở hàng đi cùng, do các thương gia ở Pondichéry và Ile de France thuê vì họ sẵn lòng ủng hộ giám mục hơn bao giờ hết.

Thủy thủ đoàn bao gồm những đào binh từ hải quân hoàng gia, bị lôi cuốn vì những hứa hẹn dành cho họ, và vì tính thích phiêu lưu thường có ở những người đi biển. Hầu hết các sĩ quan đều làm việc trong ngành thương mại. Đó là Olivier Puymanel, người xây dựng các pháo đài theo kiến trúc Vauban mà quân Pháp một thế kỷ sau sẽ rất kinh ngạc khi nhìn thấy¹⁶³, đó là Dayot người sẽ chỉ huy hạm đội của Nguyễn Ánh tiêu diệt hạm đội Tây Sơn, Laurent Barizy đại tá lục quân, Julien Girard, Jean Guillon, Vannier¹⁶⁴, kỹ sư Le Brun, de Forsant [hoặc de Forçant], Guilloux, Tardivet, Malespine, Magon de Médine, Lefèvre, vài năm sau có thêm các bác sĩ giải phẫu như Desperles, Despiaux. Chaigneau chỉ rời Việt Nam¹⁶⁵ vào năm 1822¹⁶⁶. Nhờ vào đội quân đầy quyết tâm và mạo hiểm kia mà quân đội Nguyễn vương, được tổ chức theo lối Âu châu, được trang bị pháo binh

hoàn hảo, với một hạm đội vận hành thông thạo, sẽ biến một Nguyễn Ánh đào tị thành Đại Hoàng đế Gia Long.

*

* *

Trong thời gian Pigneau de Béhaine vắng mặt lâu dài ấy, vị thế của Nguyễn Ánh đã được cải thiện. Sau hai năm lưu trú tại Vọng Các, Nguyễn Ánh không ngừng chuẩn bị chuyển trở về xứ Đàng Trong với những người đi theo đã bắt đầu hy vọng trở lại. Vương gửi gia đình sang đảo Phú Quốc để tránh những can thiệp của vua Xiêm và đổ bộ xuống Hà Tiên, gấp gáp chuẩn bị một đội quân với những người tình nguyện mà sức mạnh duy nhất của họ là nhiệt tình.

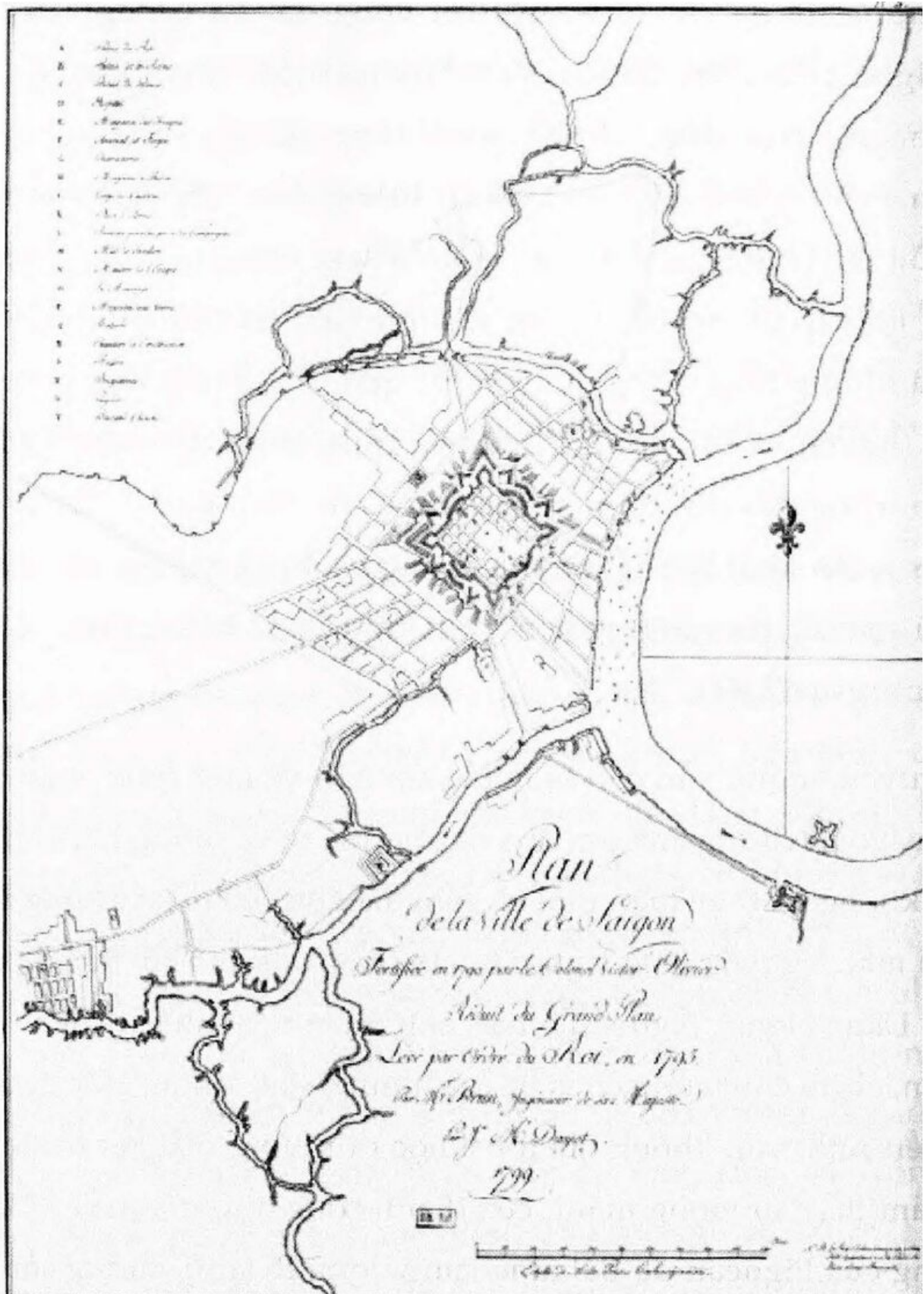
Nguyễn Lữ, người trẻ nhất trong anh em Tây Sơn, và vì Lữ mà vương quyền xứ Đàng Trong tan nát, đánh mất cơ hội chiến thắng kẻ thù dai dẳng để mang lại chiến thắng vĩnh viễn. Các tướng thúc giục Lữ tấn công quân Nguyễn Ánh, sáng suốt hứa hẹn với chủ tướng một cuộc thắng lợi mau chóng và dễ dàng. Nhưng Lữ do dự, suy nghĩ, làm mất thời gian, gây phật lòng chủ tướng vì sự bất nhất và sợ hãi của mình. Cho đến khi Lữ quyết định hành động thì Nguyễn vương, sau khi chiếm lấy Long Xuyên, đã chinh phục cả vùng Cửu Long, rồi hăng hái tiến quân đe dọa Gia Định, nơi mà những kẻ trung thành đang đợi tin quân của vương để nổi dậy. Kẻ tiếm ngôi hoảng sợ, kéo về ẩn náu tại Biên Hòa, rồi trốn chạy về Qui Nhơn mà không giao chiến. Các tướng của Lữ thất vọng, kháng cự yếu ớt, thoát tiên đã đẩy lui quân Nguyễn Ánh, nhưng cuối cùng đã để thành Sài Gòn bị bao vây, thất thủ vào ngày 7 tháng 9 năm 1788.

Nguyễn Ánh báo tin thắng trận cho cha Liot đang ở Xiêm, khẩn khoản hỏi thăm tin tức Giám mục Adran mà vương cho rằng đã về lại Pondichéry với quân đội mà vua nước Pháp hứa hẹn.

“Chúng tôi đã chiếm hoàn toàn vùng đất Ba Giồng, Sài Gòn, Bến Nghé, Đồng Nai, Bà Rịa. Vì thế lục quân và thủy quân của địch kinh hoàng

chạy trốn. Chúng thâm nhập các cửa sông, gây nhiều thiệt hại cho dân chúng và cướp lấy lương thực. Thế nên chúng tôi vẫn còn tập trung các đội thủy quân để chỉ trong một trận đánh sẽ thắng lợi gấp đôi và chúng tôi sẽ vĩnh viễn tránh khỏi mọi lo âu. Đây là những hoạt động quân sự đã qua của chúng tôi... Nếu các chiến thuyền và các đội lực quân và thủy quân của nước Đại Tây đã tập trung đầy đủ, thì nên báo trước cho chúng tôi... Trong việc quân sự, cần nhất là phải nhanh chóng và đừng bao giờ trễ nải kéo dài, vì sợ rằng lúc gió ngược nổi lên, binh sĩ và lương thực sẽ càng ngày càng cạn kiệt...”.

Nguyễn vương vẫn còn bị nỗi lo ám ảnh về một cuộc phản công của Tây Sơn. Nhưng anh em nhà này bị chia rẽ vì những tranh cãi gia đình, không hề thực hiện một cố gắng nào để chiếm lại những vùng đất đã mất. Nguyễn Huệ, người thứ hai trong ba anh em thì bận công việc ở Đàng Ngoài. Nguyễn Nhạc, anh cả, lo ngại những tham vọng của em, chăm chút củng cố vị trí của mình ở Quy Nhơn. Mặc dầu thế, Nguyễn Ánh, vốn không quên bài học từ những thất bại trước đây, vẫn cảm thấy sự mong manh của thành công như hồi năm 1782. Sự im lặng của Pigneau de Béhaine làm vương lo lắng, vương sốt ruột mong chờ tin tức của giám mục; cuối cùng tin cũng đến vào tháng 5 với thỏa ước Versailles mà giám mục đã phê chuẩn ngay tại chỗ các điều khoản. Mọi kỳ vọng của vương rơi rụng lúc được thông báo về những trở ngại do bá tước de Conway dựng lên. Những lá thư nhận được từ Pondichéry làm vương nản lòng. May thay, kẻ địch không biết chuyện ấy để lợi dụng. Vương lại nghĩ đến việc cầu viện người Hà Lan thì Giám mục Adran trở về dẫn đầu một đội quân nhỏ mà chính ông đã tuyển mộ và trang bị.



Họa đồ thành phố Sài Gòn vẽ năm 1795 bởi kỹ sư Pháp Lebrun, bên trong có thành Sài Gòn do Đại tá công binh Olivier de Puymanel xây xong năm 1790.

Kể từ đây, Nguyễn vương sở hữu một hạm đội thật sự, với nhiều súng ống đạn dược, nhiều thủy thủ, sĩ quan, bác sĩ... tạo nên khung sườn cho một đội quân lợi hại mà nhờ đó vương khôi phục thực sự sức mạnh của triều Nguyễn. Vương hãnh diện nhìn ngắm những chiến thuyền đẹp đẽ đỗ im lìm trên sông, những chiến binh tập luyện theo lễ lối phương Tây dưới sự điều khiển của những sĩ quan người Pháp. Xưởng vũ khí luôn luôn nhộn nhịp. Olivier de Puymanel bố trí pháo đài xung quanh thành, và dưới bóng mát của chúng, người dân mua bán yên lành. Trên bờ kênh, gần trại lính, Théodore Le Brun mở một xưởng đóng tàu với một đám đông thợ mộc luôn luôn bận rộn. Người Hoa ở Chợ Lớn được yên tâm, đến giúp đỡ vương bằng những hoạt động không mệt mỏi của họ. Các vùng chung quanh đều yên ổn, thuế thu được vào ngân khố một cách dễ dàng. Lực lượng Tây Sơn, phía bên kia biên giới, dường như đã bỏ rơi vĩnh viễn ý đồ chiếm cứ vùng Nam bộ. Các sĩ quan Pháp, vừa tích cực hoạt động chuẩn bị cho chiến dịch, lại đồng thời lo toan những lợi ích cá nhân với khá nhiều thành công như lá thư sau đây của Olivier de Puymanel gửi cho cha Letondal, linh mục quản lý Hội Truyền giáo tại Manille chứng minh:

“Tôi gửi qua ông Linéa gỗ trắc và gỗ hồng đến Đức cha Agier. Nếu tôi có quen biết trước ông Piron thì tôi đã nhờ ông ấy lo việc này, cho dầu đây chỉ là số lượng nhỏ. Tôi hy vọng rằng tiền bán số gỗ trên sẽ thỏa mãn rộng rãi những hợp đồng của tôi với Đức cha và với Đức cha Agier, ngay cả với ngài Rochor, người láng giềng của Đức cha. Tôi đã hứa với ngài Rochor 17,5 piculs¹⁶⁷ cau để đổi lấy số tachos còn lại, ông ấy không thể bán tháo tachos đi với những thứ khác mà không thua lỗ. Nhiều người Đàng Trong đã làm tôi thất vọng, tôi không có một cân cau nào và tôi đã tin có thể thay vào đó cho ông ta 1,5 piculs sagan¹⁶⁸ mà tôi được biết rằng đang ở giá cao nhất. Bối lễ ngài ấy không chịu nghe phải trái, tôi đã buộc bỏ bớt 1,5 piculs, là tiền khấu trừ cước vận chuyển với giá 9 mas¹⁶⁹ mỗi picul, và những chi phí... và các phí tổn khác. Thế nên, tôi tin rằng ông ấy không có gì để phàn nàn về tôi nữa. Đức giám mục Adran chắc chắn đã nói rõ cho Đức cha biết là tôi đã hoàn tất mọi giấy

tờ Đức cha đã gửi đến giám mục. Tôi ao ước được tham dự vào các hội ban của Đức cha. Nếu Thiên Chúa cho phép tôi được dự phần vào danh sách của Đức cha, thì tôi sẽ hết sức hạnh phúc làm tròn bổn phận”.

Đọc lá thư này rất bổ ích. Nó hé lộ một khía cạnh khá là ít biết về đặc tính của thiên sử thi này. Đồng đội của Giám mục Adran không phải là những dũng sĩ. Nếu họ bỏ rơi việc phục vụ Đức vua để đi theo giám mục trong một cuộc phiêu lưu mà tóm lại khá mờ mịt đối với tinh thần của người phương Tây thì bởi lẽ trước hết, họ muốn rút ra từ đó những lợi ích vật chất và tức thì. Sự hào hiệp thông minh và mang tính chính trị sâu xa của thủ lĩnh của họ không thâm nhập được vào trong tâm hồn của những người lính thô lỗ, đơn giản, tham lam và hoang phí vừa là những chiến sĩ can trường vừa là những con buôn lão luyện.

Mặt khác, Pigneau de Béhaine khuyến khích họ duy trì những quan hệ với người nước ngoài để nâng cao uy tín của giám mục. Trong khi các tướng lĩnh An Nam giải sầu bằng trò chơi ba-quan, thì sĩ quan người Pháp buôn bán từ Madras đến Hongkong những sản phẩm trong xứ, đấu tranh thắng lợi chống những kẻ cạnh tranh người Anh và Hà Lan.

Chính nhờ hoạt động thương mại của các chiến binh thương gia này mà chúng ta biết được nhiều người châu Âu từ thời kỳ ấy, đã có mặt trong những thương điểm ở châu Á và tự ý theo dõi một cách thích thú những hoạt động của người Pháp ở Đông Dương.

Miền Nam bộ xứ Đàng Trong vào thời kỳ ấy duy trì một liên lạc thường xuyên với Hongkong, Goa, Hải Nam, Manille, Malacca, Madras. Chỉ cần vài người phương Tây quả quyết và năng động đủ để mang đến cho đất nước khốn khổ vì cuộc nội chiến này một sự đổi mới thịnh vượng và an lành.

Nhưng định mệnh tưởng chừng ưu đãi Nguyễn Ánh hóa ra lại xoay chiều chống lại ông lần nữa.

Nguyễn vương quyết định chủ động tấn công, hành quân đến Qui Nhơn, là đất của Nguyễn Nhạc, trải rộng quyền lực của

mình đến tận Phú Xuân, vì thuở đó tham vọng của vương mới chỉ đến mức ấy. Vương chưa dám mơ vào đến Thăng Long bằng cửa Đại Hưng [nguyên văn: Porte du Milieu], mà chỉ mong lấy lại tài sản của dòng họ, duy trì được việc thờ cúng tổ tiên trong những đình miếu mà chính họ đã dựng nên. Chỉ là hoàn cảnh về sau sẽ thúc đẩy Nguyễn vương phục hồi lại việc thống nhất vương quốc đồng thời kết nối các vùng miền phía bắc vào lãnh địa trước đây của dòng họ.

Nguyễn vương chuẩn bị ra lệnh mở chiến dịch thì lại phải án binh bất động vì dân chúng nổi dậy chống lại áp bức lao động khổ nhọc. Trong khi đó nhóm người Pháp, phần nộ vì thái độ thù hằn rõ rệt của các quan tướng, dọa sẽ rời nhiệm sở.

Tình thế trở nên gay go, một số người cho rằng tuyệt vọng, tìm kế dung thân bằng cách đầu hàng quân địch; những kẻ khác rút lui về miền quê, mang theo những người của mình đi cùng, trở về làm ruộng.

Pigneau de Béhaine lo lắng không kém Nguyễn vương. Hoạt động của giám mục gắn liền với hoạt động của vương. Sự tồn vong của sự nghiệp mà giám mục kiên trì thực hiện bằng mọi giá tùy thuộc vào sự thành công của vương. Cuối cùng, trách nhiệm của giám mục gắn liền sâu xa với nước Pháp và Tòa Thánh Vatican buộc rằng nỗ lực của giám mục không kết thúc bằng thảm họa.

Giám mục dùng mọi uy tín của mình để xoa dịu cuộc xung đột, trước tiên là níu giữ lại những người đồng hương đang chuẩn bị mang về lại đất Pháp những chiếc tàu đẹp đẽ của hạm đội non trẻ, rồi thuyết phục Nguyễn vương dùng những biện pháp an ninh khẩn cấp. Nông dân bị buộc phải lao động trong những công trình xây dựng, được trả về ruộng đồng để cấy lúa. Một khi nguyên nhân chính của cuộc phản loạn tiêu tan, giám mục hướng sự tức giận của vương vào đám quan lại bất tài hoặc mắc lỗi. Quân đội bị răn đe, ngừng mọi than vãn.

Cuộc báo động nóng hổi này làm Nguyễn Ánh suy nghĩ và hủy chuyện xuất binh thảo phạt năm ấy. Vương thanh lọc hàng ngũ tướng sĩ, gạt đi những kẻ rụt rè nhút nhát, giao những chức vụ quan trọng cho những người tận tụy bảo vệ mình lúc hiểm nguy, bắt binh sĩ phải phục tùng một kỷ luật sắt, khuyến khích lòng hăng hái của họ bằng những hứa hẹn tưởng thưởng hào phóng.

Nguyễn vương bảo vệ người châu Âu khỏi những gièm pha công kích của quan lại bằng cách ban cho họ những phẩm trật kèm theo những quyền lợi riêng biệt. Cuối cùng, vương cố kết một cách thân ái dân chúng mỗi ngày một đông hơn với sự nghiệp của mình bằng cách khéo léo ưu đãi những sự quy đạo trong các dòng họ lớn.

Kể từ đó, được yên tâm rồi, Nguyễn Ánh cất quân ra trận. Nhưng Giám mục Adran ốm nặng, không thể đi theo. Vương lẽ ra có thể mau chóng chinh phục được toàn bộ Đảng Trong nhờ có một đạo quân mạnh mẽ, kỷ luật, dưới sự điều khiển của những chỉ huy khôn khéo. Nhưng lòng kiêu ngạo bốc lên khi thấy sức mạnh của mình khiến vương chia nhỏ một cách vụng về các đội quân, không chịu nghe những ý kiến của Laurent de Barizy đang lo sợ trình bày, gây hết sai phạm này đến sai phạm khác, để bị đánh bại rồi phải vội vã rút về Sài Gòn. Đến nơi, vương phải dùng ba mươi ngàn binh sĩ để giữ các pháo đài bảo vệ vương chống lại quân rượt theo.

“Cuộc chiến đấu của nhà vua luôn luôn trong trạng thái ấy”. **Chaigneau đã viết như thế về chuyện này.** “Năm trước Nhà vua đã hụt mất một cơ hội tốt mà lẽ ra đã thu tóm được toàn xứ một cách dễ dàng. Nhà vua đã đến tận hang ổ địch, chúng đang bị chia rẽ và không hề chờ quân của Ngài, đến nỗi chúng hoàn toàn bị bất ngờ. Nhưng Nhà vua đã không biết lợi dụng tình thế. Theo chiến dịch vừa qua, tôi rất sợ rằng Nhà vua sẽ không bao giờ làm chủ được đất nước”¹⁷⁰.

May mắn là quân Tây Sơn không xuất hiện, nhưng một lần nữa dân chúng nổi dậy. Pigneau de Béhaine vừa mới hồi phục đã phải ngăn chặn cơn thịnh nộ của đám đông, xoa dịu người này, răn đe kẻ khác, thêm một lần nữa ông hỗ trợ triều đình bằng khả năng thu phục nhân tâm.

Năm 1789, ba đại chiến hạm với khoảng một trăm chiến thuyền lớn xuôi dòng sông Sài Gòn. Dayot, người chỉ huy hạm đội mang cờ hiệu của Nguyễn Ánh đi dạo khắp Malacca, Ấn Độ, Philippines, Tích Lan, trước sự ngạc nhiên lo ngại của người Anh và Hà Lan. Dayot mua khắp nơi vũ khí và đạn dược cần thiết cho một cuộc tấn công mới đánh quân Tây Sơn. Olivier de Puymanel xây dựng các thành lũy trong khắp vương quốc, dự phòng một cuộc rút lui có thể xảy ra, đồng thời củng cố một đạo quân thiện chiến gồm sáu mươi ngàn người được huấn luyện theo chiến thuật Tây phương từ đây đặt dưới quyền điều khiển của Nguyễn vương.

Năm 1791, vì cho rằng hoàng đế Thái Đức sẽ tấn công nên Giám mục Adran thúc giục Nguyễn Ánh hành động, vương quyết định đột kích thuyền bè mà đối phương đang cất giữ dự phòng trong cảng Qui Nhơn.

Dayot và Vannier tiên phong khởi hành dẫn đường cho hạm đội, tới trước cảng, họ neo đậu tàu lại đúng tầm của các pháo đài để chặn đường bắn cho phép các tàu chuyển quân tiến vào vịnh không bị nguy hiểm. Quân Tây Sơn kinh ngạc, không có đủ thời gian để vào vị trí chiến đấu. Kinh hoảng, họ kháng cự vụng về và trốn chạy mặc cho các thuyền bè và các cơ sở bị thiêu rụi không sao ngăn cản được.

Hai thuyền trưởng trở về Sài Gòn mang cho Nguyễn vương, cùng với nhiều chiến lợi phẩm là tin tức về cái chết của Nguyễn Huệ, xảy ra vào tháng 7¹⁷¹ trước đó.

Cái chết ấy gây một ảnh hưởng to lớn trên những sự kiện tiếp theo, vì con trai của Nguyễn Huệ là Cảnh Thịnh¹⁷² hãy còn rất trẻ, không đủ nghị lực cũng như trí tuệ để bảo toàn ảnh hưởng

của vua cha đối với nhà Tây Sơn. Nhà vua trẻ không chậm trễ mở cuộc đấu tranh công khai với bác ruột của mình và đuổi Nguyễn Nhạc ra khỏi lãnh thổ của ông¹⁷³.

Những sự kiện ấy đã khuyến khích Nguyễn Ánh theo đuổi thắng lợi của mình. Năm tiếp theo, Nguyễn vương long trọng chỉ định con trai mình làm người kế vị¹⁷⁴, giao trấn giữ Gia Định, chịu dưới quyền chăm sóc tinh thần của Giám mục Adran đồng thời lệnh cho hoàng tử phải vâng lời giám mục như vâng lời phụ thân. Sau đó, tập trung mọi chiến thuyền, Nguyễn vương dong buồm ra Qui Nhơn trong khi hoàng thân Hội¹⁷⁵, người anh em họ của vương cùng tướng Võ Tánh và Nguyễn Văn Trương¹⁷⁶ theo đường bộ tiến chiếm Diên Khánh. Thành này đầu hàng ngay lập tức.

Nguyễn vương tiến vào hải cảng Qui Nhơn, nơi đây hệ thống phòng thủ hãy còn ngổn ngang vì cuộc tấn công của Dayot năm trước, chưa kịp tổ chức lại. Vương đẩy lùi quân địch về chiến lũy, trong khi ấy hoàng thân Hội đang tiến về Phú Yên, thỉnh linh gặp quân của Nguyễn Nhạc chạy đến chặn lại. Nguyễn Ánh hay tin vội vàng kết hợp với bộ binh, phá tan hàng ngũ đối thủ lâu đời, buộc Nhạc phải rút về cố thủ trong thành Qui Nhơn. Hoàng thân Hội vây thành chặt chẽ, nhưng cuộc vây hãm kéo dài vì lỗi của Nguyễn Ánh khi cho rằng thành sẽ đầu hàng mà không kháng cự. Vương không nghe lời những người Âu đi cùng, để cho Nhạc có thời gian hòa giải với cháu mình, nhờ đó Nhạc có viện binh ba mươi ngàn người. Nguyễn Ánh kinh sợ khi thấy đạo quân ấy, phải bỏ vây thành và vội vàng rút về Nam bộ.

Được giải vây, Nguyễn Nhạc tìm cách tránh thoát lực lượng đồng minh mà mình có lý do để cho rằng có ý đồ đáng ngờ. Nhạc cố đẩy lực lượng ấy ra xa, không cho vào trong thành. Nhưng các tướng lĩnh của Cảnh Thịnh tuyên bố sẽ tấn công thành nếu các cửa không mở. Nhạc đành chịu nhịn, mời các quan hàng đầu vào trong thành, tuyên bố từ bỏ quyền lực, quyết định sống như một thường dân.

Như thế Cảnh Thịnh, cháu của Nguyễn Nhạc, trở thành chủ nhân của Bắc Hà và cả miền Trung.

Vài tháng sau Nhạc chết một cách bí hiểm, không trao lại cho con trai là Nguyễn Bảo¹⁷⁷ những thành quả một đời phiêu lưu của mình (ngày 13 tháng 12 năm 1793).

Nhận thấy nỗ lực của địch càng lúc càng trở nên khẩn trương hơn và quân đội của Cảnh Thịnh đang tiến gần tới Nha Trang, Nguyễn Ánh bèn củng cố nhân lực và đạn dược cho những đơn vị phòng vệ dưới sự chỉ huy của Hoàng tử Cảnh, người vừa mới được bổ nhiệm trấn thủ thành Diên Khánh. Lúc quân Tây Sơn đến thì thấy thành đã sẵn sàng chống trả mọi cuộc tấn công. Tuy nhiên, người trong thành không phải không run sợ khi thấy bốn mươi ngàn quân Tây Sơn sẵn sàng xung trận, với ba trăm thuyền buồm đảm bảo lương thực tiếp tế. Tướng Nguyễn-Duyên giả nghi binh đánh lạc hướng địch nhưng không thành công. Sau đó, quân bị bao vây phải ẩn nấp trong các chiến hào. Giám mục Adran có mặt trong thành bị tấn công và động viên tinh thần các tướng sĩ. Ông là linh hồn của cuộc kháng chiến, điều khiển các công tác phòng thủ, bất chấp nguy hiểm vực dậy lòng tin cậy, đặt bày những mưu mẹo khiến địch hoang mang, làm thất bại các thủ đoạn của chúng và tổ chức một cuộc đột phá vòng vây mãnh liệt làm vô hiệu hóa mọi nỗ lực của kẻ thù.

Cha Lavoué, chứng nhân khách quan và bắt buộc của cuộc phiêu lưu quân sự này, còn giữ được từ cuộc náo động chiến tranh vây quanh mình một kỷ niệm tuyệt vời:

“Ba tháng sau khi Hoàng tử Cảnh đến Nha Trang thì quân địch xuất hiện. Tất cả mọi người đều phải cố thủ trong thành vừa mới được vôi vữa gia cố. Chắc chắn rằng nếu Đức cha (Giám mục Adran) không ở đó thì quân địch đã chiếm thành trong nháy mắt, bởi lẽ bảy ngàn binh tướng trong thành rất lo sợ khi thấy trước mặt một đạo quân thiện chiến bốn mươi ngàn người. Đạo quân này vây hãm thành mà ta không cách gì chống lại. Họ ném vào thành một số lượng hỏa cầu nhưng không gây thiệt hại gì cả, đại bác của họ cũng không gây nhiều thiệt hại. Mọi người đều hướng mắt nhìn về Đức cha và yên lòng khi thấy sự bình thản và yên ổn trên nét mặt của ông: ‘Đức thầy không lo sợ gì cả,

thì có gì chúng ta lại lo sợ? - họ nói với nhau như vậy'. Những lời khuyên khôn ngoan và thận trọng của Đức Giám mục, và những mệnh lệnh ban ra đúng lúc làm bối rối quân Tây Sơn đến nỗi hai mươi ngày sau họ buộc phải bỏ cuộc vây hãm và tui ngửu rút lui”.

Ngày 12 tháng 7 năm 1796, cha Labousse kể rằng bên trên tường thành, quân phòng thủ đã bố trí một số “đại bác bằng gỗ sơn rất giống thật” mà Giám mục Adran đã cho đặt ở đó để dọa quân địch. Cũng có một số đại bác thật, nhưng không được dùng, theo lời khuyên của giám mục. Tóm lại, theo ý kiến của những nhân chứng Tây phương, cuộc bao vây thành Diên Khánh là một tác chiến quan trọng trong thời kỳ ấy. Nó cảnh báo Nguyễn Ánh và đe dọa chặn đứng mọi thành công mà các sĩ quan Pháp vừa mới bắt đầu sự phát triển. Nhưng thực ra, đó chỉ là một cuộc pháo kích đơn giản, không gây nhiều hậu quả nghiêm trọng và hành động của binh sĩ là tập trung thực hiện một cuộc xuất kích vào ngày 21 tháng 5, kéo theo sự rút quân của phe công thành, và thực hiện một số mưu kế.

Năm 1799, Nguyễn Ánh trao quyền chỉ huy Nam bộ cho Hoàng tử Hy¹⁷⁸ rồi đem quân ra Qui Nhơn một lần nữa¹⁷⁹.

Quân đội chia làm ba đạo và sẽ tập trung lại dưới chân kinh thành cũ của hoàng đế Thái Đức. Cánh thứ nhất dưới quyền chỉ huy của tướng Thoại¹⁸⁰ đi theo đường núi nước Lào để tuyển người bổ sung quân số và tập trung voi mà đơn vị đang cần. Đạo thứ hai, do tướng Thành¹⁸¹ chỉ huy tiến quân theo đường chạy giữa biển và dãy hoành sơn đầu tiên của Trường Sơn [de la Chaîne annamitique], băng qua vùng đất vương quốc Chăm trước đây, trong khi ấy tướng Thái¹⁸² và Hoàng tử Cảnh đánh địch ở những điểm trung gian.

Tướng Thành sau khi đánh lấy chiến lũy Ân Mỹ [nguyên văn: fort de An-Mi], may mắn đến kịp gần Qui Nhơn. Nơi ấy Nguyễn Ánh cùng Võ Tánh theo đường biển đã đến và đang chờ Thành.

Hai tướng nhận lệnh hợp đồng tác chiến. Họ tấn công dữ dội đồn Tam Tháp [nguyên văn: Tam-Thap], nơi được xem như chìa

khóa cửa kinh thành, chiếm lấy căn cứ rồi đồn trú vững chắc nơi ấy. Quân Tây Sơn tìm cách chiếm lại vị trí ấy nhưng bị Lê Văn Duyệt tấn công từ đằng sau và bị nghiền nát tại Kỳ Đáo¹⁸³.

Nguyễn Ánh đặt bộ chỉ huy của mình trên một cao điểm trông xuống chiến trường Kỳ Đáo, ở phía tây nam vị trí đóng quân của Lê Văn Duyệt và tự tin rằng rất an toàn với cách bố trí ấy, không cần phải bọc quanh mình bằng những lực lượng bảo vệ quan trọng. Tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu¹⁸⁴ muốn khai thác sai lầm ấy để buộc vương phải bỏ vị trí. Khi đêm xuống, quân Tây Sơn trườn mình tiến theo những đường rãnh sườn đồi thì bỗng có một con nai bị xua khỏi chỗ núp hoảng hồn nhảy vọt ra khỏi mấy bụi rậm. Những binh sĩ đi đầu muốn làm yên lòng đồng đội, kêu lên: “Nai! Nai!” Nhưng những người đi sau nghe nhầm là “Đồng Nai”, tên dùng để gọi quân của Nguyễn Ánh. Cho rằng đã mất yếu tố bất ngờ, họ bỏ chạy tán loạn và bị quân của Nguyễn vương, nhờ sự náo động báo động, rượt đuổi.

Ngày hôm sau, thành đầu hàng. Nguyễn vương giao việc trông coi cho tướng Võ Tánh. Võ Tánh cô lập hoàn toàn vị trí này đối với thành Qui Nhơn lúc ấy vẫn còn trong tay địch.

*

* *

Chính trong giai đoạn bao vây này thì Giám mục Adran qua đời, mòn mỏi vì thời tiết và những mệt mỏi của một thiên chức đặc biệt đầy sóng gió, vào lúc ông sắp trao cho Nguyễn Ánh vương quyền của một vương quốc Á châu, bị chia rẽ, mất thăng bằng bởi hai mươi lăm năm nội chiến và hỗn loạn.

Pigneau de Béhaine đã từng mơ về một tình hữu nghị Pháp - An Nam, có thể mang lại cho người Pháp một đền bù cho việc mất mát ở Ấn Độ. Thỏa ước mà giám mục khiến cho Louis XVI ký, chứa đựng cả một bài học; nó tránh cho chúng ta những hy sinh và những do dự bởi sự bành trướng của chúng ta ở châu Á xảy ra một cách bột phát, thiếu tinh thần liên tục, không có trước một kế hoạch chín muồi. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng

nếu những quan niệm của Pigneau de Béhaine không được các bộ trưởng, mà hiểu biết về kinh tế làm họ không thể thực hiện kế hoạch của giám mục, nghe theo, cũng chính bởi vì nước Pháp bị thương tổn sâu xa nhất ở Âu châu, không cảm thấy bị thu hút vào những cuộc chinh phục xa xôi, với tâm trạng chấp nhận cuộc thử thách, chỉ khi nếu tại châu Âu vị trí của nước Pháp vượt trội và bất khả chiến bại và nếu nước Pháp không phải tập trung sức lực và nhân sự cho một cuộc bảo vệ tuyệt vọng lãnh thổ của mình.

Về sau, những nhân vật cầm quyền nước Pháp nhận thấy không thể thúc đẩy các lực lượng quốc gia hướng về một cuộc bành trướng thuộc địa chu đáo và liên tục. Trong ý thức của họ, trong những kinh nghiệm của nhà ngoại giao và nhà kinh tế, họ đã tiên cảm về sự cần thiết của chính sách này. Ngay cả có lúc họ nhận ra một cách rõ ràng những lý do [để thực hiện chính sách đó], nhưng họ không thể truyền đạt tầm nhìn xa ấy cho dân chúng vốn chỉ thấy lợi ích của mình dưới một góc hẹp và tức thời.

Dù gì đi nữa, hành động cá nhân của Giám mục Adran phải được nhìn như nguyên nhân ban đầu của việc can thiệp quân sự của chúng ta vào Đông Dương. Quả tình, chính điều khoản của thỏa ước năm 1787 nhường tất cả tài sản vịnh Tourane cho nước Pháp, cũng như hàng loạt những khủng bố đàn áp các giáo sĩ thừa sai dưới thời vua Tự Đức, trở thành cái cớ cho Chính phủ Pháp can thiệp vào nội tình nước An Nam.

Sự qua đời của Giám mục Adran đã gây xúc động mãnh liệt cho Nguyễn vương, vẫn là người yêu mến người bạn đồng hành lâu năm thời khốn khổ của mình, mặc dầu trong suốt cuộc sống, vương đã vây quanh mối quan hệ với giám mục bằng sự lập lờ nước đôi. Vương không giấu diếm rằng đã mang ơn Pigneau de Béhaine về ngai vàng và kể cả sự sống của mình. Vì thế vương đặc biệt tôn kính tưởng nhớ người đã khuất, tự bản thân cùng với gia đình đến viếng mộ phần của nhân vật mà

người An Nam đến mãi hôm nay vẫn xem như người bạn lớn của dòng giống mình.

“Đức cha Pigneau de Béhaine là người bạn và là người hướng dẫn vua Gia Long¹⁸⁵ đến sự thịnh vượng, sau khi yểm trợ và nâng đỡ vua từ cảnh bất hạnh, qua đời ngày 9 tháng 10 năm 1799”. **Cha Lefebvre đã viết như thế.** “Thi hài của Đức cha được ướp hương theo lệnh của Nguyễn vương, được đưa về Sài Gòn và giữ gìn trong một quan tài tuyệt đẹp trong hai tháng. Vào ngày định trước cho việc lễ tang, người ta thấy đám đông những tín đồ Thiên Chúa cũng như những người quý mến Đức cha đi theo đám tang cùng với các quan mặc lễ phục. Mọi người đều tỏ ra đau đớn và thành kính tưởng niệm. Nguyễn vương đã yêu cầu người ta làm cho Giám mục Adran mọi điều đạo Thiên Chúa cho phép và ra lệnh cấp cho các vị thừa sai mọi thứ mà họ có thể cần. Bản thân Nguyễn vương cũng đến dự lễ tang cùng với các tướng sĩ từ nhiều đơn vị khác nhau. Điều kỳ lạ là mẹ vương và em gái vương cũng đi theo đến tận mộ giám mục. Vệ binh của vương gồm mười hai ngàn người mang vũ khí đi hộ tống. Hơn một trăm voi cùng với lính đi kèm dẫn đầu và đoàn hậu đoàn đưa tang do chính hoàng thái tử chỉ huy theo lệnh của phụ vương. Pháo dã chiến được kéo theo đoàn đưa tang từ một giờ sáng đến chín giờ sáng. Tám mươi người được chọn để vác quan tài đặt trong một cỗ kiệu tuyệt đẹp. Trong buổi đưa tang có chừng năm mươi ngàn người, không kể những kẻ chỉ đứng quan sát, đi theo dọc hai bên đường kéo dài đến nửa dặm.

Bắt chước những người Thiên Chúa giáo, vương ném một ít đất vào huyết mộ và nói những lời vĩnh biệt cuối cùng vừa khóc vừa nức nở.

Để tuân theo ý nguyện cuối cùng của Giám mục Adran, vương cho chôn cất giám mục ở một khu đất nhỏ mà giám mục sở hữu gần thành Sài Gòn và cho dựng một đài tưởng niệm do một họa sĩ Pháp vẽ và coi sóc công trình. Trong suốt nhiều năm, một đội

lính danh dự liên tục canh gác khu vườn và ở Nam bộ kẻ nào muốn chơi đùa hay cư ngụ nơi ấy được cho là kẻ làm uế tạp chốn linh thiêng”.

Lý do quan trọng dẫn dắt Giám mục Adran, mục đích chi phối mọi nhận thức chính trị của ông và kết hợp chúng lại với nhau, chính là chuyện cải đạo của người An Nam, thông qua chuyện cải đạo của Hoàng tử [Cảnh] mà giám mục phục vụ. Lòng đầy kỳ vọng, giám mục đã thất vọng vì cách cư xử nước đôi của Nguyễn Ánh, vừa phải là người dàn xếp khéo léo tính nhạy cảm tự ái của một số quan lại và của một phần dân chúng, cố sức xoa dịu sự sợ sệt của một số người này lại vừa phải duy trì nhiệt tình của những người khác mà vương cần.

Không sẵn lòng từ bỏ phong tục thờ cúng tổ tiên, vương [nguyên văn: prince] làm ra vẻ như không thấy trở ngại nào cho việc cải đạo của mình ngoài những lời lẽ trong sắc chỉ của Giáo hoàng Benoit XIV. Một cách có dụng ý, vương bày tỏ sự ủng hộ đối với đạo thờ cúng tổ tiên.

“Mong rằng tập quán này có thể dung hòa với đạo Thiên Chúa”, **vương nói như thế**, “vì theo cách tôi thấy, không có những lý do thực sự có thể ngăn cản cả vương quốc chúng tôi trở thành tín đồ Thiên Chúa. Tôi đã cấm môn ma thuật và chiêm tinh mang tính phán xét, tôi xem việc thờ cúng thần thánh là sai lầm và mê tín, và nếu tôi còn chịu đựng các sư sãi, là vì tôi không muốn làm dân tôi bức tức. Chuyện một vợ một chồng cũng không phải là nguyên tắc mà chúng tôi phải khổ công thuyết phục lấy chính mình. Nhưng tôi thiết tha việc thờ cúng ông bà và theo cách tôi đã trình bày với Thầy, đối với tôi, việc ấy không có gì là kỳ cục. Điều này là căn bản của nền giáo dục của chúng tôi. Nó tạo nên cho các bậc phụ mẫu chúng tôi một uy quyền để cai trị gia đình được nề nếp. Thờ cúng tổ tiên đã trở nên phổ biến, lan rộng và ăn sâu. Tuy thế, tôi cũng mong ước như Thầy rằng điều này phải được thiết lập trên sự thật và ta phải tránh xa mọi

sai lầm. Vậy nên, nếu tôi tuyên bố những tình cảm nói trên cho dân chúng, và làm cho họ hiểu rằng lễ nghi chỉ được thực hiện dưới góc độ thuần túy dân sự, rằng nếu họ tin là vì mục đích khác thì đó là sai lầm của họ... cách làm đó sẽ miễn thứ cho tín đồ Thiên Chúa và cho phép họ tuân theo tập quán thờ cúng tổ tiên chẳng? Tôi cũng chấp nhận thay đổi các loại lễ nghi mà Thầy cho là mê tín, nhưng nếu tôi gạt bỏ đi tất cả, tôi sẽ làm tăng thêm mối nghi ngờ của dân chúng đối với cách suy nghĩ của tôi và có thể rằng, nếu họ tin tôi đã thay đổi tôn giáo thì họ rồi sẽ rất ít gắn bó với tôi. Tôi xin Thầy vui lòng để ý đến chuyện này và cho phép các tín đồ Thiên Chúa xích lại gần hơn chút nữa với phần còn lại của thần dân tôi. Lối cư xử ấy rất đáng mong ước trong đám dân thường, và trở nên cần thiết giữa những người đang giữ những chức vụ quan trọng trong quốc gia.

Quả tình, Thầy hiểu rằng ở những giai đoạn khác nhau, trong suốt trọn năm, nghi thức của triều đình quy định nhiều lễ lược và bản thân tôi bắt buộc phải có mặt ở đấy với tất cả tướng sĩ đi theo. Nếu phần lớn các tướng trong số họ theo đạo Thiên Chúa, thì trong những trường hợp ấy, không thể làm giống như họ, tôi sẽ bị bắt buộc thực hiện các nghi lễ ấy gần như chỉ một mình, và như thế tôi làm giảm giá sự uy nghiêm của ngôi vua. Nếu ngược lại Thầy có thể, kết hợp với tôi, trình bày cho thần dân tôi hiểu, điều mà tất cả những ai có suy nghĩ cũng đã tin tưởng, những tướng sĩ Thiên Chúa giáo cũng có thể đi theo tôi và cũng thờ cúng tổ tiên như những người khác, thì sẽ không có lý do gì mà gạt họ ra khỏi những địa vị hàng đầu của quốc gia”.

Cuộc cải vã cũ rích về các nghi lễ, mà nửa thế kỷ trước La Mã đã điều chỉnh một cách vụng về, đã được vương khéo léo khai thác để chống lại những luận chứng nôn nóng của giám mục, bằng ý muốn luôn luôn gắn bó vào một nguyên lý xã hội và tôn giáo mà ông cho là căn bản. Vương hé lộ ước ao sự xích lại gần

các thần dân Thiên Chúa giáo với thần dân ngoại đạo, mà bản thân ông không chọn một bên nào.

Vì vậy, ông Boisserand lấy lại quan niệm xưa cũ của các giáo sĩ dòng Tên, quyết định dùng một giải pháp trung gian, đó là giữ lại hình thức thờ cúng tổ tiên đồng thời loại trừ khỏi nghi lễ ấy mọi ý nghĩa tôn giáo. Ông viện dẫn những thực tế thần học và những lễ nghi đã xảy ra ngay ở Versailles, vào lúc nhà vua qua đời, trong nhiều ngày liên tục, người ta vẫn dọn cho nhà vua những bữa ăn như thể nhà vua còn sống.

Giám mục Adran đã chấp nhận sự dàn xếp ấy. Ông nhiều lần viết thư cho các giám đốc của Chứng viện ở Paris để trình bày một cách khoáng đạt và mới mẻ quan niệm của ông về vấn đề trên, thậm chí ông còn muốn thiết lập một nghi thức tế lễ kiểu Trung Hoa dành cho các dân tộc châu Á.

Cái chết đến bất ngờ khi giám mục đang suy tư, vào lúc mà sự cải đạo bí mật của hoàng thái tử mở ra tương lai của những niềm hy vọng đầy khích lệ.

Chương IV

- Người Pháp ra đi
- Thủy chiến tại Qui Nhơn
- Cái chết của Hoàng tử Cảnh
- Đánh chiếm thành Huế
- Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế
- Quân Nguyễn lấy lại thành Qui Nhơn
- Mặt trận ở xứ Đàng Ngoài
- Công trình hành chính của vua Gia Long
- Chính sách đối ngoại của vua Gia Long
- Chính sách thuộc địa của quận công Richelieu
- Sứ mệnh của ông Kergariou
- Sứ mệnh của Chaigneau
- Cái chết của vua Gia Long

Sự qua đời của Pigneau de Béhaine đã làm những người Pháp đi theo giám mục đến Đàng Trong cực kỳ buồn khổ. Họ mất đi ở giám mục, không chỉ một người bạn đáng kính mà còn một người thủ lĩnh nghị lực có uy tín to lớn đủ sức bảo vệ họ chống lại mối căm hận âm thầm của các võ tướng, ghen tị với họ vì họ có được sự tín nhiệm của Nguyễn vương và vì vị thế ưu đãi mà họ đạt được.

Nhiều người trong bọn họ đã từ lâu mong muốn về lại nước Pháp, nhưng vì tình cảm gắn bó với Pigneau de Béhaine níu giữ họ lại phục vụ cho Nguyễn Ánh, giờ đây lại nôn nóng khẩn khoản vương cho nghỉ ngơi và được vương chấp thuận với nhiều luyến tiếc.

Những người còn ở lại thì được vô số ân sủng, và chừng nào vua Gia Long¹⁸⁶ còn sống thì chừng đó họ vẫn được trân trọng xem như những chiến hữu lão thành mà với họ không yêu cầu nào lại bị từ chối.

Trước di hài người bạn quá cố lừng lẫy, vương thể hiện một sự tôn trọng gần như tình phụ tử, khác xa với những điều lệ của nghi thức hoàng gia, quả tình Nguyễn Ánh đã nghe theo những

tình cảm chân thật, nhưng vương cũng muốn xác định với thần dân sự quý trọng ở mức độ nào đối với nhóm người Pháp mà vương còn nợ họ một phần lớn công sức đối với cuộc phục hưng của mình. Vương làm tròn nhiệm vụ thành kính, vừa tính toán với hy vọng thu phục những người tận tụy trước đây thường vây quanh người quá cố.

Nhưng bỗng dưng nhiều người Pháp cảm thấy nhớ quê hương, và ít người trong bọn họ đáp ứng nguyện vọng của Nguyễn Ánh, vương buồn bã chứng kiến sự ra đi của những người tổ chức quan trọng của quân đội mình, ngay chính vào lúc sự có mặt của họ là cực kỳ cần thiết.

Quả thật quân Tây Sơn, vốn thoái chí nản lòng vì mất thành, nay cực kỳ hoan hỉ khi biết tin giám mục đã qua đời và Nguyễn Ánh thì rối ren lúng túng. Lúc ấy, Cảnh Thịnh nghĩ đến chuyện bỏ kinh thành [Qui Nhơn] cho Võ Tánh và tiến công về Gia Định. Nguyễn Ánh, trước nguy hiểm đe dọa tiêu diệt mọi cố gắng của mình thêm một lần nữa, không chịu để các vị trí của mình lại bị tấn công. Vương vội vàng tập trung quân và cấp tốc tiến quân về Qui Nhơn và chặn đứng đối phương trước khi chúng kịp xung trận.

Trong lúc ấy, đội quân bộ của tướng Thành lần lượt hạ các vị trí phòng thủ Qui Nhơn và kết nối được với Võ Tánh vẫn còn bị vây trong thành, hạm đội của Nguyễn Ánh xuất hiện trước cửa đầm¹⁸⁷ ngày 1 tháng 3 năm 1801.

Lối vào đầm có nhiều dàn pháo mạnh mẽ án ngữ với tầm bắn đủ ngăn chặn mọi cuộc tấn công của các đại chiến hạm Đàng Trong, đồng thời bảo vệ đầm phá, nơi đang ẩn náu những tốp binh lính thiện chiến nhất có thể chống lại một cuộc đổ bộ bất ngờ.

Quân Tây Sơn không quên cuộc tập kích năm 1791, vì thế, bắt chước theo chiến thuật của Dayot, họ đã neo lại ba chiến thuyền lớn nhất để hỗ trợ mạnh mẽ hoạt động của pháo binh trên đất liền.

Trước những bố trí như thế, Nguyễn Ánh từ bỏ ý định tổng tấn công với tất cả lực lượng, vương chỉ mang theo mình hai mươi sáu thuyền chiến và chừng một trăm sà-lúp chở bốn ngàn người cùng tiến tới trước mặt quân địch. Họ đến trước bến tàu vào ban đêm, cho thuyền nhỏ chở quân đổ bộ xuống ở góc tứ giác của pháo binh địch [vùng ngoài tầm bắn], trong khi ấy các thuyền chiến, nhờ bóng đêm càng lúc càng dày đặc và nhờ gió biển thổi vào, lặng lẽ tiến đến gần các chiến hạm neo đậu trong vịnh để tấn công rồi đốt cháy.

Lối vào như thế trở nên thông thoáng, toàn bộ hạm đội của vương tiến vào trong đầm nơi mà quân Tây Sơn, vất vả vì gió ngược, tranh nhau trên những mảnh thuyền vỡ, quáng mắt vì những đám cháy, tìm cách kháng cự một cách tuyệt vọng, trong một cơn rối loạn lại càng gia tăng bởi cách bắn thiếu kiểm soát của chính pháo binh của mình. Trận chiến khốc liệt khắp mọi nơi, kẻ địch trên tàu vẫn còn hăng hái chống cự bằng pháo binh mãi cho đến tận khi hỏa hoạn bắt mỗi đến thuốc súng, toàn hạm đội biến mất trong một cơn thiêu rụi hoàn toàn.

Những thiệt hại về phía Nguyễn Ánh là to lớn, nhưng thiệt hại phía quân Tây Sơn thì đau đớn hơn rất nhiều, không thể so sánh nổi. Hơn hai mươi ngàn quân của vua Cảnh Thịnh mất trong trận này, toàn bộ hạm đội, sáu ngàn đại bác và vô số khí giới khác, vàng và đá quý chất trên các chiến hạm. Chaigneau, người đã đóng góp to lớn vào chiến công rực rỡ này, kể lại sự việc như sau:



Jean Baptiste Chaigneau (1769-1832)



Ngôi nhà của J.B. Chaigneau ở Huế

“Chúng tôi vừa đốt cháy toàn bộ hạm đội địch, không sót một chiếc thuyền nhỏ nào. Đây là trận chiến đẫm máu nhất mà quân Đàng Trong chưa hề gặp trước đây. Địch quân kháng cự tới chết và quân ta thì chiến đấu phi thường. Chúng tôi có quá nhiều thương vong, nhưng điều này chẳng là gì so với những thắng lợi mà vương đạt được. Các ông Vannier, Forsans và tôi đã có mặt ở đó và trở về toàn vẹn. Trước đây, tôi đã xem thường khi thấy hạm đội địch, nhưng tôi khẳng định là tôi đã sai lầm. Quân địch có những chiến hạm trang bị từ năm mươi tới sáu mươi đại bác cỡ lớn.

Quân Tây Sơn hẳn là rất bối rối, nhiều người muốn đầu hàng, nhưng họ bị từ chối. Vương cho phép họ trở về sống bình yên ở quê nhà và không được tham dự vào chiến tranh nữa.

Năm nay, chúng tôi không trở về Sài Gòn vì nhà vua đưa các chiến hạm đi thu thóc cho mình”.

Hạm đội Tây Sơn bị tiêu diệt vài ngày trước khi thành Qui Nhơn bị chiếm¹⁸⁸, đó là nơi vinh danh các đại tướng Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt.

Cuộc chiến thắng lớn lao này bị giảm sút vì cái chết của Hoàng tử Cảnh, xảy ra vào ngày 20 tháng 3 năm 1801¹⁸⁹. Barizy, người báo tin cho Đức cha Letondal về cái chết ấy đã nhận thức sáng suốt những hậu quả của sự mất mát này. Hoàng thái tử vốn được Giám mục Adran dạy dỗ, có những phẩm chất có thể miễn chấp các sai phạm và khuyết điểm của mình. Hoàng tử yêu mến những người Pháp và coi họ là những vị cứu tinh của gia tộc mình. Ít được học hành hơn em trai là Hoàng tử Đảm¹⁹⁰, nhưng nhạy cảm hơn em mình, hoàng tử luôn theo đuổi mục đích hòa giải giữa sự cần thiết của một tôn giáo mang tính quốc gia với sự ích lợi trong việc ủng hộ công trình hợp nhất của Hội Thừa sai.

Nếu nổi ngôi được, Hoàng tử Cảnh chắc chắn sẽ không cai trị đất nước mình với quyền lực và sự thông minh của vua Minh Mạng, nhưng chính sách của hoàng tử sẽ làm cho tương lai An Nam và các mối liên minh mà hoàng tử trù liệu bảo đảm được sự toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc mình.

Cái chết của hoàng tử không kéo theo một thay đổi rõ rệt nào về tình cảnh của những người Âu châu còn cư trú trong vương quốc. Những tình cảm của Nguyễn vương luôn luôn nồng nàn đối với những chiến hữu cùng phiêu lưu của mình. Nhưng ngay cả lòng nhân từ đó và sự an toàn của nó đều lệ thuộc vào đời sống của một con người mà chiến tranh, những bất hạnh và sự quá lạm đã làm hao mòn sớm trước tuổi. [Nguyễn Phúc] Đảm được phong hoàng thái tử bất chấp hậu duệ của anh cả mình¹⁹¹, công khai quy tụ quanh mình những vị quan hiềm thù nhất với đạo Thiên Chúa và với những quan niệm của Hoàng tử Cảnh. Hoàng tử Đảm bày tỏ rộng rãi ý định gửi trả về nước những giáo sĩ ngoại quốc, đóng các hải cảng, ngưng thương mại với người Âu châu, xây dựng An Nam thành một cường quốc đặc biệt ở Á châu, đối lập với mọi ảnh hưởng Tây phương, phục hồi lại trong đất nước chủ nghĩa thuần túy hài hòa với những điển lệ Khổng giáo.

Nguyễn Ánh dường như đã không chống đối quan điểm khắt khe nghiêm ngặt của thái tử. Người ta còn dám nghĩ là vương đã bí mật khuyến khích một quan điểm chính trị mới mà những cam kết và lòng biết ơn thật sự với những người Pháp ngăn cản vương tự thân theo đuổi. Mặt khác, chiến tranh chưa kết thúc, quân Tây Sơn vẫn còn chiếm đất Phú Xuân, kinh đô của Đàng Trong. Nguyễn Ánh vẫn chỉ là chúa của vùng Nam bộ chừng nào ông chưa ra chiếm được kinh thành thiên liêng kia. Như thế, mục đích vẫn chưa đạt được và để đạt được điều ấy, vương cần phối hợp mọi lực lượng mà vương có thể có được. Thế nên, vì lý do chính trị, cũng như bị thúc đẩy bởi những tình cảm cá nhân nên vương vẫn nỗ lực đối xử khéo léo với những bạn đồng hành cũ của Pigneau de Béhaine.

*

* *

Hạm đội Tây Sơn đã bị tiêu diệt, nhưng Võ Tánh, từ hai năm nay vẫn bị vây trong thành Qui Nhơn đã kiệt sức kháng cự, quân đồn trú đã rã rời, thiếu lương thực và đạn dược, không còn sức chống lại một cuộc tấn công dũng mãnh. Nguyễn Ánh do dự việc giải vây thành vì tướng Thành vừa mới chiếm Tourane trong khi đó, tướng Lê Văn Duyệt vẫn tiếp tục tiến quân và quan sát quân đội của vua Cảnh Thịnh. Đây là cơ hội duy nhất để tấn công thành Phú Xuân, với điều kiện không để địch quân có đủ thời gian bảo vệ thành trì trước khi quân của vương kịp đến nơi. Nhưng vương còn lo ngại để lại đằng sau mình một chiến lũy mà quân Tây Sơn sẽ chiếm cứ sau khi vương rời đi, như thế là cắt đường trở về trong trường hợp cần lui binh. Tuy vậy, vương vẫn nhẫn nại, ra lệnh cho Võ Tánh ban đêm bỏ thành và đến hội quân với vương. Tướng Võ Tánh khuyên vương hãy để mình ở lại và cứ tiến quân thẳng ra Phú Xuân, trong lúc phần lớn quân địch phải còn ở lại đây để vây thành, không thể ra để tiếp viện.



Nguyễn Ánh, do tình thế thúc đẩy, quyết định theo đuổi chiến dịch và phải hy sinh Võ Tánh. Vương phái tướng Nguyễn Văn Thành đến trấn giữ ở vùng đèo Hải Vân để phòng ngừa mọi bất ngờ và tập trung tại Tourane các đơn vị sẽ tham dự chiến dịch mới. Vương kỹ lưỡng tiếp tế cho hạm đội, ra lệnh cho tướng Nguyễn Công Thái dẫn mười ngàn quân tiến về Phú Xuân trong lúc chính vương nhổ neo lên đường cùng hạm đội.

Ngày 11 tháng 6 năm 1801, vương thả neo ở cửa biển dẫn vào sông Hương, trong khi đó quân của tướng Thái đã đến dưới chân thành.

Tất cả mọi chiến hạm và ba mươi pháo thuyền lập thành một hạm đội có nhiệm vụ khóa chặt lối đi nằm ở phía tây của đầm [Cầu Hai], phần còn lại của hạm đội chỉ gồm những thuyền nhỏ thì trấn giữ trước Cửa Ông¹⁹².

Sáng ngày 12, các chiến thuyền trong tư thế chiến đấu vượt lối vào của ông và lập tức chịu đựng hỏa lực của các công sự trên bộ, các chiến thuyền vẫn tiến lên mặc dầu có sự rối loạn do đại bác địch dội trên hàng quân, nhưng rồi mắc cạn vào những bãi cát ngầm, phơi mình trước pháo binh địch bắn ráo riết. Vương hoảng sợ, lệnh cho binh sĩ nhảy xuống nước để tập trung lại trên bờ trong lúc các chiến thuyền bị mắc cạn trả đũa cực lực bằng tất cả hỏa lực sẵn có. Các pháo thuyền được gấp rút gọi đến, vượt qua được rào cản, vào tận bên trong con sông và đổ bộ binh sĩ đằng sau công sự pháo đài đầu tiên nơi hỏa lực đang dồn dập lên nhóm thuyền mắc cạn.

Tướng Nguyễn Văn Trị, người chỉ huy bảo vệ chiến lũy Cửa Ông¹⁹³, ra bên ngoài công sự để tiêu diệt nhóm người mà chiến thuyền mới cho đổ bộ, bỗng bị tấn công từ phía sau bởi toán quân [do Lê Văn Duyệt chỉ huy] tăng cường đổ bộ từ các pháo thuyền, tướng Trị bị bắt và đưa đến trình diện Nguyễn vương.

Ngày 13, nhờ vào thủy triều lên, các chiến thuyền hết mắc cạn, tiến ngược dòng sông theo sau là đội chiến đấu với các

thuyền nhẹ. Quân địch tiến đến phía đội thuyền, giáp mặt mà không khai hỏa trước. Cuộc chiến đấu ngắn ngủi nhưng đầm máu. Quân Tây Sơn đột ngột ngưng chiến khi thấy trên nóc những pháo đài bị quân đổ bộ tấn công đã tung bay cờ hiệu của Nguyễn vương.

Đến chiều, vương ngược dòng đi lên với toàn bộ lực lượng, đến cập bến sông kế bên những cung điện của tổ tiên mình.

Dân chúng kinh hoàng quỳ phục chờ đợi quyết định của người chủ mới, với quân đội vây quanh trong sự im lặng thiêng liêng. Nguyễn vương xúc động sâu xa, trầm ngâm hồi lâu trước các cung điện nhà Nguyễn. Cuối cùng, sau khi gửi đến dân chúng đang bất động chờ đợi vài lời trấn an, vương ra lệnh cho các tướng trở lại thuyền và vương cũng thế, trong khi các đội bảo vệ ở lại trấn đóng trong các phố phường để bảo vệ dân chống bọn cướp bóc.

Sáng hôm sau, vương phái các đội tiền vệ tinh nhuệ nhất đuổi theo những kẻ đào tẩu với hy vọng bắt được vua Cảnh Thịnh. Nhưng nhà vua đã rút lui với hai ngàn chiến binh trung thành nhất và sáu mươi thớt voi, theo đường núi mà đạo quân chiến thắng không dám phiêu lưu rượt đuổi.

Binh tướng xứ Đàng Ngoài và hầu hết xứ Đàng Trong đã đi theo Nguyễn vương trong những ngày đen tối cũng như đẹp trời đều chờ đợi lúc vương trả lại ngai vàng cho hậu duệ nhà Lê mà nhân danh điều ấy, vương đã lôi kéo về dưới lá cờ của mình nhiều gia tộc lớn của vương quốc. Vương đã cho đồng đội mình thấy rằng cuộc chiến mà vương thực hiện chống lại Tây Sơn như là một sứ mạng thiêng liêng mà mục đích là tiêu diệt những kẻ nổi loạn để phục dựng lại sức mạnh của những chủ nhân chính thống của quốc gia.

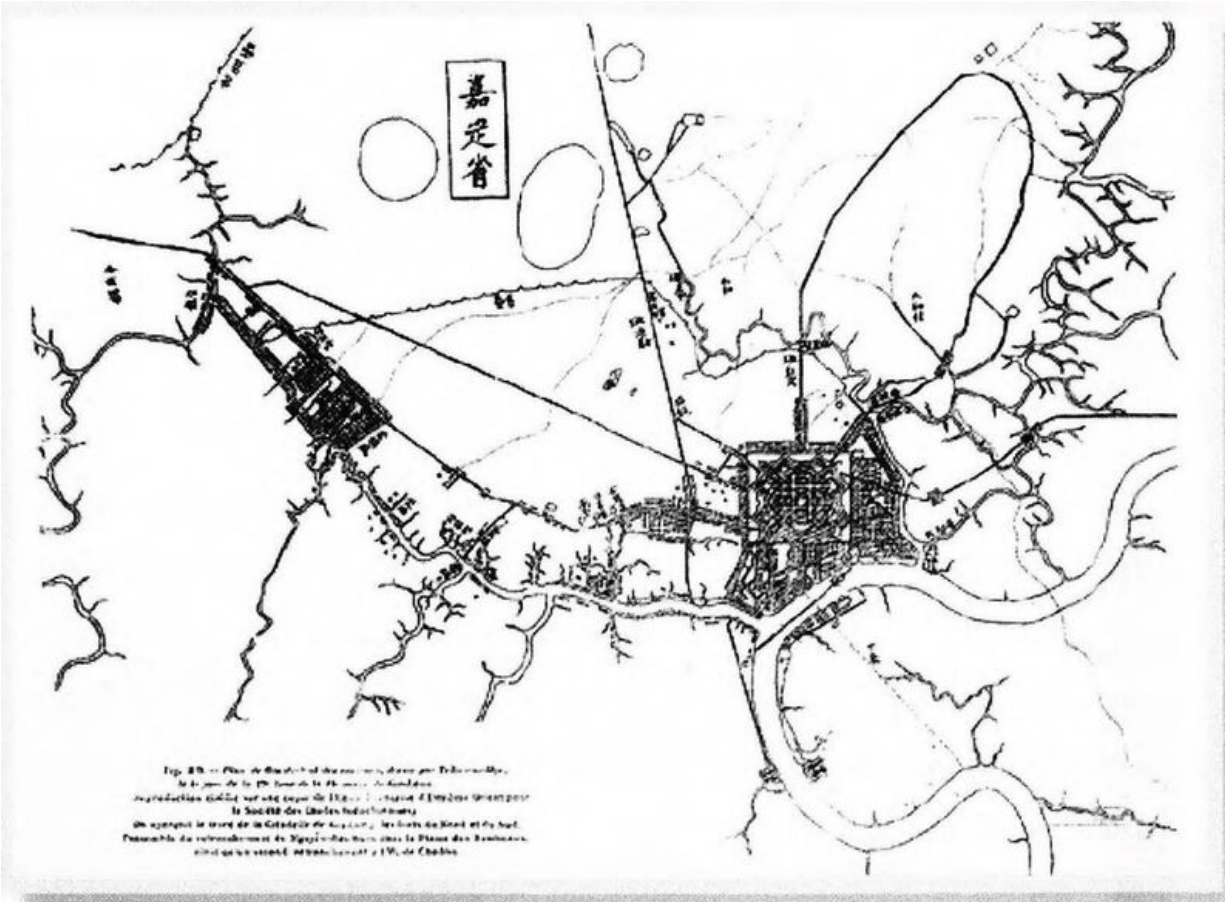
Tuy nhiên, khi sức kháng cự của đối phương càng lúc càng yếu, thì tham vọng của vương từ bấy lâu chỉ giới hạn ở mức nắm lại quyền sở hữu lãnh địa họ Nguyễn ở Đàng Trong, nay thúc đẩy vương trải rộng ra xa hơn sự chinh phục của mình vốn

phải khó nhọc mới có được nhờ vào sự thành công gian khổ của quân đội.

Việc chiếm thành Phú Xuân lẽ ra có thể chấm dứt được chiến tranh nếu vua Cảnh Thịnh chịu chấp nhận để mất kinh đô. Lúc ấy, một thỏa ước sẽ công nhận việc phân chia vương quốc, và người ta có thể nghĩ rằng hai đối thủ sẽ nhắc lại dòng họ Lê, để mà dưới uy quyền có tính danh nghĩa của dòng họ ấy, hai bên sẽ chia nhau quyền lực thật sự.

Nhưng Cảnh Thịnh, khi trở về miền Bắc, lại dấy quân để tiếp tục chiến tranh, buộc Nguyễn vương phải sẵn sàng chiến đấu. Bị lôi kéo bởi những sự kiện, vương thấy một điểm báo trước trong việc bó buộc phải tiếp tục cuộc chiến. Bởi lẽ Cảnh Thịnh không muốn quyết định hòa bình mà dân chúng hết lòng kêu gọi, vương dứt khoát chỉ dừng chiến tranh sau khi chiếm được thủ phủ xứ Đàng Ngoài, hang ổ cuối cùng của Tây Sơn, và phục hồi lại sự thống nhất vương quốc giúp cho riêng dòng họ mình có thể nối lại truyền thống bị gián đoạn trong một thế kỷ rưỡi trước đây vì tham vọng vô bờ của họ Trịnh.

Tháng 6 năm 1802, Nguyễn vương tự xưng hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long.



Bản đồ Gia Định năm 1815, dưới thời Gia Long, do Trần Văn Học vẽ.

*

* *

Gia Long là chủ nhân của xứ Đàng Trong và Nam bộ, đã chiếm lại được cung điện nhà Nguyễn, đã trả lại cho dòng họ tài sản của tổ tiên mình. Nhưng việc lên ngôi của nhà vua thay nhà Lê bị phần lớn thần dân mình xem như một cuộc tiếm vị làm mờ đi vẻ rực rỡ của vinh quang. Những người ấy đã từng tận lực phục vụ nhà vua, nay phát biểu mạnh mẽ sự bất bình của mình và những sự phân rẽ xảy ra chung quanh hoàng đế có tác động sâu xa đến dân chúng.

“... Một chủ đề khác của mối lo ngại - Cha Langlois đã viết như thế ngày 3 tháng 9 năm 1803 - là có vẻ như có ít sự đồng tình giữa các đại thần. Lại thêm, những người xứ Đàng Ngoài từ lâu mong mỏi sau khi chúa Đàng Trong ra đi và được giải phóng khỏi ách bạo quyền mà họ đã chịu đựng dưới sự cai trị của những kẻ nổi dậy, giờ đây tỏ ra không mấy

bằng lòng về vị vua mới bởi lẽ họ chờ đợi người này sẽ đưa lên ngai vàng ở xứ Đàng Ngoài một hoàng thân của dòng họ Lê xưa kia đã cai trị vương quốc và bị quân nổi dậy ở xứ Đàng Trong [Tây Sơn] đánh đuổi. Đây là điều mà nhà vua đã hứa hẹn và chính trong kỳ vọng ấy mà một số đông người Đàng Ngoài đã đi theo nhà vua, có người theo đã từ rất lâu, có kẻ từ ba hay bốn năm nay, và có người chỉ vừa mới đây. Trong tất cả các chỉ dụ nhà vua chứng nhận và các biên bản nhà vua thông qua, nhà vua không hề tự xưng là vua, mà làm mọi thủ tục ấy dưới danh nghĩa vua nhà Lê, niên hiệu Cảnh Hưng, dầu vua ấy đã qua đời từ lâu rồi. Nhà vua đã cư xử như vậy cho đến tháng 6 vừa qua là lúc nhà vua tự phong hoàng đế lấy niên hiệu Gia Long. Điều này làm nhiều người dân Đàng Ngoài bất bình và gây lo ngại rồi sẽ có cuộc nổi dậy nào đấy, nhất là khi nhà vua sẽ trở vào Đàng Trong và hẳn là vua sẽ thường xuyên ở đấy...”.

Những tâm trạng của đám quần thần và những xâm xì của dân chúng làm vua Gia Long rất lấy làm lo ngại. Nhà vua xoa dịu quân đội bằng tiền bạc, ban thưởng rộng rãi cho các quan, chấp thuận cho những kẻ nổi loạn được hưởng ân xá hoàn toàn, làm thỏa mãn dân chúng bằng cách miễn thuế và lao dịch, đồng thời phiên chế binh sĩ của Tây Sơn vào quân đội. Sau đấy nhà vua hướng về phía triều đình Bắc Kinh, gửi một sứ bộ với nhiều tặng phẩm, sang dâng biểu xin sắc phong¹⁹⁴. Hoàng đế Trung Hoa đón tiếp trọng thể các chức sắc của phái bộ, nhưng mãi đến hai năm sau mới chuẩn y khi vua Gia Long bắt đầu tổ chức lại hành chính của một đất nước rất thường xuyên và rất mau chóng bị đảo lộn vì những tranh cãi giữa các thủ lĩnh.

Tuy nhiên, nếu kể từ đây nhà vua yên lòng về sự trung thành của các vùng ở miền Trung, thì vẫn chưa phải là chủ nhân của xứ Đàng Ngoài mà ở đấy Cảnh Thịnh đang tổ chức lại quân đội. Mặt khác, Võ Tánh đã tuần tiết¹⁹⁵ sau khi trao cho quân dịch thành Qui Nhơn, làm cho Phú Xuân nằm giữa hai mối đe dọa từ phía bắc cũng như từ phía nam.

Thế nên vua Gia Long quyết định chấm dứt tình trạng ấy. Nhà vua phái Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt với một lực lượng tăng cường người Xiêm La đông tới năm ngàn người đến bao

vây lại thành Qui Nhơn đang được hai tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng trấn giữ. Tình hình của đội quân phòng thủ trở nên gay go. Đến lượt họ bị thiếu thốn mọi tiếp tế, và chẳng bao lâu cạn kiệt nguồn dự trữ, phải đang đêm bỏ thành rút đi. Đội quân bị bao vây gồm ba ngàn người đã rút được lên núi phía Lào mà không bị quân vua Gia Long đuổi kịp, theo ra Bắc gặp vua Cảnh Thịnh.

Vào tháng 7, hoàng đế rời Phú Xuân tiến quân ra Bắc. Ba đạo quân lần lượt tiến chiếm Nghệ An, Thanh Hóa, vượt đèo Tam Điệp dễ dàng, chiếm Ninh Bình, Cau-Châu (?), Nam Định và vào thành Thăng Long sau hai mươi bảy ngày kể từ lúc vượt biên giới phía bắc Đàng Trong.

Cảnh Thịnh, tự thấy không còn cách gì để kháng cự, chạy trốn lên vùng núi phía bắc cùng với các em, nhưng bị chặn lại và bị bắt giao nộp cho quân nhà vua. Người anh lớn tuổi nhất [Quang Thùy] trong số anh em, chỉ huy tiền quân của đội hộ tống Cảnh Thịnh, bị giết chết trong khi đánh nhau với dân miền núi phía bắc. Những người còn lại trong gia đình cũng như các trọng thần của Tây Sơn đều bị bắt trói giải về trước mặt nhà vua chiến thắng. Nhà vua phong Nguyễn Văn Thành làm Tổng trấn Bắc thành cai quản mười một trấn phía bắc.

Từ đây, vua Gia Long cai trị nước Việt Nam thống nhất.

Quả thật, đất nước bị tàn phá, dân chúng sống lầm than, nghe nhiều ta thán chứng tỏ âm ỉ một sự sủi soạn nổi dậy, những kẻ lưu vong trước kia thấy rằng sự yên ổn của mình chỉ có thể có được bằng cách vĩnh viễn dập tắt, hàng phục họ Lê và họ Trịnh, giam họ vào một kiếp sống tối tăm không lối thoát.

Nhiệm vụ của hoàng đế là rất nặng nề. Vương quốc điêu tàn, việc cai trị vô tổ chức, nhiều vùng miền trọn vẹn rơi vào trong hỗn loạn. Tất cả điều ấy đòi hỏi những cải tổ khẩn cấp mà hoàn cảnh và tình trạng tài chính gây ra những khó khăn để thực hiện.

Một số tác giả đã trình bày triều đại Gia Long như một giai đoạn trật tự ổn định và cần lao. Chính vì họ đã rút ra những định kiến ấy trong việc đọc biên niên sử được viết - có thể nói như thế - theo lệnh của triều đình Huế. Những tài liệu gần đây được công bố của cha [Léopold] Cadière, ngược lại, chứng minh cho chúng ta thấy rằng nhà vua bị ngập lụt đầu trong những sự kiện. Có vẻ như nhà vua đã hao mòn sức lực của mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ quân sự mà nhà vua đảm đương, sau đó còn phải gắng sức chịu đựng một tình trạng những sự vụ mà chỉ có thời gian mới mang lại sự lắng dịu thanh thản.

*

* *

Năm năm sau khi lên ngôi, trật tự chỉ mới được ổn định tương đối trong hành chính của vương quốc. Vua Gia Long đã hết sức tập trung mọi sức lực, mọi tài nguyên quốc gia, gạt qua một bên những viện cớ mà Trung Hoa tạo ra để từ chối lễ tấn phong. Nhưng dưới vẻ bề ngoài hợp nhất, gấn bó do các vùng miền cố tạo ra, sự hỗn loạn vẫn còn ngự trị, vẫn tồn tại bởi sự tái tổ chức quá vội vã thiếu chặt chẽ.

“Các tầng lớp dân chúng”, năm 1807 Chaigneau đã viết như thế, “sống rất lầm than. Nhà vua và các quan lại đã làm mất lòng dân theo cách gây phẫn nộ nhất. Công lý được tính bằng tiền. Người giàu có thể tấn công kẻ nghèo mà không bị trừng phạt bởi lẽ y chắc chắn rằng, với tiền bạc, công lý sẽ đứng về phía của y. Đến nỗi tôi nhìn vương quốc như một con bệnh đang chịu một cơn đau dữ dội, hoặc cơn đau sẽ giết chết con bệnh, hoặc làm thay đổi chứng bệnh...”.

Bản cáo trạng này có thể tỏ ra quá nghiêm khắc nếu nó không được ủng hộ bởi Đức cha Véren¹⁹⁶, người mà tính khách quan không hề phái và sự cẩn thận không thể gây sự hoài nghi. Mối liên lạc thư tín riêng tư giữa những người đương thời dưới triều hoàng đế Gia Long, được viết ngày này qua ngày khác mà không

lo ngại đến hậu quả, cho phép chúng ta tin rằng nhà vua, trước khi lo lắng xoa dịu những thảm họa do chiến tranh gây nên, đã từng xem tổ quốc mình như là một vùng đất bị chinh phục. Nhà vua đã nhầm lẫn, đem buộc trong cùng một cuộc trừng phạt mục đích của những kẻ thù và lý do của dân chúng bị các thủ lĩnh thúc đẩy vào những cuộc phiêu lưu tàn bạo. Nhà vua đã trao chính sự vào tay những kẻ bất xứng, gạt ra khỏi hệ thống hành chánh những dòng họ lớn có thể hỗ trợ quyền lực của mình bởi ông lo sợ, ban thưởng hậu hĩ cho lính tráng bằng mồ hôi nước mắt của người dân.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng một tình hình đầy sự cố như thế không thể làm mờ đi cái vinh quang hẳn nhiên xán lạn của hoàng đế. Gia Long, vị vua châu Á đã hành xử như một vị vua châu Á. Khi thì uyển chuyển, khi thì khiêm tốn, thoát ẩn thoát hiện, tuyệt vời và tàn độc, nhà vua mang dấu ấn của thời đại mình và những thử thách hoang đường của cuộc sống phi thường.

Lên ngai vàng sau nhiều năm chiến đấu, thất vọng và đau đớn thể xác, nhà vua trả thù không thương xót những kẻ địch đã buộc mình phải trải qua một tuổi trẻ bi thảm trên những hòn đảo hoang. Đã sống như một chiến sĩ, ông nắm lấy vương quyền và trừng phạt bằng tư cách của một chiến sĩ. Dân chúng tin rằng ông giữ mối khinh bỉ sâu xa đối với những thủ lĩnh từng hống hách thống trị đám dân thường thụ động.

Tâm lý của nhà vua vượt qua hiểu biết của những người châu Âu chung quanh mình bởi lẽ họ tìm đến phục vụ nhà vua vì quyền lợi cá nhân hoặc tôn giáo. Tất cả bọn họ đều quy những vấn đề thời đại thành những câu hỏi về con người hay dòng họ.

Việc hoàng đế Trung Hoa sắc phong cho người chủ mới của đất Việt Nam đã chính thức hóa sự tiếm ngôi. Nhưng nếu Nam kỳ vẫn trung thành theo hậu duệ của các đời chúa Nguyễn, thì Bắc kỳ không bao giờ chấp nhận hoàn toàn quyền lực của họ Nguyễn, và ta có thể nói rằng quyền lực của hoàng gia được mau

chóng củng cố bởi không có một thủ lĩnh nào xuất hiện để chiêu tập những kẻ bất mãn. Các cuộc nổi dậy, bị các vua Gia Long và Minh Mạng dễ dàng trấn áp, không hề có mối liên hệ gắn kết với nhau. Trước hết vì dân chúng mệt mỏi và vị vua cũ đã chết trước khi lấy lại đủ sức mạnh để tranh ngôi báu.

Các vùng miền ở Việt Nam vốn bị phân rẽ trong gần một thế kỷ bởi tranh chấp chính trị đã tạo nên những tập quán, những quan niệm và những luật lệ khác biệt, đối diện với những nỗ lực của nền một hành chính kể từ lúc đó là duy nhất trên khắp lãnh thổ để thống nhất sự phát triển. Vua Gia Long phải đấu tranh trong nhiều năm trước khi áp đặt lên dân tộc những luật lệ hà khắc và nếu không có điều này thì không thể có một đời sống quốc gia ổn định. Kết quả này, nhà vua chỉ có được vào lúc ông trao lại cho người kế vị [Minh Mạng] di sản nặng nề của vinh quang của mình.

皇極經世例卷九目錄	
禮律	
祭祀	
祭享	祭大祀郊壇
教祭祀典神祇	歷代帝王禮賓
祭享神明	祭山川平利指
儀制	
合和調樂	擊典服制物
收藏祭古	擲屬衣物
失誤朝賀	欠儀
奉對夫亭	朝見罰罪
皇極經世例	
上書陳言	禁止避過
外差人員欺凌長官	服舍違式
僧道拜父母	失占天象
術士妄言禍福	匿父母喪
棄親之伍	喪葬
鄉飲酒禮	阻人家事



Hoàng Việt luật lệ.

Nguồn: nomfoundation.org

Công trình hành chính cần thiết, được vua Gia Long thực hiện muộn màng, cuối cùng cũng đã đưa vào khuôn khổ đời sống xã hội của đất nước vốn đã bị rối loạn sâu xa vì những cuộc nội chiến, tan nát sau chiến tranh. Bộ luật mới¹⁹⁷ là một sao chép vội vã những quy tắc do chế độ nhà Thanh áp đặt lên Trung Hoa, với một số điều khoản được thu tóm lại và được vua Minh Mạng lúc nắm quyền biên cải mới mẻ hơn. Tất cả các chỉ dụ vùng miền, mọi chỉ thị địa phương đều bị hủy bỏ bởi Bộ luật [Gia Long] năm 1812 và chỉ lưu giữ lại những truyền thống chung của mọi người dân An Nam. Vua Gia Long gắn bó nhất trong việc thiết lập lại trong dân chúng sự tôn trọng các cơ chế gia đình, nền móng của kỷ luật quốc gia ở một nước châu Á và trả lại uy quyền cho ngai vàng, điều mà các vua nhà Lê đã không biết bảo vệ để chống lại các chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Những chiếu chỉ của triều đình ít bắt nguồn từ mối quan tâm đến việc chấm dứt sự rối loạn vẫn còn tồn tại trong hành chính sau mười năm hòa bình, cho bằng sự quan tâm ổn định uy quyền của dòng họ đang trị vì, bằng cách tán dương những đạo đức truyền thống của dòng họ, bằng cách khép chặt định chế của vương quốc vào trong một hệ thống những quy định lễ nghi làm cho định chế ấy mang đặc tính hầu như là tôn giáo.

Vua Minh Mạng cũng lẫn lộn giữa tầm quan trọng của một dân tộc với uy thế của một quân vương, nhưng nhà vua bù đắp và hoàn tất tốt đẹp công trình của tiên vương bằng cách kết hợp mật thiết sự tồn tại của các thuộc quốc với sự tồn tại của Việt Nam. Nhà vua nghĩ đến việc áp đặt lên những sắc tộc vùng xa bằng nhiều sắc lệnh hợp thời, những truyền thống, tập quán và ngay cả tiếng Việt, đồng thời duy trì bền vững trên vùng biên giới sự bảo hộ của chính quyền An Nam [Việt Nam, năm 1839 đổi thành Đại Nam]. Nhà vua ép buộc các nước nhỏ phụ thuộc phải chấp thuận một loại quy tắc về quyền bá chủ gắn bó với những cơ chế của vương quốc và công trình xây dựng luật pháp mạnh mẽ ấy cho đến nay vẫn còn chứng minh được khả năng khoa học chính trị của nhà vua.

Luật pháp của một dân tộc cần thiết phải khế hợp với phong tục, với tôn giáo, với những cần thiết và với ý tưởng được tạo nên từ cuộc sống của dân tộc ấy. Bộ luật Gia Long, mặc dầu có phần sao chép lại luật Trung Hoa và có lẽ việc sao chép lại luật ấy tạo ra sự hài hòa giữa những quan niệm của những nhóm dân sống trên khắp ba miền hành chính của vương quốc và tạo ra mối dây kết tụ họ với quyền lực của nhà vua.

Pháp chế An Nam có thể chia làm ba phần: những quy chế của vương quốc và những điều lệ của lục bộ, một bộ luật hình sự, những điều luật không được pháp điển hóa.

“Đức hoàng đế”, Luro đã viết như vậy, “theo cách hiểu của người An Nam, vừa là hoàng đế, vừa là vị vua thẩm phán, vừa là vị giáo chủ tối cao. Ngài là cha mẹ của dân. Ngài là kẻ học thức

uyên bác nhất vương quốc, có nghĩa là kẻ tuân thủ trung thành nhất học thuyết Khổng Phu tử. Chỉ riêng ngài là người đại diện, người được ủy nhiệm của Trời, chỉ mình ngài có quyền đại diện quốc gia để dâng đồ hiến tế lên Thượng đế, là hoàng đế tối cao của mọi vật và mọi linh hồn. Chỉ mình ngài trong vương quốc của mình được gọi là Thiên tử, danh hiệu tượng trưng cho sự thần phục các ý niệm tôn giáo truyền thống và bốn phận của người con. Danh hiệu này không hề bao hàm một ý tưởng kêu ngạo hay đồng hóa với thiên tính thần thánh. Đây chỉ là cái tên hoàn toàn mang tính thành kính mô tả sự lệ thuộc vào hoàng đế tối cao và bốn phận thực thi đạo lý mà hoàng đế tối cao là vị thần linh kiểu mẫu”.

Xã hội An Nam được tổ chức theo chế độ tập quyền nếu ta nhìn thông qua những cơ chế làng xã, là một xã hội quân chủ nếu ta xem xét mối quan hệ giữa thần dân và người nắm giữ quyền lực tối thượng. Quyền lực của nhà vua là tuyệt đối, cơ cấu pháp luật không đặt ra một vai trò trung gian nào giữa nhà vua và người dân, nhưng trong thực tế, nhà vua chấp thuận để cho các quan có quyền trông nom mình, các quyền tự do trong làng xã, trong hành chính và trong tư pháp, vốn là quyền ưu tiên của tập đoàn có sở hữu tài sản được đặt ra giữa nhà vua và khối bình dân.

Vương triều gồm có tứ trụ triều đình, lục Bộ, Hội đồng Tư vấn [du Conseil privé], Cơ Mật viện và các thành viên cao cấp có nhiệm vụ điều khiển những công việc khác nhau. Triều đình nhóm họp hai lần mỗi tháng với sự có mặt của nhà vua để giúp nhà vua hiểu rõ tình hình và để các quan nhận chỉ thị từ nhà vua.

Tứ trụ triều đình là những lão tướng, những cựu phó vương [kinh lược], những nhà ngoại giao trước đây được gọi đến bên cạnh nhà vua, vì những kiến thức của họ và những đóng góp họ đã từng thực hiện cho đất nước, để làm nhà vua hiểu rõ vấn đề

quốc gia hơn nhờ những lời khuyên của họ. Các vị trọng thần này không có trách nhiệm cụ thể mà chỉ mang các danh hiệu danh dự của Cần Chánh, Văn Minh, Võ Hiển, Đông Các¹⁹⁸ là tên bốn điện bao quanh cung vua.

Các thượng thư Bộ Lại, Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Công, Bộ Lễ, Bộ Hộ điều hành quốc gia dưới sự kiểm tra của Nội các. Nội các chỉ đơn giản dựa trên sổ phiếu bầu chọn để chứng duyệt hoặc loại bỏ quyết định của các bộ.

Nội các cũng như Cơ Mật viện có những quyền hạn được xác định bởi những quy tắc bất biến. Các tổ chức này không bao gồm các hoàng thân, vì lẽ những người này bị gạt ra khỏi công vụ bởi một nguyên tắc nghi ngại chính thức, nhưng các đại quan được nhà vua cử vào những nơi này cũng chỉ được trả lời các câu hỏi do chính nhà vua đặt ra.

Để tưởng thưởng các công thần đã giúp vua đánh bại Tây Sơn, đã theo vua trong cơn hoạn nạn, vua Gia Long đặt ra một đẳng cấp quý tộc mới gồm bảy hạng. Đẳng cấp ấy mang tên *Minh Nghĩa Công thần*, có nghĩa là đẳng cấp dành cho người có công trạng và trung thành vang dội.

Từ hạng thứ nhất đến thứ năm, danh hiệu quý tộc ấy mang tính kế thừa và cứ mỗi đời kế thừa tiếp theo thì giảm xuống một bậc. Người mang hạng năm truyền danh hiệu của mình cho đời kế thừa và chỉ dành cho con trai trưởng đến hết triều đại nhà Nguyễn. Nguyên tắc kế thừa dành cho hạng năm này tạo nên một cải cách khác với truyền thống. Vì thế vua Minh Mạng, không thuận theo ý nguyện của vua cha, đã loại bỏ hệ thống đẳng cấp *Minh Nghĩa Công thần* này, lo rằng sẽ hình thành một giai cấp quý tộc truyền từ lưu tôn có khả năng một ngày kia làm nguy hại đến vương quyền.

Dân chúng sống trong làng xã, được các thân hào điều hành và bảo vệ. Sự bình đẳng giữa các người dân là tuyệt đối, bởi lẽ người An Nam không thừa nhận những phân biệt xã hội nào

khác ngoài những sự trọng vọng gắn liền với chức vụ và do đó với những công trạng được chính quyền thừa nhận.

Dân trong xã được chia ra hai hạng: có đăng ký và không có đăng ký. Nhưng sự phân hạng này không tương ứng vào một cách phân cấp nào mang tính xã hội. Người có đăng ký là những điền chủ, thương gia, người giàu có, vì tình trạng có tài sản của mình, chịu đóng mọi loại thuế và cũng vì lẽ đó gánh vác các chức vụ làng xã. Những người không đăng ký là những người nghèo, nhưng không có rào cản nào phân biệt họ với những người dân khác. Bằng chứng là quá rõ ràng vì không gì cấm cản họ tham dự vào các cuộc thi văn chương và trở thành quan lại.

Xã là một cá thể tinh thần. Xã có thể chiếm hữu, quản trị, thu mua, nhưng xã chỉ có thể tham gia quyền thu hoa lợi những tài sản của xã trong một thời gian nhất định. Xã phân phối các loại thuế, thu thuế, bảo đảm an ninh cho khu vực. Các thân hào được bầu bởi những người dân có đăng ký đến tuổi được đi bầu và ngồi cạnh các bô lão mà tuổi tác đã cho họ có quyền tham dự vào hành chính của nội bộ xã. Xã trưởng là một thành viên thực thi các hoạt động, do các đồng nghiệp của mình chọn ra, có nhiệm vụ bảo đảm mối quan hệ giữa Hội đồng các thân hào và chính quyền địa phương. Cơ quan này thừa nhận chức danh của xã trưởng bằng cách cấp một văn bằng chứng nhận và một khuôn dấu. Xã của An Nam, một đơn vị mang tính vừa tôn giáo, vừa chính trị và hành chính, nên nó là một loại đơn vị có tính cộng hòa, tự trị dưới sự kiểm soát của các quan địa phương và ta có thể so sánh với các thành quốc thời trung cổ ở châu Âu. Xã luôn luôn đặt dưới sự che chở của một vị thần và đền thờ của xã là nơi cử hành mọi lễ hội thờ cúng, vừa là nơi lưu giữ bài vị tổ tiên của mỗi gia đình¹⁹⁹.

Mọi người dân An Nam đều được đăng ký trong xã của mình suốt đời, ngay cả lúc vì công vụ, họ phải sống xa quê gốc của mình. Dầu ở xa họ vẫn luôn luôn được tính đến ở quê nhà. Điều

này đã thiết lập rõ ràng cương vị xã trước hết là một cương vị cá nhân.

Còn có ở trên xã, một tập hợp có được quyền tự trị thật sự. Đó là tổng, do một Cai tổng điều khiển, được bầu giữ chức vụ trong một thời hạn không ấn định. Nhiệm vụ của Cai tổng là bảo vệ các quyền lợi của tổng mình trước cấp hành chính quan lại và bảo đảm việc thực hiện các mệnh lệnh nhận được từ trên. Tổng trở thành một cách hiển nhiên trung gian giải quyết những tranh chấp giữa các xã, và trong nhiều trường hợp, nhờ sự can thiệp của tổng, tránh khỏi phải cầu cứu đến tòa án cấp huyện.

Khá là khó khăn để sắp xếp các điều khoản của Bộ luật An Nam vì sự vội vã bao trùm việc soạn thảo và vì những quy định của đạo luật là nhiều vô kể. Nhưng vì việc nghiên cứu về luật pháp không hề có ở An Nam, nên việc áp dụng các chỉ dụ chỉ giao cho những vị quan chỉ huy các nhiệm sở lớn, được đào luyện nhờ đã thực hành lâu ngày việc khảo sát loại văn bản rồi rẫm tối nghĩa này. Điều này nhằm giới hạn những bất cập do sự thiếu minh bạch trong văn bản là dễ dàng nhận ra.

Dẫu sao người ta có thể nghiên cứu luật An Nam dưới hình thức một bộ sách gồm hai cuốn. Cuốn thứ nhất gồm Bản các Đề mục [comprend la table des articles], các quy tắc để phân biệt nghĩa của tám ký tự đặc biệt có tầm quan trọng trong những văn bản luật, và các điều lệ liên quan đến đời sống gia đình, đến việc tôn trọng các cơ chế, đến mối tương quan giữa những thành phần thuộc quyền xét xử, đến những cách thi hành. Cuốn thứ hai liệt kê những trường hợp áp dụng năm hình phạt bằng roi, gậy, khổ sai, lưu đầy và tử hình. Các hình phạt ấy đều có thể được chuộc bằng tiền, cũng có thể được án treo hoãn thi hành án sau một năm có thể gia hạn lại. Mỗi điều lệ bao hàm một phê chuẩn hình sự được cân nhắc tùy theo những cá nhân mà điều lệ ấy nhằm vào, bởi lẽ nhà lập pháp An Nam không cần phải liên kết những chỉ dụ với những nguyên tắc tư pháp. Những bắt buộc ấy không có tính cách tổng quát mà chiếu theo những

trường hợp riêng biệt, tập hợp thành các thứ hạng, rồi từ đó có thể rút ra những ý tưởng tổng quát.

Luật pháp áp dụng cho tất cả mọi thần dân của hoàng đế cũng như đối với những người nước ngoài đang có mặt trong lãnh thổ. Quan tòa nhất thiết phải xử họ nếu không thì bị truy tố vì tội không chịu xét xử. Tương tự như vậy, vị quan cố tình làm chậm tiến độ của vụ án cũng sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

“Công lý” cha de Rhodes đã viết như thế, “cai trị ở đây cũng hiệu quả hơn bất kỳ quốc gia nào khác trên thế giới. Chính nhà vua cấp lương cho tất cả thẩm phán và cấm họ không được thiên vị, cho dù ở bất kỳ vụ án nào, làm cho không một ai phải tiêu tốn gì để bảo vệ quyền của mình. Thế nên không có sự rườm rà về thủ tục cũng như văn bản làm tiêu tốn các bên bằng tiền bạc hay bằng mảnh khốe thầy kiện. Tất cả những chuyện ấy đều xa lạ đối với những người ngoại đạo mà ta gọi là man rợ. Tôi để cho quý vị suy nghĩ về điều mà họ sẽ nói về chúng ta nếu họ hiểu thế nào là lệnh của cung đình và những mảnh khốe thầy kiện ở đất nước ta!...”.

Những án buộc tội tử hình đều để nhà vua quyết định, hoặc thi hành án hoặc treo án, hoặc giảm tội vào lúc chung thẩm. Trong trường hợp đầu, sự kháng án được đệ lên nhà vua ba lần khác nhau, mục đích để tránh những nguy cơ vua thiếu tập trung lưu ý hoặc bức bối cáu kỉnh. Trong trường hợp thứ hai, việc phán xử sẽ được tiến hành vào năm sau và rất ít trường hợp nhà vua vẫn ban lệnh xử tử tội nhân sau nhiều lần hoãn thi hành án.

Luật pháp An Nam không đòi hỏi các hợp đồng phải được soạn thảo theo những hình thức và quy tắc riêng biệt. Những tặng dũ được xem ở dạng chính thức khi có sự có mặt của gia đình, của các thân hào và được đóng dấu của xã. Các việc mua bán được thừa nhận bởi những văn bản chính thức hoặc bằng văn bản ký tự không có thị thực công chứng. Nhưng trong khi

những trao đổi mua bán động sản luôn luôn bằng lời nói, thì quyền sở hữu các tài sản bất động sản chỉ được thừa nhận bằng văn bản.

Khác với điều xảy ra ở nhiều dân tộc phương Đông, việc bán một vật của người khác với mục đích đền bù là bị cấm ở An Nam và ác ý trong trường hợp ấy đưa đến những trừng phạt nặng nề. Luật pháp chấp thuận một hình thức bán có cho chuộc lại tương đương cho tới một mức nào đấy của việc cầm cố. Quy ước này được áp dụng cho các động sản và chấp thuận quyền sở hữu động sản mà không vì thế việc hưởng thụ thành quả làm giảm bớt giá món nợ ban đầu. Điều này không hoàn toàn là một việc bán cho chuộc lại, vì việc mua lại có thể đẩy lùi đến sau năm năm mà không để cho người sở hữu có quyền trở thành chủ nhân của tài sản nếu giấy đòi nợ không được thu hồi trong những thời hạn thích hợp.

Việc bán một động sản hay một bất động sản được thực hiện dưới những điều kiện thay đổi tùy theo hoàn cảnh và với thời hạn trả tiền được thỏa thuận. Vua Minh Mạng giới hạn đến ba mươi năm là thời kỳ mà tài sản được bán sẽ được đăng ký dưới tên của chủ tài sản.

Luật Gia Long không ghi một phân biệt cụ thể nào giữa các tài sản động sản và bất động sản. Quyền sở hữu tài sản mặc dầu không được xác định vẫn là quyền tuyệt đối, nhưng Nhà nước có thể truất quyền sở hữu mà không đền bù vì những mục đích lợi ích công cộng, vì đất đai thuộc về nhà vua, không gì có thể viển đản quyền ngược lại. Việc sở hữu đất đai trong thực tế được áp dụng theo một điều khoản mặc định về tính tạm thời, và không phải chỉ từ triều vua Minh Mạng mà việc sở hữu đất được xác định nhờ việc đăng ký vào *địa bạ*, điểm khởi đầu của một chế độ thuế khóa phân bổ một cách sáng suốt.

Nền tảng của tổ chức xã hội là cơ chế gia đình, bắt nguồn từ học thuyết của Khổng Phu tử. "... Người cha của gia đình - luật pháp nói như thế - không có một bổn phận nào đối với vợ con, họ

bị bỏ mặc trước lương tri và sự quan tâm của người cha. Người cha được xem như người chủ của vợ và các con mình, nghĩa là vợ con thì thuộc sở hữu của người cha. Trong bảy trường hợp được chỉ định, người chồng có thể bỏ vợ mình để lấy một người mới. Người chồng phải xem vợ là kẻ dưới, như một người hầu hạ khiêm tốn hoặc như một đứa trẻ cần phải canh chừng. Người chồng có thể trừng phạt vợ nếu người vợ đáng bị như thế. Người chồng có quyền cưới nhiều vợ... Người cha của gia đình là người chủ tối cao của các con mình, người cha có thể yêu cầu các con mình thể hiện sự tôn trọng và phục tùng bằng mọi phương cách, biến chúng thành nô lệ, bán chúng đi, cưới hỏi cho chúng mà không cần sự đồng ý của chúng”.

Người đàn ông An Nam, tốt bụng, hiền lành, thành thật, thực sự là người chủ tuyệt đối của gia đình mình, nhưng y thực hiện quyền mà luật pháp giao phó với một sự nhần nại độ lượng và tự nhiên. Như người Trung Hoa, như những người châu Á nói chung, y tự nhận mình là chủ của người vợ vì y đã mua cô ta, vì y đã trả tiền hồi môn, nhưng thỉnh thoảng y sửa sai cô ta lúc cô hãy còn trẻ, đấy là điều chắc chắn, như văn chương bình dân vốn không thiếu điều mỉa mai từng tuyên bố, bởi lẽ đấy là luận chứng duy nhất mà phần lớn phụ nữ An Nam thừa nhận có một sức mạnh có tính thuyết phục quyết định.

Người cha yêu sâu sắc con cái mình. Nhưng con cái lại phục tùng một kỷ luật nghiêm khắc. Chúng không bao giờ chiếm chỗ của người cha ở bàn ăn, chúng chỉ trình diện trước mặt người chủ gia đình với những biểu hiện của sự kính trọng đã được luật lệ xác định tỉ mỉ.

Việc đa thê, được luật pháp thừa nhận, là rất hiếm trong dân chúng khi đã có một con trai thừa kế. Trái lại, việc đa thê là thường xuyên khi người vợ vô sinh, lúc ấy người chồng chọn, với sự đồng ý của người vợ chính vẫn là nữ chủ nhân không tranh cãi của gia đình, một hầu thiếp mà vai trò duy nhất là

mang lại cho gia đình nhiều con trai, nhờ đó việc thờ cúng tổ tiên được tiếp tục.

Đạo thờ cúng tổ tiên chắc chắn đã rất phổ biến ở châu Á vào những giai đoạn mà Ấn Độ và Trung Hoa chưa lập thành quốc gia. Giả thuyết này tuy thế cũng chưa được chứng thực. Nhưng cũng khá hợp lý khi nghĩ rằng những dân tộc có mối quan hệ thường xuyên, sống trên cùng một lục địa, thì thường tuân theo những tín ngưỡng chung. Dầu sao đi nữa, những pháp điển gia tộc mà từ đó thiết lập quyền thừa kế, đòi hỏi mọi người, để được cứu rỗi trong thế giới khác, phải để lại trong thế giới này một đứa con trai có khả năng dâng lên những phẩm vật hiến tế cho thần linh. Phải đợi ít nhất ba thế hệ đi qua để tổ tiên được giải thoát. Với một đứa con trai, người cha đạt đến vương quốc của nhiều cõi. Với đứa con trai của con trai, y đạt đến cõi vĩnh hằng. Với đứa con trai của đứa cháu trai ấy, y đạt đến cõi Trời. Người chết mà không có con trai bị loại khỏi cõi Trời. Nếu con trai chết không có người nối dõi, thì tổ tiên rơi xuống địa ngục mà con gái không cách nào có thể hoàn thành những nhiệm vụ cúng tế.

Mọi đứa con đều chính thức, người vợ đầu là mẹ hợp pháp của tất cả con cái. Con cái chịu tang cha và người mẹ đầu trong vòng ba năm và chỉ chịu tang một năm với người mẹ thứ hai.

Hình phạt dành cho chuyện ngoại tình là kinh khủng. Luật Gia Long buộc những tội phạm phải bị voi giày hoặc ném xuống sông, lưng trối vào nhau trên một bè tre.

Luật pháp không thừa nhận một khả năng thừa kế nào cho con cái. Người cha có thể quyết định theo ý mình toàn thể tài sản của y mà không có một kiểm soát nào của nhà nước. Trong thực tế, tài sản của cha mẹ luôn luôn được chia sẻ đồng đều, sau khi những tài sản không thể bị tước bỏ dành cho việc thờ cúng đã giao cho người con trai trưởng.

Đám cưới bị hủy bỏ khi có một người chết, khi có sự vắng mặt quá ba năm, khi có sự thỏa thuận chung, khi người phụ nữ bỏ trốn hay bị trả về lại gia đình. Việc trả về được thực hiện trong

bảy trường hợp quy định sau đây: vô sinh, kém tư cách, thiếu lễ độ với bố mẹ chồng, ăn cắp, ghen tuông, nói xấu, bệnh tật làm người phụ nữ không đủ điều kiện sinh sản. Sự khắc nghiệt của bảng liệt kê này được giảm bớt nhờ sự xoa dịu của một số ngoại lệ, thánh hóa theo cách nào đấy công việc làm chung và những khổ sở cùng gánh chịu, tạo cho người vợ những bảo đảm tinh thần từ một quan niệm cao. Vì thế người phụ nữ chỉ có thể bị trả về nếu đã chịu tang người chồng được ba năm. Nếu người chồng, nghèo lúc mới bắt đầu lấy vợ, đã cùng nhau làm lụng khó nhọc để có tài sản và rồi cùng hưởng chung với nhau, nếu người vợ cuối cùng không còn cha mẹ thì có thể đón con gái về nhà. Việc ly dị trong thực tế là rất hiếm hoi và ta có thể khẳng định rằng việc ấy không bao giờ xảy ra với người vợ đầu, bởi lẽ thay vì thực hiện một thủ tục mà sự lo xa của nhà lập pháp làm cho, trong hầu hết trường hợp, trở thành không phù hợp, người đàn ông An Nam chọn cách gửi về lại gia đình cha mẹ người phụ nữ mà cách đối xử trở nên không chịu nổi đối với người chồng, mà không vì thế mối quan hệ vợ chồng bị cắt đứt vì sự xa cách ấy.

Xã không có một sổ hộ tịch nào cả và không một quyết định nào bắt buộc người dân phải khai báo việc sinh con của họ. Con gái thì không bao giờ phải trình diện, nhưng con trai được mang ra trình trước các vị thân hào để về sau chúng sẽ tham gia vào những quyền lợi cũng như trách nhiệm trong làng. Việc không có văn bản không gây ra một bất tiện nào cả, vì các loại thuế và nghĩa vụ quân sự không phân bổ trên từng đầu người mà trên từng xã.

Mục đích của việc cưới hỏi, ngay cả mục đích của cuộc sống đối với người An Nam là có con trai, để sau khi chết, chúng biết thực hiện việc thờ cúng truyền thống tưởng niệm người đã mất. Lúc người đàn ông không có khả năng tự nhiên để tạo giống, y sẽ bù đắp bằng việc có con nuôi. Y sẽ tìm một cậu trai trong gia đình, một cháu trai hoặc một người trong họ, một cậu bé có

cùng chung tổ tiên với mình. Chỉ khi trong trường hợp y không thể khép chặt bằng cách ấy mối quan hệ gia đình sẵn có, thì y đành phải đưa về nhà mình một đứa bé ngoài gốc gác. Đứa bé được nuôi gia nhập hoàn toàn vào gia đình mới và sẽ mang tên họ của gia đình này. Người cha ruột của cậu bé bàn giao mọi quyền của mình cho cha nuôi, là người cha duy nhất kể từ lúc đó được luật pháp thừa nhận.

Quan niệm tôn giáo ấy về gia đình làm nền tảng cho các điều luật dân sự có mục đích chỉnh đốn những quan hệ giữa những công dân với nhau. Quan niệm ấy còn bền bỉ trong tập quán hơn là trong luật được viết ra và nó tạo nên ảnh hưởng sâu đậm lên phong tục của quốc gia.

Vậy nên, người An Nam chịu khuất phục từ thuở rất ấu thơ uy quyền không kiểm soát của cha mình, rồi từ đó được chuẩn bị để chịu đựng với sự kính trọng uy quyền của tập thể những thân hào trong làng mình, xem những mệnh lệnh của hoàng đế, người cha của quốc gia và người truyền ý đến các thần linh là thiêng liêng.

Vậy nên, Luật Gia Long nổi bật với cơ chế gia đình, nơi mà uy quyền của người cha là hầu như vô giới hạn, bằng việc cho phép đa thê, tình trạng không có khả năng có con, tính bình đẳng của mỗi người con trong xã hội, cho dầu chúng là chính thức hay ngoại hôn, sự gắn bó vào sở hữu chung của gia đình được ấn định bằng việc không thể tước bỏ tài sản dành cho việc thờ cúng, sự phụ thuộc tuyệt đối của con gái, quyền tự do để lại di chúc, bằng khả năng nào đó trong việc mua lại một bất động sản được chuyển nhượng.

An Nam vào đời Gia Long còn gắn bó với giai đoạn Cộng đồng đại gia đình trong lúc ở nước Pháp chúng ta “quyền sở hữu cá thể và tính độc lập cá nhân đã tồn tại từ thời thống trị La Mã, tính ra đã hơn hai ngàn năm.

Chúng ta đã làm gì cho dân tộc mà chúng ta không hay biết này? Những luật lệ nào chúng ta đã áp đặt lên dân tộc này sau

cuộc thôn tính? Chúng ta đã hướng dẫn dân tộc này đến sự tiến bộ hay sự cưỡng bức, xa rời những phương hướng truyền thống của nó mà không hề hay biết?” (Cultru, *Histoire de la Cochinchine française* (Lịch sử xứ Nam kỳ thuộc Pháp)).

Bộ luật năm 1818²⁰⁰ mặc dầu còn thiếu sót, đã thích ứng tuyệt vời với tính cách của người An Nam vốn trọng lễ nghi, khách sáo, đam mê uy quyền nhưng lại hành xử với lòng tốt. Dân chúng, với những phong tục giản dị của mình, tìm thấy trong những điều khoản của bộ luật mới sự an toàn mà họ đã chờ đợi để ổn định lại đời sống. Vua Gia Long, người nắm giữ quyền lực tối cao được thừa nhận kể từ lúc đó, có thể yên tâm theo đuổi những hoạt động ngoại giao.

*

* *

Chính sách của vua Gia Long mang những đặc trưng rất khác biệt tùy theo đối tượng của nó là vị chủ thể chính thống của An Nam [tức Trung Hoa], hay là các lân quốc có khi ngang hàng, có khi thấp kém hơn, hoặc với các quốc gia phương Tây. Tất cả những chứng thư của chính sách ấy đều bộc lộ một khuynh hướng đồng hóa các sức mạnh thứ yếu và mong muốn tránh mọi liên quan với những quốc gia được tổ chức chặt chẽ hơn.

Đối diện với Trung Hoa, vua Gia Long giữ gìn mọi quyền lợi của vương quốc, nhà vua bảo vệ những quyền hạn của mình vừa giữ những cơ hội củng cố ngai vàng vì nhà vua cảm nhận cần thiết phải là một nhân vật chính trị mạnh mẽ của triều đại. Tuy nhiên, nếu nhà vua ủng hộ tham vọng rằng các cuộc chiến đấu trước đây đã được thánh hóa, và nếu mọi gắng sức của nhà vua hướng đến sự vĩ đại của đất nước trong khuôn khổ của một chỉ đạo mang tính cơ hội, thì nhà vua cũng không dùng sức mạnh để tấn công và hủy hoại nền độc lập của các dân tộc yếu kém mà với họ nhà vua đã tự phong là người bảo hộ hiển nhiên.

Trong suốt nhiều năm, Nguyễn Ánh đã chiến đấu để giành lại cơ đồ, những quốc gia chư hầu của An Nam, ngoại trừ Cao Miên, vẫn luôn trung thành với hiệp ước thừa nhận bá quyền đã nối kết họ với triều đại nhà Lê.

Việc bảo hộ của An Nam trên các quốc gia chung quanh thực ra không khó để thực hiện, cũng không nặng nhọc để chịu đựng và cũng không có một ép buộc nào đã từng là cần thiết để giữ các quốc gia ấy dưới sự bảo hộ mà họ thích nghi không chút khó khăn.

Những bộ tộc sống dọc theo biên giới vương quốc tạo thành một vành đai bảo vệ chống ngoại xâm, tạo điều kiện cho việc trông coi lãnh thổ đôi khi còn lơ là, ngăn chặn những cuộc xâm lấn hăng hái như thể chính sự an toàn của họ bị đe dọa. Ngược lại, người bảo vệ dành cho họ một sự độc lập hầu như là toàn vẹn và chỉ tạo một ảnh hưởng nhẹ nhàng và hòa bình.

Các bộ tộc ấy, không quan tâm về đặc điểm được thừa nhận của mình, luôn luôn tôn trọng vương quốc An Nam, và tính hữu dụng do sự tồn tại của họ nhờ vào vị trí địa lý, cho phép họ trồng cấy vào sức sống phong phú của dân tộc bá quyền, để nâng đỡ sự chuyển hóa phát triển khó nhọc của mình.

Các cửa ngõ An Nam đều được coi giữ nghiêm ngặt bởi liên quan đến an toàn của những người bảo vệ, nhưng không thu được lợi lộc nào khác ngoài chức phận bá quyền khá là mơ hồ mà An Nam áp đặt lên các bộ tộc lệ thuộc của mình, và thực ra, bằng một sự tính toán cực kỳ khéo léo, vượt ve bản tính chiến đấu của họ với đủ biện pháp để thúc đẩy họ chống lại tốt hơn những cuộc xâm chiếm có khả năng xảy ra, mà bản thân An Nam không phải lo lắng bị đe dọa bởi sức sống do mình duy trì ở những bộ tộc phụ thuộc dễ bảo ấy.

Chuyện bình thường khi một tình trạng sự việc như thế đã tồn tại không chút hỗn loạn và không một chư hầu nào lợi dụng cơ hội có chiến tranh nổ ra ở An Nam để trút bỏ ách cai trị quá nhẹ nhàng và ích lợi ấy. Trái lại, họ vẫn trung thành với các vua

chúa chính thống, từ chối mọi giúp đỡ, mọi cứu trợ cho Tây Sơn, cấm không cho họ đi qua đất mình và cấm mọi liên lạc thư tín mà phe nổi loạn gửi đến Xiêm La hay Miến Điện.

Việc nhà Nguyễn lên ngôi nắm quyền bính tối cao được các dân tộc ấy hân hoan đón nhận. Họ lập tức tái thực hiện với vua Gia Long hiệp ước đã ký kết với các chúa trước đây, nêu thêm một chứng cứ về lòng trung thành của họ, giúp đỡ quân đội nhà vua dập tắt mọi chống cự của các thủ lĩnh nổi loạn cuối cùng. Sau cuộc chinh phục Đàng Ngoài, nhà vua tưởng thưởng các bộ tộc lệ thuộc chu đáo của mình bằng cách sắc phong danh hiệu thủ lĩnh bộ tộc và ban danh phẩm hoàng gia cho các hoàng tử nước Lào.

Nếu thái độ của nước Lào và các cộng đồng bộ tộc thứ yếu khác không tạo cho vua Gia Long chút lo ngại nào, thì ngược lại, những quan hệ với Cao Miên và với Xiêm La buộc nhà vua phải có một hoạt động ngoại giao mạnh mẽ và cẩn thận, tỉ mỉ.

Những đoàn kiều dân đầu tiên mà các chúa An Nam thành lập ở Cao Miên đã khởi đầu một chính sách hòa nhập mà họ phải bền bỉ theo đuổi suốt trong hai thế kỷ, bằng cách cấm mốc - ta có thể nói như thế - lên những vùng đất đáng ao ước.

An Nam bị ép chặt giữa núi và biển, từ rất sớm đã phải vươn mình ra các vùng đất trù phú phía tây để giải quyết việc gia tăng dân số bằng cách hòa nhập với các dân tộc hiền hòa chỉ biết phản kháng yếu ớt. Đây là điểm chung trong lịch sử chính trị và dân tộc học của nhiều dân tộc luôn coi đó như là một giải pháp địa lý tự nhiên, những quốc gia có biên giới lãnh thổ dễ dàng bị xâm phạm thường là những quốc gia không đông dân.

Vào năm 1621, vua nước Cao Miên là Chey Chettah II, chồng của một công chúa An Nam²⁰¹, đã nhờ sự cứu viện của quê vợ mà chặn đứng được một cuộc viễn chinh của người Xiêm La đe dọa ngai vàng. Để cảm tạ sự cứu nguy, và do người vợ có nhiều ảnh hưởng đến ông xúi giục, nhà vua chấp thuận cho bố vợ quyền đặt định ở vùng Sài Gòn những đội nông dân và thương

gia người Đảng Trong. Việc sở hữu một cách hòa bình một mảnh đất Cao Miên lần đầu hẳn đã cho phép các chúa An Nam sau đó gây ảnh hưởng tới nội bộ của nước láng giềng, tạo nên một căn bản khởi đầu cho những cuộc di dân liên tục sau đó.

Để làm tiện việc di dân người trong nước đến các khu di trú, chính quyền An Nam lệnh cho các giới chức quan lại tại Bình Thuận tăng cường việc di dân, đồng thời giao cho các quan lại nhiệm vụ kiểm tra hành chính những cộng đồng được tổ chức ở bên ngoài biên giới ấy. Những quyền hạn quá riêng biệt của tổng trấn Bình Thuận, trong khi buộc ông ta phải liên tục lặn lội sang vùng đất của Cao Miên, đã cho thấy rõ nét ý định của An Nam sao cho Cao Miên không dám phản đối gay gắt. Nhưng những phản đối ấy, mà các vua Cao Miên không thể dựa vào một biểu hiện quân sự nào, không ngăn được An Nam mở rộng và đến thế kỷ XVII, các thuộc địa của An Nam trong vùng đồng bằng sông Mekong nhiều đến nỗi vua Krom-Rothabal phải tìm cách giới hạn sự phát triển ấy bằng một điều lệ dứt khoát. Chính quyền An Nam khi đó coi các biện pháp khống chế kia là nhắm vào người An Nam, không khác gì một sự xúc phạm đến vương quyền, đã dùng quân sự buộc vua Cao Miên phải thừa nhận quyền bảo hộ của An Nam (1658)²⁰².

Năm tiếp theo, giới quý tộc Cao Miên do bà quả phụ của vua Chey Chettah II xúi giục, nổi dậy chống lại Chan, nhà vua Hồi giáo, và cầu cứu Hiến vương. Chúa Hiến gửi một đạo quân sang trợ giúp dập tắt nổi dậy, do quan trấn thủ Phú Yên chỉ huy. Chan bị bắt và bị giải ra Quảng Bình. Chúa Hiến trả tự do cho Chan với điều kiện Chan phải lo liệu một khoản cống nạp vĩnh viễn.

Cùng lúc ấy, để thúc đẩy việc hòa nhập dòng giống, An Nam gửi qua các nước láng giềng tất cả người Hoa đã bị bắt giữ từ những trận chiến trước đây, cũng như những tù nhân tội dân sự. Những di dân mới này, trở thành thân dân An Nam, nhận đất ở Biên Hòa và Mỹ Tho²⁰³, nhờ vào một sắp đặt khéo léo, tuân thủ quyền cai trị của tỉnh Bình Thuận.

Sự có mặt của những dân khai hóa lạ lùng trên vùng đất mới
Chẳng bao lâu làm phật ý người địa phương, họ bắt lực trong việc ngăn chặn những hoạt động quá mức của đám người mới đến, và gây nên những xung đột trầm trọng. Nhưng vào lúc có những phản đối đầu tiên của chính quyền bảo hộ, năm 1691, Hiền vương đáp lại bằng cách gửi quân đội đến tận cửa Oudong và sáp nhập đồng bằng sông Cửu Long với Sài Gòn²⁰⁴.

Những vùng đất mới của An Nam xuất hiện ngày càng đông nông dân đến từ những vùng phía bắc của Đàng Trong, họ di dân tới đó, còn người Cao Miên dần dà thoái lui đến tận vịnh Xiêm La.

Chính sách nội thám, thám sâu, dần dà lan đến tận Hà Tiên, nơi mà người Hoa tên là Mạc Cửu, sau khi đã rời Trung Hoa để trốn khỏi sự thống trị mới của vua Mãn Thanh, đã thành lập với sự hỗ trợ của người An Nam, một thuộc địa bao gồm vùng Khum²⁰⁵ Kompong-Thom và đảo Phú Quốc. Quyền cai trị của công quốc ấy được dâng tặng lên chúa Đàng Trong mà Cao Miên không dám phản đối chút nào (1716)²⁰⁶.

Vào thời kỳ ấy, An Nam đã là chủ nhân của các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Trà Vinh, Sóc Trăng, Châu Đốc. Bị đánh bại tại Kompong-Chang [Kompong Chhnang], nhưng An Nam không mất một phần đất nào đã chinh phục nhờ vào sự thảm bại của thủy quân Xiêm La trước người Hoa Mạc Cửu trong vùng biển Hà Tiên.

Việc vài kiểu dân bị tàn sát đã cung cấp cho chúa An Nam một cái cớ mới để chiến tranh với Cao Miên, với cuộc chiến lần thứ tư đó, quyền sở hữu vĩnh viễn các vùng Mỹ Tho, Vĩnh Long và Sa Đéc của An Nam được thừa nhận²⁰⁷.

Chính vì như vậy mà vùng Nam bộ (Basse Cochinchine) ra đời, được cai trị, phát triển dưới thời các chúa Nguyễn cho đến thời kỳ Tây Sơn nổi dậy.

Những rối loạn làm phân tán lực lượng của chúa Nguyễn ngăn cản cơn suy thoái chậm rãi của vương quốc Cao Miên,

nhưng lại kích thích Xiêm La thừa cơ sự hỗn loạn mà chính quyền An Nam đang còn vật lộn để nắm lấy vị trí ưu thế tại Cao Miên.

Năm 1782, vua Cao Miên là Ang Non²⁰⁸ bị giết, Xiêm La gửi một đạo quân sang Cao Miên để ổn định trật tự, nhưng hai tướng chỉ huy đạo quân Xiêm lại nổi loạn, mang quân về Băng Cốc và tự tuyên bố, một người làm vua, còn người kia là tể tướng được quyền kế tập, sau khi giết chết chủ nhân của mình, kẻ tiếm ngôi Phya Tak²⁰⁹.

Sự quan tâm đầu tiên của họ lúc vừa mới lên ngôi là giúp đỡ Ang Eng²¹⁰, hoàng tử trẻ tuổi con của Ang Non [II], mà ngôi vị vua của người này vẫn còn bị tranh cãi giữa các đại quan của vương quốc. Một đạo quân Xiêm do phó vương Ben tự thân chỉ huy đã giúp hoàng tử lên ngôi vua của cha mình và giúp nhà vua trẻ chinh phục vùng Bassac, bất chấp những phản đối của một số trong các công quốc Lào vì phần đất này đã thuộc về họ.

Việc can thiệp này đã ngầm thừa nhận sự phụ thuộc của Cao Miên vào Xiêm La. Vua Ang Eng, để tưởng thưởng những giúp đỡ của phó vương Ben, giao phó cho người này quyền cai trị các tỉnh Battambang, Angkor và các huyện ở phía tây. Nhưng kẻ này nhanh chóng bác bỏ uy quyền chính thống của chủ nhân mình, y tự phong là chư hầu của triều đình Băng Cốc, là đối tượng mà sau khi qua đời y sẽ trao lại tài sản lãnh địa của mình²¹¹. Nguyễn Ánh, quá bận rộn vì công việc tại Đàng Trong, chỉ có thể phản đối những tham vọng của Xiêm La về những vùng Siem-Reap và Battambang vừa mới bị cắt rời khỏi Cao Miên. Tiếp theo đó, Nguyễn Ánh không ngừng nổi dậy chống lại chia cắt lãnh thổ của vương quốc mà ông đã tuyên bố là người bảo hộ chính thống duy nhất. Và vấn đề này mãi cho đến nay vẫn còn giữ lấy sắc thái đứng trên mặt hình thức để gây tranh cãi.

Ngay khi xứ Đàng Ngoài được bình định, vua Gia Long tiếp tục dùng lại chính sách của nhà Lê đối với Cao Miên. Nhà vua thiết lập lại sự kiểm soát của chính quyền An Nam đối với chính

sự của chư hầu này thông qua trung gian một nhân vật được triều đình ủy quyền tại Sài Gòn²¹².

Vị quan được ủy quyền này là mối liên hệ cần thiết giữa Người bảo hộ và Người được bảo hộ, người này ký xác nhận những chiếu chỉ của vua Cao Miên và giám sát việc thi hành các đình ước tượng trưng, theo đó Cao Miên cứ mỗi ba năm lặp lại lễ thần phục của chư hầu đối với quốc vương An Nam.

Dẫu sao, chỉ vào năm 1813, sau những thương thảo khó khăn và ngay cả mang tính đe dọa, vua Gia Long mới buộc được vua Xiêm La ký kết một thỏa thuận thừa nhận công khai sự phụ thuộc của Cao Miên vào An Nam. Đó cũng là thời kỳ thành lập thủ đô Cao Miên ở tại Phnom Penh.

Rốt cuộc, vua Gia Long, nếu đã thiết lập được vai trò bá quyền của An Nam trên đất Cao Miên, thì lại tỏ ra bất lực trong việc bảo vệ chư hầu của mình chống lại sự xâm lấn của Xiêm La và đã không ngăn nổi Xiêm La sáp nhập các tỉnh Siem-Reap và Battambang.

Những phản kháng mà Gia Long cũng như các vị vua kế tục đã thực hiện đều đặn vẫn chỉ là vô ích vì Xiêm La chỉ nhường bước trước một biểu hiện quân sự, điều mà các hoàng đế An Nam đã không hề quyết tâm.

Chính Pháp là quốc gia mà Cao Miên về sau sẽ phụ thuộc, không phải để khôi phục toàn bộ đất đai Cao Miên, vì vùng Nam bộ đã hầu như hoàn toàn Việt hóa dưới triều Nguyễn, rất nhanh chóng có một đặc tính dân tộc học riêng biệt kết hợp vùng này với quốc gia thuộc địa, mà để trả về cho vương quốc những tỉnh phía tây, cái nôi của lịch sử và truyền thống Cao Miên.

*

* *

Trong tất cả những người Pháp đã đi theo Giám mục Adran ở xứ Đàng Trong, duy chỉ Chaigneau và Vannier là còn ở lại bên cạnh vua Gia Long. Barisy, bị kiệt sức vì khí hậu và những lao

nhọc của một cuộc đời mâu thuẫn, chết năm 1802; Dayot, trở nên tệ hại đối với hoàng đế vì tính vô kỷ luật và nhất là bởi những quan hệ với người Anh mà ông trở thành đại diện tại Đông Dương của họ, đã chết trong một vụ đắm tàu năm 1809 lúc trở về Manille cùng với gia đình. Cuối cùng là de Forsans, qua đời hai năm sau đó, trong nỗi cô đơn dữ dội mà ông tự buộc mình, sau nhiều lần cãi cọ với các giáo sĩ thừa sai và những tranh biện với các quan trong triều.

Từ một nhóm nhỏ nhiệt tình, xưa kia do Pigneau de Béhaine hướng dẫn để phò tá một ông hoàng bên tầu, bây giờ chỉ còn lại hai người đã già nua, cay đắng vì những thất vọng và những luyến tiếc về một tuổi trẻ hoang phí trên vùng đất xa lạ. Những chiến sĩ cũ của giám mục đã tản mát sau khi chiếm thành Qui Nhơn. Một số quay về Pháp sống ẩn dật bình yên, một số người khác nhận công việc trong hải quân Hà Lan, vẫn tiếp tục rong ruổi khắp nơi, đuổi theo những ảo vọng không bao giờ nắm bắt được.

Kiều dân Pháp, rút lại chỉ còn vài giáo sĩ thừa sai, không đóng vai trò gì trong những sự vụ của vương quốc. Chaigneau và Vannier vẫn còn nhiều trách nhiệm ở triều đình, nhưng nhà vua không gọi họ tham gia vào Hội đồng của nhà vua nữa vì sợ họ cung cấp cho nước Pháp những cái cớ cho một âm mưu tiếp cận.

Gia Long, lúc đó là hoàng đế, không hề quên sự phò tá của người Pháp đối với một Nguyễn Ánh lưu vong, nhưng ông không muốn những hứa hẹn với Louis XVI trong một thời khắc thảm họa lại bị chính phủ của Louis XVIII viện dẫn để đòi nợ trong khi thực tế rõ ràng chính phủ Pháp đã tự ý từ chối thực hiện thỏa ước. Hiệp ước ký kết năm 1787 không có một giá trị gì dưới mắt nhà vua bởi vì những điều khoản của nó đã không được thực thi, bởi vì nước Pháp đã không giữ một cam kết nào mà họ đã ký vào dưới sự vận động đầy trí tuệ của Pigneau de Béhaine.

Gia Long đã tưởng thưởng những người phương Tây từng giúp mình thành lập triều đại. Ông vui lòng thừa nhận những quyền hạn mà họ có được theo lòng khoan dung của mình, nhưng hết sức cảnh giác xem liệu nước Pháp viện cớ những đóng góp cá nhân này để đòi hỏi quyền lợi can thiệp chính thức mà de Conway thuở ấy đã chống đối một cách sai lầm hay không. Chaigneau không hiểu rõ tình huống ấy, ông trách hoàng đế về chính sách tự cô lập, tức giận vì thái độ dò xét của nhà vua và hoàng thái tử [Đảm] đối với các giáo sĩ của Hội Truyền giáo. Tuy vậy, họ vẫn tiếp tục rao giảng theo ý nguyện mà Gia Long buộc phải làm hài lòng hai người bạn già. Vua Minh Mạng cũng ám ảnh lo sợ sự can thiệp của một quốc gia phương Tây vào nội bộ An Nam, sau này ông thẳng thừng tố thái độ tàn nhẫn mà trước kia vua cha chỉ mới manh nha, bất chấp lòng biết ơn chân thành mà ông luôn mang đối với những kẻ đã bồi đắp nên sức mạnh của mình.

Những lo ngại của vua Gia Long không phải là không giải thích được. Nhiều lần, trong suốt những năm tháng đau đớn mà nước Pháp đã trải qua kể từ sự kiện 1789, sự vụ xứ Đàng Trong đã được nhắc đến ở Paris. Năm 1797, thuyền trưởng Larcher đệ trình lên Ban Đốc chính (Directoire) một kế hoạch thiết lập ở Đông Dương, đã được cha Chaumont nghiên cứu hầu như chính xác tại Luân Đôn. Kế hoạch gợi lại khái quát nhiệm vụ được ủy thác của Giám mục Adran, tính thiếu quyết đoán và sự do dự nước đôi của các bộ trưởng dưới thời Louis XVI đã làm vuột mất cơ hội thuận tiện nhất để làm giàu cho quốc gia bằng một thuộc địa mà sự thiết lập của chúng ta ít ra vào giai đoạn đầu sẽ được chính Nguyễn Ánh tạo cơ hội dễ dàng. Larcher đề nghị với Ban Đốc chính nương nhờ nước Tây Ban Nha, bạn đồng minh trong giai đoạn này, để chiếm Poulo-Condor và Tourane sau khi đã chặn lối biển Đông không cho người Anh vào. Không còn là vấn đề đến giúp Nguyễn Ánh nữa, mà là thực hiện một cuộc chinh phục thật sự gây thiệt hại cho người bản xứ.

Ban Đốc chính lúc ấy chuẩn bị một cuộc viễn chinh vĩ đại ở Ấn Độ. Họ quyết tâm tiêu diệt tận cùng sức mạnh Anh quốc trong vương quốc bao la ở châu Á của nước này, đồng thời Ban Đốc chính tìm cách thúc đẩy Ai Nhĩ Lan nổi dậy bằng cách hứa hẹn cho phe ly khai một viện trợ to lớn và cụ thể. Một hoạt động tại Đông Dương có thể cung cấp một căn bản quý báu cho một cuộc viễn chinh thứ hai sẽ chặn đứng hạm đội Anh quốc trong vịnh Bengale. Vì thế hoạt động này đã được nghiên cứu đến tận những chi tiết nhỏ. Kế hoạch của Bonaparte, như đã được trình bày trong Hồi ký ở Sainte Helene bao gồm việc đưa vào hoạt động một đạo quân 60.000 binh lính “cưỡi 50.000 lạc đà và 10.000 ngựa, chở theo thực phẩm đủ cho năm mươi ngày và nước uống cho sáu ngày”. Đạo quân ấy trong bốn mươi ngày phải đến Euphrate và trong vòng bốn tháng “đến giữa vùng dân Sikhs, dân Mahrattes và các dân tộc của Hindoustan, đang nôn nóng cởi bỏ ách thống trị...”.

Bất hạnh thay, sự “thất bại vinh quang” của mặt trận Ai Cập và việc tiêu tan hạm đội của chúng ta tại Aboukir, đã cứu Anh quốc khỏi mối nguy hiểm mà nước này chưa hề trải qua, buộc Ban Đốc chính phải dẹp qua kế hoạch của Larcher.

Năm năm sau, cựu thống đốc của Pondichéry, Charpentier de Cossigny, người từng ủng hộ Pigneau de Béhaine²¹³, nhiệt tình khuyên nhủ Portalis tham gia vào Đệ nhất Tổng tài, không phải để dùng lại ý tưởng lớn lao của Giám mục Adran vì đã quá muộn để đề nghị với vua Gia Long một sự giúp đỡ mà ông không cần nữa, mà để ký kết một hiệp ước liên minh, với mục đích lấy lại ảnh hưởng nước Pháp đã mất đi từ khi giám mục qua đời. Cossigny tự nguyện ra đi, dầu đã lớn tuổi, để làm sứ giả đàm phán. Thế là, mười lăm năm sau cuộc du hành không kết quả của Pigneau de Béhaine, cựu thống đốc của Pondichéry nghĩ đến việc vượt trùng dương để sửa chữa lỗi lầm của de Montmorin. Nhưng các vai trò đã bị đảo ngược và Bonaparte, bị cuốn hút trong những sôi sục ròn rã của châu Âu, hoãn lại

việc can thiệp ngoại giao với An Nam. Chỉ đến năm 1813 thì vua Napoléon mới lệnh cho cố vấn quốc gia d'Hauterive tập hợp các tài liệu liên quan đến sự vụ xứ Đàng Trong. Những thông tin về vấn đề trên do Giám đốc Văn khố cung cấp thì cực kỳ mơ hồ: “Tôi nhớ đã nghe trước đây có nói đến xứ Đàng Trong và vào thuở ấy Giám mục Adran đã có viếng thăm Paris để cầu xin trợ giúp của nước Pháp. Việc thương lượng đã kéo dài... Giám mục sau đó đã đi xứ Đàng Trong. Tôi không dám bảo đảm chính xác những sự kiện ấy. Tôi chỉ trình bày chúng như một đối tượng của hồi ký...”.

Hoàng đế [Napoléon] nôn nóng truyền lệnh thực hiện những tìm kiếm mới trong văn khố của Bộ Hải quân và cuối cùng tìm được thư từ trao đổi giữa de Conway với La Luzerne. Nhưng sự sụp đổ của Đế chế đã làm chấm dứt mọi ý tưởng của một thời về việc can thiệp vào Đông Dương.

Kế hoạch tái tổ chức khu vực thuộc địa do nam tước Portal thực hiện, hẳn đã có tác dụng trước hết là khuyến khích các chủ tàu tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho thương mại nước Pháp, để cạnh tranh với người Anh là người trong thực tế độc quyền vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài vào. Những biện pháp thông minh mà chính phủ vua Louis XVIII thực hiện vào năm 1816 làm náo động trở lại sự đua tranh trong những hải cảng mà hoạt động của những hạm đội Anh quốc trước đây đã dập tắt trong những giai đoạn chiến tranh. Quận công de Richelieu²¹⁴ kích thích sự trang bị tàu bè bằng cách miễn đi một số quyền hạn hải quan để chiếu cố đến những hàng hóa ngoại nhập và việc phân cấp một tiền thưởng quan trọng cho mỗi chuyến viễn hành trở về. Không cần đợi lâu những kết quả của chính sách này. Kể từ năm 1816, những chủ tàu ở Bordeaux gửi đến An Nam hai tàu lớn mà các thuyền trưởng nhận sứ mệnh tiếp xúc với chính quyền An Nam đồng thời thiết lập những quan hệ đều đặn với dân chúng sống trên bờ. Hai chiếc tàu này có tàu hộ tống của hoàng gia *La Cybèle* đi kèm, do thuyền trưởng de Kergariou chỉ

huy, có nhiệm vụ giương cờ Pháp tại Viễn Đông và bảo vệ việc buôn bán của chúng ta trong trường hợp bất trắc²¹⁵.

Quận công Richelieu nghĩ rằng việc triển khai hoạt động sẽ đánh thức ở vua Gia Long những kỷ niệm của năm 1787, nhưng trong lúc vội vã muốn thấy *Cybèle* ra khơi, ông [Richelieu] đã quên trao cho ông Kergariou một lá thư thừa nhận tư cách của thuyền trưởng lúc ông này xin diện kiến nhà vua. Lỗi lầm này làm cuộc hành trình của Kergariou trở thành vô ích.

Hội tống hạm Pháp vào tháng 12 năm 1817 vào đến Tourane và gặp hai tàu đã đến đây trước và đang chuẩn bị quay về Pháp mà không thể bán được gì số hàng hóa trên tàu. Kergariou ngạc nhiên trước thái độ thiếu vốn vã của quan lại khi trả lời việc cầu thân của mình, ông khẩn khoản nhờ Vannier xin nhà vua một buổi triều kiến. Nhưng ông vấp phải một sự từ chối lễ độ. Vua Gia Long báo rằng rất tiếc không thể vi phạm luật lệ của vương quốc ngăn không cho nhà vua đón tiếp một thương dân. Tuy nhiên, nhà vua ban cho thuyền trưởng sự tiếp đón ân cần mà Chaigneau và Vannier cố gắng làm cho hấp dẫn: “Tôi rất vui”, Vannier đã viết cho ông Baroudel, “vì Kergariou tin chắc rằng sứ mạng của ông ấy thất bại không phải do tôi. Cố nhiên tôi rất muốn và hết lòng thu xếp để ông ấy có được một buổi triều kiến với đức vua. Nhưng những mảnh khoe của chốn cung đình và sự ngờ vực của hoàng thái tử đã làm việc tiếp xúc không thành công, lấy cớ về những luật lệ trong nước, và về việc Kergariou không có thư của vua nước Pháp gửi cho đức vua An Nam, mà cũng không có lấy một lá thư của bộ trưởng Pháp gửi cho quan thượng thư nơi đây, để nói rằng không biết làm thế nào để đón tiếp v.v... Thật là một sự vong ơn của một ông hoàng đã mắc nợ người châu Âu, nhất là người Pháp, trong việc chinh phục lãnh thổ mình. Tôi thú thật rằng ông Chaigneau và tôi đã rất chán đất An Nam này và chúng tôi sắp sửa ra đi. Lại thêm, hoàng thái tử kể vị đã nói sẽ truy hại thánh giáo của chúng ta rồi... Vả chăng, nếu

người ta không truy hại những người Thiên Chúa giáo, thì đó là bởi vì họ còn tôn trọng hai chúng tôi, nhưng mong rằng điều ấy không xảy ra. Nếu chúng tôi còn được tôn trọng trong vương quốc, thì người ta phải tưởng thưởng cho chúng tôi và cho phép chúng tôi ra đi. Điều ấy có thể có nghĩa rằng, ở An Nam, chúng tôi bị trả về. Theo sự trình bày này, ông có thể thấy rõ rằng sau khi nhà vua qua đời, sẽ rất khó khăn để chúng tôi còn ở lại thêm nữa. Sẽ không đúng về mặt chính trị nếu chúng tôi phàn nàn về nhà vua, bởi lẽ ngài luôn hết lòng với chúng tôi và tỏ ra coi trọng chúng tôi hơn cả mọi quan lại...”.

Vua Gia Long tránh né mọi cầu thân của quận công Richelieu. Lần đầu tiên không còn nghi ngờ gì nữa, với một sĩ quan Pháp trọng trách về một sứ mạng của chính phủ, nhà vua đã vừa tuyên bố rất dứt khoát ý muốn của mình tránh mọi mưu toan xích lại gần một quốc gia phương Tây.

Chaigneau không nhầm về việc này, ông cố tìm cách giảm bớt những tác dụng tồi tệ của việc thất bại này bằng cách xin nhà vua chấp nhận một chuyến tàu thương mại khác để bù đắp vào những tổn thất mà các chủ tàu ở Bordeaux đã phải chịu. Vua Gia Long, mặc dầu có sự phản đối của hoàng thái tử Đảm, đã chấp thuận cho tàu thương mại Pháp được tự do cập cảng Tourane. Ông Kergariou có vẽ bằng lòng và chuẩn bị ra khơi.

Tuy nhiên, quận công Richelieu vẫn muốn đeo đuổi kế hoạch của mình. Mục đích của ông không phải thành lập ở An Nam một thuộc địa mà việc khuếch trương vượt ra ngoài khuôn khổ của chính sách và những khả năng tài chính của chính phủ hoàng gia là người phải thanh toán một di sản quá nặng nề, mà để cung cấp cho việc trang bị tàu bè Pháp những phương tiện để tự phục hồi, đồng thời mở cho họ những hải cảng ở các biển miền châu Á. Ông không nản lòng thuyết phục vua Gia Long và viết thư cho Chaigneau yêu cầu chuẩn bị tình thế cho một thỏa ước mà ông vẫn khẳng định tin là sẽ xảy ra. Ông làm cho

Chaigneau tin tưởng ít nhiều bằng cách ban cho ông này huy chương Bắc đẩu Bội tinh.

Trong thời gian đó, những nhà buôn ở Bordeaux, phấn khởi vì những hứa hẹn mà Kergariou tuyên bố, đã trang bị hai chiếc tàu mới, *Larose* và *Henri*. Cả hai thuận lợi cập cảng Tourane với những hàng hóa trong danh sách do Vannier lập. Hàng hóa trên tàu được dỡ xuống bến miễn phí và được chấp thuận không bàn cãi gì, được trả tiền chu đáo và được thay thế chuyến hàng đã bán bằng một chuyến hàng trở về gồm trà, đường, tơ lụa sống, bạc thỏi. Chuyến đi thành công trọn vẹn và những thông tin do các thuyền trưởng mang lại làm cho Bộ trưởng [de Richelieu] vững tin trong những ảo tưởng của mình. Ông cho rằng đã đến lúc biến thái độ đúng đắn của nhà vua đối với các thương nhân Pháp thành một hiệp ước chính thức.

Vào lúc ấy Chaigneau muốn hồi hương, xin nhà vua nghỉ phép ba năm. Vua Gia Long chấp thuận bằng những lời lẽ thân ái nhất cho ông được phép được rời khỏi An Nam đồng thời bảo đảm rằng sẽ đón ông trở lại với cùng một sự trọng thị như trước, chứng thực những hứa hẹn bằng văn kiện theo đúng thể thức và giữ nguyên phẩm hàm cho ông.

Chaigneau lên tàu *Henri* tháng 11 năm 1819 và cập cảng Bordeaux tháng 4 năm 1820. Ông không hưởng kỳ nghỉ của mình bao nhiêu: vài ngày sau khi về nước, ông được nam tước Portal khi ấy là Bộ trưởng Bộ Hải quân gọi về Paris. Nam tước đón tiếp với nhiều trân trọng người bạn già của vua Gia Long, ghi chép với rất nhiều chú tâm những thông tin chính xác mà Chaigneau cung cấp về đất nước mà ông đã sống ở đây hai mươi sáu năm, về sự giàu có của xứ sở, tính cách của hoàng đế, phong tục của dân chúng, tình hình chính trị của đất nước. Chaigneau không giấu những lo ngại đã nảy nở trong tâm trí về thái độ thù nghịch của hoàng thái tử [Đảm] đối với người châu Âu và đặc biệt đối với người Pháp. Ông trình bày hoàn cảnh bấp bênh của các giáo sĩ thừa sai, bị lung túng trong hoạt động của Hội

Truyền giáo bởi sự bất tín nhiệm của hoàng thái tử Đảm mà ảnh hưởng càng ngày càng lớn trong hệ thống hành chính của vương quốc trong khi sức khỏe của vua cha càng lúc càng giảm sút.

Ông không đợi điều gì tốt lành cho nước Pháp từ triều đại mới sẽ sớm kế vị, và ông không giấu điều đó với bộ trưởng.

Những thông tin ấy làm Portal thất vọng. Nhưng thúc đẩy bởi những chủ tàu ở Bordeaux, ông thôi thúc nhà vua quyết định gửi một đại diện có năng lực của chính phủ, có nhiệm vụ thương thảo một hiệp ước thương mại.

Chaigneau cũng được chỉ định để hoàn thành vai trò tế nhị ấy. Ông được phong Lãnh sự của nước Pháp, ủy viên của đức vua²¹⁶, tước hiệp sĩ Saint-Louis và lên tàu năm 1821, mang theo những quà tặng cho hoàng đế, những loại thuốc chủng và một bộ Bách khoa toàn thư năm 1760, để truyền bá ở Đông Dương những kiến thức về nghệ thuật và khoa học của phương Tây.

Lúc ông cập cảng Tourane vào tháng 6 năm 1821, thì ông phải gửi các quà tặng và ủy nhiệm thư cho các quan đại diện vua Minh Mạng vì vua Gia Long đã qua đời ngày 2 tháng 2 năm 1820.

Sự mất mát ấy đã lấy đi ở người Lãnh sự mới này mọi ảo tưởng cuối cùng mà ông gìn giữ cho giải pháp sứ mệnh của mình. Dầu sao ông cũng tìm cách, trong dịp giới thiệu long trọng ủy nhiệm thư của vua Louis XVIII, làm cho vua Minh Mạng xem ra thích thú ý nguyện xích lại gần nhau được vua nước Pháp trình bày, và lợi ích mà An Nam rút ra được từ một hoạt động thương mại hỗ tương. Nhưng hoàng đế đã tỏ rõ cho ông hiểu ý định không thực hiện một cam kết nào về vấn đề này. Chaigneau rút lui thất vọng.

Vua Minh Mạng nhấn mạnh thái độ của mình bằng cách từ chối thừa nhận như đã thấy, người đại diện của chính phủ Pháp mà nhà vua vẫn còn tiếp tục xem như một viên quan ở triều

đình mình. Chaigneau hiểu ra rằng việc kéo dài thời gian lưu trú tại Đông Dương chỉ làm kích động tính nhạy cảm ngò vục của nhà vua, xuống tàu về Pháp với Vannier²¹⁷ sau khi xin được nghỉ việc vĩnh viễn. Việc xin nghỉ được chấp thuận không chút luyến tiếc.

Việc ra đi của Chaigneau làm chấm dứt đột ngột những quan hệ mà người Pháp đã duy trì trong ba mươi năm ở An Nam vì lợi ích lớn nhất cho triều đại mới. Cháu họ của Chaigneau có một thời là chủ rợ án của lãnh sự quán đã cố tìm cách trở về với vua Minh Mạng để tiếp tục thực hiện chức vụ của mình. Người cháu đã rời Manille nơi mà ông ấy có mặt năm 1825, cho rằng sự chống đối việc trở lại của ông bắt nguồn từ ý định xấu của những quan lại cấp dưới. Nhưng tàu của ông đi nhờ gặp tai nạn cách Tourane không xa. Ông được đón về với tư cách một kẻ đắm tàu và hoàng đế từ khước đón tiếp ông như một nhân viên của vua nước Pháp, vì ngại bị buộc phải chấp nhận những quyền tương tự với người Anh.

Thế là chấm dứt, bằng sự quay trở lại với những truyền thống phong tỏa, cuộc phiêu lưu lạ lùng nhất và cũng ít được biết nhất trong những cuộc phiêu lưu viễn xứ, qua đó hai chủng tộc rất khác biệt nhau đã đến gần với nhau mà không hề hiểu được nhau.

Có thể kết luận rằng vua Gia Long đã bị sức mạnh của những biến cố chính trị xô đẩy, buộc ông theo đuổi chính sách của các tiên vương bằng cách chú tâm gắn kết chặt chẽ sự nghiệp thống nhất vương quốc mà sự tương tranh của các dòng họ lớn có đặc quyền đã ngăn trở rất lâu dài.

Nhà vua đã tiếp tục công việc đồng hóa rất hòa bình ở Cao Miên bằng cách phân bổ di cư những nhóm nông phu mà ông duy trì dưới quyền quản lý của quan lại, đồng thời phát triển nguyên tắc luật ấy rất khôn khéo. Nhờ thế nhà vua gìn giữ cho những người An Nam cư trú trên đất nước ngoài những quyền

hạn tư pháp rộng rãi như thế họ đã không hề vượt quá biên giới vương quốc.

Nhà vua đã xa lánh những người châu Âu với một thái độ nghi kỵ, tuy thế không từ chối những lợi ích vô vị lợi mà nhà vua có thể có được, đó là những đường nét cốt lõi của một chính sách mà vua Minh Mạng theo đuổi với một thái độ kiên định không lay chuyển.

Những người kế nghiệp vua Gia Long, trong cuộc kháng cự ngạo nghễ đối với mọi hoạt động quốc tế, tưởng rằng được an toàn trước những âm mưu của các cường quốc phương Tây nhờ vẻ ngoài hoa mỹ tráng lệ nhưng chao đảo của một tổ chức xưa cũ của họ. Họ không hiểu được rằng, sự bền vững của quyền lãnh đạo quốc gia trước hết đòi hỏi phải có sự hòa hợp của những nguyên tắc với sự vận động bất khả kháng của cuộc tiến hóa toàn cầu và chẳng bao lâu những thể thức lỗi thời trong đường lối ngoại giao của họ sẽ trở nên bất lực để giữ gìn ở An Nam bản sắc dân tộc và sự toàn vẹn bề mặt mà vì thế họ đã chiến đấu trong suốt nhiều thế kỷ qua.

Thư mục tham khảo

Capitaine Gosselin: *L'Empire d'Annam*.

Cultru: *Histoire de la Cochinchine française*.

Albert de Pouvourville: *La question d'Extrême-Orient*.

P.B. Trương-Vĩnh-Ký: *Cours d'Histoire annamite*.

Maybon: *Notes*.

Essais d'identification des noms annamites de L. Maitre.

Documents réunis par le P. Cadière.

Lettre de M. La Barette à M. Alary du 24 juillet 1780, *Archives des Missions Étrangères Paris* (Văn khố Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris, viết tắt là *MEP*) 746, R 23.

Lettre du même à M. Blandin du 13 avril 1784, *MEP* 746, R 36.

Lettre de M. le Roy à M. Blandin du 6 décembre 1786, *MEP* 691, p. 767, 771.

Lettre de M. Serard à M. Blandin du 31 juillet 1786, *MEP* 691, R 777, 785.

Lettre de M. la Barette à M. Blandin du 23 juin 1786, *MEP* 746, R 175, 178.

Lettre du même à M. Descouvrière 10 juillet, 10 août 1786, *MEP* 746, P. 181, 183.

Lettre de M. Longer à M. Blandin du 3 mai 1787, *MEP* 746, P. 197, 200.

Lettre de M. Doussain à M. Blandin du 6 juin 1787, *MEP* 746, P. 201, 204.

Lettre de M. Doussain à M. Blandin du 16 juin 1788, *MEP* 766, P. 227.

Lettre de M. Boisserand du 11 août 1789, *MEP* 746, P. 256, 258.

Lettre de M. Boisserand à M. Descourvières du 8 juillet 1787, *MEP* 746, P. 206.

Lettre de M. Lavoué à M. Boiret du 10 octobre 1790, *MEP* 746, P. 278, 279.

Lettre de M. Liot à M. Boiret du 8 janvier 1791, *MEP* 740, P. 313, 314.

Lettre de l'Evêque d'Adran à M. Boiret du 20 juin 1792, *MEP* 746, P. 365, 368.

Lettre de M. Boiret à M. Le Labousse du 20 juin 1792, *MEP* 746, P. 370, 371.

Lettre de l'Evêque d'Adran à Mgr. Doliche, *MEP* 746, P. 387, 388.

Lettre de M. Liot aux Directeurs du Séminaire à Paris, de Tan- Trieu dans le Dong-Nai le 18 juillet 1792, *MEP* 744, P. 392-393.

Lettre de M. Le Labousse à M. Boiret du 6 juin 1793 (Saigon), *MEP* 746, P. 421, 422.

Lettre de M. Lavoué à M. Hody, 31 juillet 1793, *MEP* 746, P. 425.

Lettre de M. Lavoué à M. Blandin du 1er août 1793, *MEP* 746, P. 430-431.

Lettre de M. Letondal du 20 décembre 1793, *Bibliothèque Vittorio Emanuele* à Rome Mss.Gesuitici, 198 (document 10).

Lettre Mgr. d'Adran du 16 juin 1794, *Bibliothèque Vittorio Emanuele* à Rome, Mss.Gesuitici 198 (document 10, P. 108).

Lettre de Mgr. de Gortyne du 22 avril 1794, *Bibliothèque Vittorio Emanuele* à Rome 198 (document 10, P. 103).

Lettre de M. Lavoué à MM. Boiret et Descouvrières du 13 mai 1795, *MEP* 746, P. 464-470.

Lettre de M. de Labousse à M. Letondal du 22 juin 1795, *MEP* 801, P. 601-603.

Lettre de M. Gire à MM. Boiret, Chaumont et Blandin du 12 janvier 1796, *MEP* 746, P. 549-552.

Lettre de M. Le Labousse à M. Blandin du 25 juin 1797, *MEP* 746, P. 564.

Lettre de M. Chaigneau du 10 juin 1798, *MEP* 801, P. 729-731.

Lettre de M. Liot du 25 juin 1799, *MEP* 746, P. 770-771.

Lettre de M. Le Labousse aux Directeurs du Séminaire à Paris le 24 avril 1800, *MEP* 746, P. 869-872.

Lettre de M. Chaigneau à M. Barisy du 2 mars 1801, *MEP* 801, P. 857.

Lettre de M. Barisy à M. Letondal du 11 avril 1801, *MEP* 801, P. 867-871.

Lettre de M. Barisy à M. Letondal ou Marquini du 16 avril 1801, *MEP* 801, R 915-917.

Lettre de M. Le Labousse aux Directeurs du Séminaire du 20 avril 1801, *MEP* 747, R 5-8. Lettre de Mgr. La Bartette aux Directeurs du Séminaire du 27 juin 1801, *MEP* 747, P. 17.

Lettre de M. Barisy à MM. Marquini et Letondal du 16 juillet 1801, *MEP* 801, P. 951-970.

Lettre de M. Langlois à M. Boiret du 3 septembre 1802, *MEP* 693, P. 632-638.

Lettre de Mgr. La Bartette à M. Foulon du 15 avril 1804, *MEP* 802, P. 1041-1042.

Lettre de M. Chaigneau à M. Letondal date du 1806 ou 1807, *MEP* 312, P. 853-854.

Lettre de M. Chaigneau à M. Letondal du 6 juin 1807, *MEP* 801, P. 1191-1192.

Lettre du même au même du 12 mai 1808, *MEP* 801, P. 1237-1238.

Lettre du même au même du 30 mai 1812, *MEP* 801, P. 1365-1366.

Lettre de M. Audemar du 28 avril 1811, *MEP* 801, P. 1342.

Lettre de M. Chaigneau à M. Baroudel du 3 juin 1819, *MEP* 801, P. 1471-1472.

Lettre de M. Vannier à M. Baroudel du 15 juin 1819, *MEP* 801, P. 1477-1478.

Lettre de M. Bartette à M. Baroudel du 5 juin 1820, *MEP* 801, P. 1495-1496.

Lettre de M. Vannier à M. Baroudel du 13 juillet 1820, *MEP* 801, P. 1487-1489.

Lettre de Mgr. La Bartette à M. Baroudel, du 13 juin 1821, *MEP* 801, P. 1515-1517.

Lettre de Mgr. La Bartette à M. Breluque du 27 juillet 1821, *MEP* 747, P. 830.

Lettre de M, Vannier à M, Baroudel du 2 août 1821, *MEP* 747, P. 819-820.

Tủ sách Pháp ngữ - Góc nhìn sử Việt

(do Alphabooks / Omega+ phát hành tính đến thời điểm tháng 03/2020)

1. *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*, (Les débuts de l'installation du système colonial français au Vietnam (1858-1897)), Nguyễn Xuân Thọ
2. *Đế quốc An Nam* (L'Empire d'Annam), Jules Silvestre
3. *Đề Thám (1846-1915): Một nghĩa sĩ Việt Nam chống lại chế độ thuộc địa Pháp* (Le Dê Thám (1846-1913): Un résistant vietnamien à la colonisation française), Claude Gendre
4. *Đời Tổng Giám mục Puginier* (Vie de mgr Puginier), Louis-Eugène Louvet
5. *Đông Dương: Một công cuộc thực dân hóa nhập nhằng, 1858-1954* (tạm dịch) (Indochine, la colonisation ambiguë, 1858-1954), Pierre Brocheux - Daniel Hemery
6. *Hoàng Thị Thế: Con gái Đề Thám và quân bài chính trị của thực dân Pháp* (Hoàng Thị Thê: Fille du Dê Thám et jouet de la politique coloniale française), Claude Gendre
7. *Hội kín xứ An Nam* (Les Sociétés Secrètes en terre d'Annam), Georges Coulet
8. *Một chiến dịch ở Bắc kỳ* (Une campagne au Tonkin), Charles Édouard Hocquard
9. *Nghiên cứu bản đồ các cửa sông, hải cảng ở Việt Nam thế kỷ XV* (Étude sur un Portulan annamite du XV siècle), Gustave Dumontier
10. *Paul Doumer, Toàn quyền Đông Dương (1897-1902): Bàn đạp thuộc địa* (Paul Doumer, gouverneur général de l'Indochine (1897-1902): Le tremplin colonial), Amaury Lorin
11. *Phan Thanh Giản: Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại* (Phan Thanh Gian: Patriote et Précurseur du Vietnam moderne), Phan Thị Minh Lễ và Pierre Ph. Chanfreau
12. *Tâm lý dân tộc An Nam* (Psychologic du Peuple annamite), Paul Giran
13. *Tiểu luận về dân Bắc kỳ* (Essais sur les Tonkinoises), Gustave Dumontier
14. *Việt Nam qua tuần san Indochine 1941-1944*, Lưu Đình Tuân tuyển dịch
15. *Vua Gia Long* (Gia-Long), Marcel Gaultier
16. *Xứ Đông Dương* (L'Indochine française), Paul Doumer

Ghi chú:

- (1) Dịch theo nguyên văn: Annam. Bấy giờ, quốc hiệu của nước ta là Việt Nam, toàn bộ lãnh thổ rộng lớn do vua Minh Mạng cai trị (1820-1841), đến năm 1838 mới đổi quốc hiệu thành Đại Nam. (Toàn bộ cước chú trong ấn bản tiếng Việt này do Ban Biên tập Omega+ thực hiện).
- (2) Thập niên 1930, thời điểm tác phẩm này ra đời.
- (3) Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh (hay thường dùng là Nguyễn Ánh) lấy niên hiệu là Gia Long, đóng đô tại thành Phú Xuân (Huế).
- (4) Túc Giám mục Bá Đa Lộc theo cách gọi quen thuộc của người Việt Nam, hoặc Cha Cả. Tên đầy đủ là Pierre Joseph Georges Pigneau de Béhaine (1741-1799), người Pháp, Giám mục hiệu tòa Adran nên cũng thường được gọi là Giám mục Adran.
- (5) Theo trật tự thế giới Đông Á cũ, Trung Quốc là “thiên triều”, tự cho mình vai trò “mở mang khai hóa” các “phiên quốc” xung quanh: Việt Nam ở giáp biên giới phía nam của Trung Quốc là “Nam man”; Triều Tiên, Nhật Bản nằm về phía đông là “Đông di”. “Bắc địch” và “Tây nhung” là tên gọi các dân tộc ở phía bắc và phía tây của Trung Quốc.
- (6) Nhà Thục (257-207) trước Công nguyên.
- (7) Nước Nam Việt do Triệu Đà lập ra năm Quý Tỵ (năm 207 trước Công nguyên).
- (8) Triệu Ai vương (?-112 TCN), tên Triệu Hưng (趙興), vị vua thứ tư nhà Triệu nước Nam Việt, trị vì giai đoạn 113-112 TCN.
- (9) Lữ Gia (190-111 TCN), tên hiệu là Báo Công (保公), làm thừa tướng qua ba đời vua nhà Triệu nước Nam Việt.
- (10) Triệu Đà nhà Triệu tự lập Nam Việt hoàng đế vào năm Mậu Ngọ (năm 183 trước Công nguyên), tức Triệu Vũ vương, về sau mới chịu bỏ đế hiệu, thần phục nhà Hán.
- (11) Đây là thời Triệu Dương vương, năm Canh Ngọ (năm 111 trước Công nguyên), nước Nam Việt bị nhà Hán đánh chiếm, cải thành Giao Chỉ bộ và chia thành chín quận do quan thứ sử giám sát chung, mỗi quận có quan thái thú cai trị.
- (12) Hơn sáu mươi thành trì.
- (13) Tương truyền, hai bà gieo mình xuống Hát giang tự tử.
- (14) Khắc sáu chữ “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt” (cây đồng trụ mà đổ thì người Giao Chỉ mất nòi).
- (15) Giai đoạn Bắc thuộc lần thứ hai (43-544), năm 544 là mốc nhà Tiền Lý.
- (16) Đoạn cuối đời nhà Đông Hán, thời thái thú Sĩ Nhiếp dẹp loạn.
- (17) Nguyên văn: Trien et Ly-Phat-Tu. Năm 544, Lý Bí lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Lý Nam đế, đóng đô ở Vạn Xuân, về sau, Lý Phật Tử cũng xưng là Lý Nam đế, sử Việt gọi là Hậu Lý Nam đế.
- (18) Nguyên văn: vice-roi, tức thứ sử [Giao Châu] Tiêu Tư. Ở đây chúng tôi dịch theo nguyên bản tiếng Pháp, vice-roi được người Pháp dùng để chỉ Kinh lược sứ/Kinh lược đại thần thời Pháp thuộc sau này, tác giả dùng vice-roi trong ngữ cảnh này là chưa đúng.
- (19) Nguyên văn: Minh-huong. Ở đây chỉ người Tàu/Hoa kiều/Hoa thương, Minh hương chỉ được dùng giai đoạn sau khi nhà Thanh chiếm Trung Nguyên, những người Hoa không tuân lệnh nhà Thanh, gióc tóc đuôi sam bỏ xuống vùng Đông Nam Á, tạo thành nhóm gọi chung là Minh hương, từ gốc nhà Minh, và phản Thanh phục Minh.

(20) Nhà Tiền Lý tồn tại được năm mươi tám năm (544-602), Lý Phật Tử hàng phục nhà Tùy, mở ra giai đoạn Bắc thuộc lần thứ ba (603-939).

(21) Túc việc đánh nhau giữa Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử.

(22) Bấy giờ, bên Trung Quốc, nhà Đường thay nhà Tùy cai quản. Năm Kỷ Mão (679), vua Đường Cao Tông chia đất Giao Châu thành mười ba châu (mười hai châu và một châu kìm (Man Châu)), năm mươi chín huyện và đặt An Nam đô hộ phủ.

(23) Chúng tôi chưa rõ ý tác giả nói đến sự kiện nào. Từ đầu đến cuối năm 546, quân Lý Nam đế đã giao chiến nhiều lần với quân của Trần Bá Tiên.

(24) Cao Biền là quan đô hộ An Nam thời Bắc thuộc, trấn nhậm Giao Châu từ năm 866 đến năm 887. Năm 865, sau khi đánh thắng quân Nam Chiếu, Cao Biền được cử làm Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ, cai quản Giao Châu và Quảng Châu. Cao Biền được gọi là Cao vương. Cao Biền là nhân vật có nhiều huyền thoại ở Việt Nam, vì vậy cũng có nhiều sử liệu không nhất quán về ông.

(25) Sau Cao Biền là đoạn sử dài liên quan đến họ Khúc và Dương Diên Nghệ. Sau khi giết được nghịch thần Kiều Công Tiễn và thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (năm 938), Ngô Quyền xưng vương năm Kỷ Hợi (939), đóng đô ở Cổ Loa, mở ra thời kỳ tự chủ sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc. Ngô Quyền ở ngôi được sáu năm (939-944).

(26) Từ thời Tiền Ngô, đến Dương Tam Kha tiếm ngôi và cuối cùng là Hậu Ngô kéo dài gần ba mươi năm (939-965).

(27) Thập nhị sứ quân hình thành và cát cứ trong giai đoạn 945-967.

(28) Chúng tôi chưa rõ hiệp ước tác giả đề cập là gì. Năm 618 là mốc nhà Đường thay nhà Tùy bên Trung Quốc, đến năm 679 thì nhà Đường mới chia Giao Châu thành nhiều châu, quận như đã đề cập ở trước. Có lẽ tác giả muốn ghép loạn mười hai sứ quân với chuyện lập An Nam đô hộ phủ chăng?

(29) Đinh Bộ Lĩnh theo sứ quân Trần Minh Công (Trần Lãm) trấn giữ Bố Hải Khẩu (phủ Kiến Xương, Thái Bình), sau khi Trần Minh Công mất, Đinh Bộ Lĩnh đem quân về Hoa Lư, chiêu mộ người tài, đánh đâu thắng đấy, được tôn là Vạn Thắng vương. Năm Mậu Thìn (968), lên ngôi hoàng đế (Tiên Hoàng đế), đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

(30) Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trai (Nam Việt vương Đinh Liễn) bị Đỗ Thích giết chết, Tiên Hoàng ở ngôi được mười hai năm.

(31) Sau khi Đinh Tiên Hoàng thăng hà, Vệ vương Đinh Tuệ lúc đó mới sáu tuổi kế vị, quyền chính nằm trong tay Thập đạo tướng quân Lê Hoàn và Dương Thái hậu. Bấy giờ, nhà Tống hay tin Tiên Hoàng mất, thừa cơ sang xâm lược. Để chống giặc phương Bắc, Lê Hoàn được tôn lên làm vua (Đại Hành hoàng đế, năm 980), giáng Đinh Tuệ xuống làm Vệ vương, sử gọi là Phế đế.

(32) Sau trận chiến Tống - Việt trên sông Bạch Đằng năm 981, Lê Hoàn chiến thắng vang dội.

(33) Lý Thái Tông là hoàng đế thứ hai của vương triều Lý, tên là Lý Phật Mã, con trưởng của Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn), ở ngôi hai mươi sáu năm (1028-1054).

(34) Ý tác giả muốn nói đến giặc Nùng Trí Cao năm 1048, Trí Cao chiếm tám châu ở đất Quảng Đông và Quảng Tây. Vua nhà Tống muốn nhờ quân nhà Lý [Thánh Tông] đánh Nùng Trí Cao nhưng bị tướng狄 狄 Thanh can ngăn.

(35) Quốc hiệu Đại Việt có từ thời vua Lý Thánh Tông, năm 1054.

(36) Năm 1127 là mốc phân chia Nam Tống và Bắc Tống (nhà Kim) bên Trung Quốc, chúng tôi chưa rõ tác giả muốn nói đến sự kiện nào.

(37) Năm 1192 là thời điểm vua Lý Cao Tông trị vì ở Đại Việt (giai đoạn 1176-1210). Trong đoạn văn trên, tác giả viết là Ly-Hou và Ly-Anh, chúng tôi chép theo nguyên văn. Căn cứ vào sử liệu, đoạn sử này có lẽ thuộc thời Lý Nhân Tông (1072-1127) với sự kiện Lý Thường Kiệt đưa quân đánh sâu vào đất Tống năm 1075 và nhà Lý đánh Tống bình Chiêm, cải thiện quan hệ ngoại giao với nhà Tống, được các nước phía nam triều cống.

(38) Túc Qubilai Khan, thư tịch Trung Quốc (*Nguyên sử*) phiên âm là Hốt Tất Liệt, đời Thanh Càn Long đổi phiên âm là Hồ Tất Lai.

(39) Hay Tatar. Tatar (Ta-ta) là tên một bộ lạc Mông Cổ nhưng người ta thường dùng để chỉ người Mông Cổ nói chung (còn gọi là Tartar). Trung Quốc dịch âm là Thát Đát.

(40) Lý Huệ Tông (cai trị từ 1211-1224) phát điên, trao ngai vàng cho Lý Chiêu Hoàng, một công chúa mới lên bảy.

(41) Sự biến ngày 11 tháng Chạp năm Ất Dậu (tức ngày 10 tháng 1 năm 1226), ngôi vua về tay Trần Cảnh, vương triều Lý sụp đổ.

(42) Chữ hiệp ước ở đây và một số chỗ khác chúng tôi dịch theo nguyên văn, có thể hiểu là những thỏa thuận về sắc phong, triều cống... trong bang giao giữa hai nước... Có lẽ hiệp ước 1259 mà tác giả lặp lại vài lần là thỏa thuận năm 1258 mà chúng tôi đề cập ở cước chú ngay sau đây.

(43) Toàn thư, quyển 5, t. 24a, chép rằng tháng Giêng năm Nguyên Phong thứ 8 (ngày 5 tháng 2 đến ngày 6 tháng năm 1258) đời Trần Thái Tông, sứ Mông Cổ sang sách nhiễu tuế cống, vua còn phân vân chưa định nên sai Lê Phụ Trần đi sứ, Chu Bác Lãm làm phó. Từ Văn Nam, Ngột Lương Hợp Thai (Uriyangpdai) đã dẫn họ đến gặp chúa Mông Cổ Möngkä (sử Việt gọi là Mông Kha) bấy giờ ở vùng Thiểm Tây. Sứ bộ đã đi đến thỏa thuận là định lệ ba năm cống một lần. Xem: Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb. Hồng Đức và DTBooks Hà Nội, 2019, tr. 81.

Gần hai mươi lăm năm, giai đoạn 1258-1284 là thời kỳ đấu tranh ngoại giao, bang giao Việt-Mông khôn khéo của nhà Trần.

(44) Túc Trần Thánh Tông (1258-1278), thái tử Hoảng, tức Nhật Huyền trong sử liệu Trung Quốc.

(45) Tên Trần Cảnh, ở ngôi từ năm 1225 đến năm 1293, tức Nhật Cảnh và Quang Bính trong sử liệu Trung Quốc. Ngày 30 tháng 3 năm 1258 (24 tháng Hai năm Mậu Ngọ), thái tử Hoảng lên ngôi, tức Trần Thánh Tông. Lúc đó, Thái Tông Cảnh làm thượng hoàng, đối với Mông Cổ thì Thái Tông vẫn là vua An Nam với tên Quang Bính trong thư từ.

(46) Chúa Mông Cổ sai Nur ud-Dīn, một tín đồ Hồi giáo, đưa thư sang Đại Việt, trong thư có đoạn "... Nếu các ngươi thật lòng nội phục thì quốc chủ phải thân đến, nhược bằng còn không sửa lỗi thì nói rõ cho ta biết." Trần Thái Tông vẫn không sang châu. Dẫn theo: Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, sdd, tr. 82.

(47) Trần Anh Tông (1293-1314), niên hiệu Hưng Long.

(48) Trần Minh Tông (1314-1329), niên hiệu Đại Khánh, Khai Thái.

(49) Trần Hiến Tông (1329-1341), niên hiệu Khai Hữu.

(50) Nhà Minh đánh tan quân nhà Hồ, chia nước Nam thành mười bảy phủ, năm châu...

(51) Quốc hiệu của nước ta thời Hồ Quý Ly (1400) và Hồ Hán Thương (1401-1407).

(52) Có lẽ tác giả nói đến nhà Hậu Trần, Giản Định đế (1407-1409) và Trần Quý Khoách (1403-1413).

(53) Sau trận Thuận Hóa (năm Quý Ty, 1413), Đặng Dung và Nguyễn Súy bị Trương Phụ đánh bại, phải bỏ chạy. Trần Quý Khoách lánh ẩn trong rừng núi, sau bị bắt. Trên đường đi, Trần Quý Khoách nhảy xuống bể tự tử.

(54) Thời thuộc Minh (1414-1427).

(55) Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn (1418-1427).

(56) Bình Định vương Lê Lợi lên ngôi, trị vì từ năm 1428 đến năm 1433, đặt quốc hiệu là Đại Việt, sử gọi là vua Lê Thái Tổ.

(57) Sau khi chiến thắng quân Minh, Lê Lợi cầu phong năm 1429 (lấy cớ là họ Trần không còn ai) nhưng đến năm 1431 nhà Minh mới sai Từ Kỳ mang ấn sang cho Lê Lợi “*quyền thụ quốc sự*” (tạm quyền coi việc nước). Danh hàm ấy kéo dài đến mấy đời, đến năm Thái Hòa thứ nhất (1443), nhà Minh mới chính thức phong cho vua Lê Nhân Tông làm An Nam quốc vương.

(58) Nguyên văn: Le roi Oai, tức Lê Tương Dực (1510-1516), niên hiệu Hồng Thuận.

(59) Nguyên văn: Huynh. Lê Tương Dực bị đám Trịnh Duy Sản và Lê Quảng Độ giết, qua nhiều cuộc rối loạn, lập Lê Ý (mười bốn tuổi) làm vua, tức vua Lê Chiêu Tông (1516-1526) với niên hiệu Quang Thiệu trong lịch sử.

(60) Mạc Đăng Dung chuyên quyền, vua Chiêu Tông mưu ngầm đánh họ Mạc. Mạc Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua, tức Lê Cung Hoàng niên hiệu Thống Nguyên (1527) trong lịch sử. Năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung lên ngôi với niên hiệu Minh Đức.

(61) Nhân cơ Mạc Đăng Dung tiến ngôi, nhà Minh đem quân sang hỏi tội. Mạc Đăng Dung và Mạc Phúc Hải tự trói ra hàng ở Nam Quan. Giao bốn động (Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát) về châu Khâm (Quảng Đông) cho Minh và dâng bảy châu Quảng Lăng và các trại... nhập về Vân Nam.

(62) Giai đoạn Nam triều (Hậu Lê, nắm vùng đất từ Thanh Hóa trở vào) - Bắc triều (nhà Mạc, từ Sơn Nam trở ra) trong lịch sử, đánh nhau qua lại hơn năm mươi năm.

(63) Chép theo nguyên văn, năm 1558 thuộc thời Lê Anh Tông (1556-1573) giai đoạn Nam Bắc triều.

(64) Họ Mạc chỉ được phong Đô Thống Sứ, đổi nước ta thành An Nam đô thống sứ ty.

(65) Thời Lê trung hưng, năm 1597 vua Lê sai Phùng Khắc Khoan đem người bằng vàng sang cầu phong, chỉ được vua Minh phong làm An Nam Đô Thống Sứ, ngang với nhà Mạc.

(66) Ý nói chính sách bảo hộ của Pháp ở thời điểm tác giả viết cuốn sách này.

(67) Lê Duy Đàm.

(68) Chép theo nguyên văn, năm 1548 có sứ đoàn do Lê Quang Bí dẫn đầu sang cầu phong cho vua mới là Mạc Tuyên Tông.

(69) Khang Hi lên ngôi năm 1662, lúc tám tuổi, vị vua thứ hai của triều đại nhà Thanh.

(70) Nguyên văn: Lê-Duyên. Cùng thời với Khang Hi bên Trung Quốc là vua Lê Huyền Tông, niên hiệu Cảnh Trị, tên là Lê Duy Vũ.

(71) Năm Quý Mão (1663), Trịnh Tạc sai sứ sang Trung Hoa cầu phong cho vua Lê, năm Đinh Mùi (1667) Khang Hi sai sứ sang phong cho vua Lê [Huyền Tông] làm An Nam quốc vương, hai bên thông sứ với nhau từ đó.

(72) Trịnh Tráng mất năm 1657, Khang Hi trị vì Trung Hoa từ năm 1662, vì vậy việc phong chức cho Trịnh Tráng là sự kiện diễn ra trước đó. Năm 1646, khi bị quân Thanh đánh đuổi xuống phương Nam, nhà Minh phong cho Lê Thần Tông (lúc đó đã chết) làm An Nam quốc vương; năm 1651, nhà Minh phong cho Trịnh Tráng làm phó quốc vương.

Sau khi nhà Minh mất hẳn, Khang Hi (nhà Thanh) phong cho vua Lê Huyền Tông làm An Nam quốc vương (1667) nhưng bắt phải đem sắc ấn cũ của nhà Minh nộp lại.

(73) Khởi đi từ sự kiện Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558.

(74) Nguyên văn: 1623. Điểm điểm của mâu thuẫn là cuộc chiến năm 1627, trong vòng bốn mươi lăm năm (1627-1672) có đến tám cuộc chiến lớn nhỏ giữa hai bên để tranh giành phần đất từ phía nam đèo Ngang đến sông Nhật Lệ.

(75) Baldinotti người Ý, sinh năm 1591 tại Pistoia, gia nhập giáo đoàn Jesus năm 1609. Ông đến Đàng Ngoài thời chúa Trịnh Tráng, chứng kiến các sinh hoạt chốn cung đình và cuộc sống thường ngày ở Kẻ Chợ...

(76) Alexandre de Rhodes đến Đàng Ngoài năm 1627, thời vua Lê Thần Tông (1619-1643) và Thanh Đô vương Trịnh Tráng (1623-1657).

(77) Tháng 5 năm 1630, cha de Rhodes bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Ông sang Áo Môn (Macao ngày nay) giảng dạy Thần học khoảng mười năm, năm 1640 đến Đàng Trong để thay thế cho giáo sĩ Buzomi.

(78) Hội An bây giờ.

(79) Chi tiết này cần được xem xét, đánh giá thận trọng.

(80) Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), vị chúa Nguyễn thứ ba của chính quyền Đàng Trong.

(81) Sau khi nhân viên chỉ điểm hành quyết một gia nhân người Đàng Trong thì bảy nhà buôn bị chặt đầu và hai người được thả về Batavia để tường trình về những việc xảy ra.

(82) Công Thượng vương từ chối thả những người Hà Lan đang bị giam giữ, năm chiếc thuyền của Công ty Đông Ấn Hà Lan do viên thuyền trưởng Jacob van Liesvelt chỉ huy đổ bộ tấn công quân Đàng Trong, van Liesvelt cùng nhiều thuyền viên bị giết trong trận chiến.

(83) Vĩnh Tourane ở Đà Nẵng bây giờ. Vachet sinh ngày 30 tháng 10 năm 1631 tại Dijon, đến Đàng Trong năm 167-, qua đời ở chủng viện của Hội truyền giáo hải ngoại (Paris) vào ngày 16 tháng 1 năm 1720.

(84) Sau khi giành thắng lợi trong trận thủy chiến năm 1643, chúa Nguyễn Phúc Lan dè chừng hơn với các giáo sĩ. Năm 1645, chúa trục xuất nhiều giáo sĩ, de Rhodes bị giam giữ nhiều ngày, sau đó phải rời Đàng Trong và quay trở lại Áo Môn.

(85) William Gyfford đến Đàng Ngoài ngày 25 tháng 6 năm 1672 và rời khỏi xứ này năm 1676.

(86) Nguyên văn: Bowyeard, chúng tôi đã hiệu chỉnh trong phần chính văn, thương nhân Thomas Bowyear đến Đàng Trong năm 1695-1696.

(87) Minh vương Nguyễn Phúc Chu, vị chúa thứ sáu của chính quyền Đàng Trong, cầm quyền ba mươi bốn năm (1691-1725).

(88) Nguyên văn: Dang-ngoai.

(89) Nguyên văn: Hien-vuong. Năm 1681 là cuối thời Tây Định vương Trịnh Tạc.

(90) Năm 1684.

(91) Về nhân vật này, Charles Maybon trong *Những người châu Âu ở nước An Nam* (Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2018) cho rằng Castonnet des Fosses là người “nói đến một nhân viên Công ty Ấn Độ, tên là Le Chappelier, tới Đàng Ngoài năm 1684”. Tuy nhiên, đối chiếu các sử kiện thì Maybon không tìm thấy tên Le Chappelier mà chỉ có tên Chappelain. Maybon đặt câu hỏi: “Liệu ta có phải cho rằng Castonnet des Fosses đã đọc nhầm tên không?”

(92) Có thể tác giả muốn nói đến sự sụp đổ của nhà tài phiệt người Scotland John Law và bong bóng tài chính Mississippi Company tại Pháp vào thập niên 1720, một trong những vụ bong bóng kinh tế - tài chính lớn nhất trong lịch sử.

(93) Vùng đất Ấn Độ thuộc Pháp.

(94) Dupleix, tổng chỉ huy các cơ sở của người Pháp tại Ấn Độ từ năm 1742, khi Dupleix đang tiến hành dự định đặt quan hệ với chúa Nguyễn (Đàng Trong) thì Pierre Poivre (ở Paris) đã xây dựng xong một kế hoạch tương tự. Ngày 21 tháng 6 năm 1749, chiếc tàu Sumatra chở Poivre dừng lại Pondichéry, Dupleix có chút tự ái và khó chịu.

(95) Tên thường được biết đến là Friel, cháu rể của Dupleix phu nhân, Friel là người Ai Nhĩ Lan (Ireland). Năm 1744, thương gia de Rothe ủy thác cuộc lữ hành đến Đàng Trong cho Friel, chuyến đi khá thành công, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát niềm nở đón tiếp, ban cho ông một giấy phép được đến giao dịch, buôn bán với cư dân xứ Đàng Trong. Friel không cung cấp những thông tin đã biết cho Poivre và đòi món tiền rất lớn nếu Poivre muốn ông nhượng lại giấy phép do chúa Nguyễn ban, Poivre không đáp ứng được yêu cầu của Friel.

(96) Tàu cập bến Tourane (Đà Nẵng) ngày 29 tháng 8 năm 1749, đến ngày 22 tháng 9 đoàn của Pierre Poivre mới đến kinh thành Phú Xuân, qua ngày hôm sau vào yết kiến Võ vương Nguyễn Phúc Khoát.

(97) Xin thiết lập ở Tourane một quầy hàng.

(98) Thực tế, Pierre Poivre rời vương phủ nhưng không đạt được mục đích ban đầu. Ngày 10 tháng 2 năm 1750, tàu buôn Machault nhổ neo rời Tourane. Ngày 10 tháng 4 năm 1750, tàu Machault cập bến Ile de France.

(99) Về sau, Dupleix có mở một cửa hàng tại Tourane, hoạt động trong một thời gian ngắn.

(100) Túc Edmond Bennetat, tư giáo hậu bổ của giám mục thừa sai Armand Lefebvre, “xin để ông được đứng ra làm người điều đình nhằm đặt mối quan hệ vững chắc giữa Pondichéry và Đàng Trong, lập những thương điểm và có được một khoảnh đất nào đó ở bờ biển” (dẫn theo Charles Maybon, *Những người châu Âu ở nước An Nam*, sđd, tr. 101).

(101) Charles-Thomas de Saint-Phalle, từng là giáo sĩ. Ông ở Đàng Ngoài tám năm, và biết tiếng bản địa. Ngày 24 tháng 2 năm 1753, ông trình lên quan chủ quản ấn de Silhouette một ghi nhớ với mục đích để Công ty khai trương nền thương mại ở Đàng Ngoài...

(102) Ngày 15 tháng 5 năm 1755, Protais-Leroux, thương nhân và mại biện, trình bày dự án đặt một cơ sở tại Côn Đảo “nằm ở cửa ngõ eo biển Malacca”. Túc đặt một chỉ điểm tại Côn Đảo, tạo ưu thế cho Công ty Đông Ấn Pháp trước các Công ty của Anh và Hà Lan, ngoài ra còn nhắm đến vị trí chiến lược nếu chiến tranh nổ ra...

(103) Chiến tranh bảy năm (1756-1763). Ngày 15 tháng 5 năm 1756, chiến tranh bắt đầu khi Anh tuyên chiến với Pháp, trước đó hai bên đã đụng độ nhiều lần ở Bắc Mỹ. Cuộc chiến kết thúc bằng việc ký kết Hiệp ước Hubertusburg và Hiệp ước Paris tháng 2 năm 1763.

(104) Từ sau chiến thắng của Clive ở Plassey (năm 1757), Công ty Đông Ấn Anh chiếm ưu thế, vượt lên trước, đến năm 1769 thì Công ty Đông Ấn Pháp lui tụt.

(105) Étienne Aymonier (1844-1929): nhà ngôn ngữ học và thám hiểm người Pháp. Ông là người đầu tiên khảo sát có hệ thống sự suy tàn của Đế chế Khmer, trải khắp Campuchia, Thái Lan, Lào và miền Tây Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Ông trở thành giám đốc đầu tiên của Trường thuộc địa, từng là thành viên của Hội Đồng quản trị Hội Pháp Văn Liên hiệp. Ông đã thu thập được một lượng lớn tác phẩm điêu khắc Khmer cổ mà nay được trưng bày tại bảo tàng Guimet, Paris; đồng thời là tác giả của nhiều tác phẩm về ngôn ngữ Chăm.

(106) Ngày nay, người Chăm là một tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

(107) Túc Harivarman IV, năm 1074 hoàng tử Thang tự xưng vua với vương hiệu là Harivarman IV. Ông lãnh đạo Champa đẩy lui quân Đại Việt, thắng người Khmer và đẩy cuộc chiến tranh đến tận sông Mékong. Harivarman IV dành cuộc đời mình cho việc “trả lại nước Champa về huy hoàng thuở trước” (L. Finot).

(108) Kế vị Harivarman IV là con trai Jaya Indravarman II (Lần thứ nhất là giai đoạn 1080-1081, lần thứ hai là 1086-1113), xen giữa là khoảng thời gian sáu năm tiềm ngôi của hoàng thân Pâng với tên Paramabodhisattva. Nhân vật Surjavarman mà tác giả đề cập là Sûryavarman II trong lịch sử. Sûryavarman II lên ngôi năm 1113, ông là một vị vua chinh phục.

(109) Campuchia ngày nay.

(110) Sử Việt gọi là Chế Mân.

(111) Năm 1282, Toa Đô tiến đánh Chiêm Thành bằng đường thủy, chiếm thành Đồ Bàn (Bình Định). Năm 1285, Trần Nhân Tông phản công, đánh bại Thoát Hoan, chém đầu Toa Đô, Chiêm Thành được giải phóng. Năm 1293, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho Trần Anh Tông. Trong chuyến vân du Chiêm Thành, Trần Nhân Tông hứa gả Huyền Trân công chúa cho vua Chế Mân. Chế Mân liền dâng hai châu Ô, Lý (tương đương với lãnh thổ từ Quảng Trị đến phần phía bắc tỉnh Quảng Nam (Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Hội An) ngày nay) làm sính lễ. Năm 1306, Huyền Trân bước chân qua khỏi đèo Hải Vân, vì một cuộc hôn nhân chính trị.

(112) Chế Bồng Nga từng nhiều lần đánh bại quân nhà Trần, tấn công và cướp phá thành Thăng Long.

(113) Năm 1642, con của Chey Chetta II là Chant (mẹ người Lào), sử Việt gọi là Nặc Ông Chân giết Outley và Ang Non I rồi lên làm vua (1642-1659). “Năm 1658, con của Prey Outley là So và Ang Tann nổi binh đánh Nặc Ông Chân, nhưng thất bại, đến nương náu với bà thái hậu người Việt, vợ Chey Chetta II. Bà này vốn bất bình con ghẻ mình lấy vợ người Mã Lai, theo Hồi giáo, nên khuyên So và Ang Tan đi cầu cứu chúa Nguyễn để can thiệp vào việc Chân Lạp [Cao Miên], bành trướng thế lực trên mảnh đất mà ông cha bà đã lưu ý. Chúa Thái Tông bèn sai Phó tướng dinh Trấn Biên (dinh Phú Yên) là Nguyễn Phước Yển 阮福燕, Cai đội Xuân Thắng 春勝, Tham mưu Minh Lộc 明祿 (đều không rõ họ) đem 3.000 quân đến thành Hưng Phước 興福 (bấy giờ gọi là Mỗi Xuy 每吹, tức tỉnh Bà Rịa), đánh phá được, bắt Nặc Ông Chân bỏ vào cũi đem về

Quảng Bình nạp cho chúa”. (Dẫn theo: Phan Khoang, *Việt sử Xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018, tr. 307-308 và ba cước chú liên quan).

(114) François Pallu sinh ngày 31 tháng 8 năm 1626 tại giáo xứ khu Tours, ra đi từ Paris ngày 8 tháng 11 năm 1661 và rời Marseille ngày 2 tháng 1 năm 1662; giám mục ở Héliopolis năm 1658, thừa sai của giáo hoàng tại Đàng Ngoài, được thôi chức thừa sai của giáo hoàng ở Đàng Ngoài năm 1629 và bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 1680 làm tổng quản các đoàn truyền giáo Trung Quốc. Ông chết tại Phúc Kiến năm 1684.

(115) Chép theo nguyên văn, chúng tôi chưa tra cứu được chỉ dụ này. Ở Đàng Trong, Minh vương (Nguyễn Phúc Chu, 1691-1725) ra chỉ dụ cấm đạo năm 1700, Võ vương (Nguyễn Phúc Khoát) ra chỉ dụ năm 1725.

(116) Nguyên văn: Hoc-hoa-lang-dao.

(117) Sắc lệnh cấm đạo Hoa Lang, chúa Trịnh Cương (1682-1709) ra bốn sắc lệnh cấm đạo vào các năm 1709, 1712, 1721 và 1722. Thời Lê - Trịnh gọi Cơ Đốc giáo (Thiên Chúa giáo) là đạo Hoa Lang, vì nghĩ rằng tôn giáo này do người Hà Lan (hay Hòa Lan) du nhập vào nước ta.

(118) Nguyên văn: 1774.

(119) Hay còn gọi là Giáo hoàng Biển Đức XIV (Benedictus XIV). tác giả muốn nói đến vấn đề thờ cúng tổ tiên của người Công giáo phương Đông. Giáo hoàng Clemente XI ban hành Tông chiếu Exilladie (1715), buộc các thừa sai phương Đông phải tuyên thệ trung thành với Tòa Thánh La Mã trong vấn đề bác bỏ thờ cúng tổ tiên. Đến thời Giáo hoàng Biển Đức XIV, ngài ban hành hai thánh lệnh Ex quo singulari (1742) và Omnium sollicitudinum (1744), cấm giáo dân châu Á không được thờ cúng tổ tiên, vấn đề này được bàn trở lại, thờ cúng tổ tiên được thừa nhận thời Giáo hoàng Piô XII (1939) và sau đó là Công đồng Vatican II (1962-1965)...

(120) Hồ Văn Nghị, thầy giảng.

(121) Theo tài liệu của Phan Khoang (*Việt sử xứ Đàng Trong 1557-1777*, sđd, tr. 439-440) thì bấy giờ Mạc Thiên Tứ thành lập một Tu đạo Học hiệu ở mũi Hòn Đất (1767), Giám mục Piguel giúp tiền của cho việc lập trường này. Pigneau de Béhaine đến Hòn Đất thì Giám mục Piguel giao cho chức hiệu trưởng, dạy bốn mươi học trò Hoa, Tiêm [La], Việt. Năm 1769, trường tu, nhà thờ, nhà ở của giáo hội bị cướp đốt phá, nhiều học trò bị giết, Pigneau de Béhaine phải dời trường qua Pondichéry.

(122) Nguyên văn: Duc-Tong, tức Định vương Nguyễn Phúc Thuần (1754-1777). Duệ Tông là miếu hiệu (dành cho các vị quân chủ sau khi họ qua đời), được nhà Nguyễn truy tôn sau này. Tác giả gọi Duệ Tông trong bối cảnh lịch sử này là chưa chính xác.

(123) Một thời gian sau, quân Tây Sơn làm chủ vùng đất từ Quảng Nghĩa đến Bình Thuận. Ở đây, cần lưu ý quan điểm khác biệt của tác giả (!)

(124) Ở Đàng Ngoài, Trịnh Sâm thấy phía nam có biến, sai Hoàng Ngũ Phúc cầm quân vượt sông Gianh, đầu tháng 1 năm 1775, quân Đàng Ngoài chiếm được Phú Xuân.

(125) Trên đường chạy vào Nam, Định vương lập Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung. Quân Tây Sơn kéo từ Qui Nhơn ra đánh, quân chúa Nguyễn địch không lại, Định vương giao Quảng Nam cho Đông cung, lên thuyền cùng Nguyễn Phúc Ánh và gia quyến chạy vào Gia Định.

(126) Nguyên văn: Muc-vương. Túc Tân Chính vương Nguyễn Phúc Dương, con trai của Nguyễn Phúc Hiệu, cháu nội của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, gọi Định vương Nguyễn Phúc Thuần là chú. [Cung Mẫn Anh Đoán Huyền Mặc Vĩ Văn] Muc vương là thụy hiệu (dành cho các vị quân vương sau khi họ qua đời), được nhà Nguyễn truy tôn sau này.

(127) Cửa biển Cu Đê cách Hòa Vang hai mươi bảy dặm về phía bắc.

(128) Nguyễn Nhạc ở thế yếu, phía nam có quân của Tổng Phúc Hợp, phía bắc có quân Trịnh đóng ở Quảng Nam, vì vậy dâng thư cho Hoàng Ngũ Phúc xin làm tiền khu đánh chúa Nguyễn.

(129) Quân Trịnh lui về Thuận Hóa thì đất Quảng Nam thuộc về quân Tây Sơn.

(130) Thái Thượng vương Nguyễn Phúc Thuần và Tân Chính vương Nguyễn Phúc Dương, chi tiết đưa về Sài Gòn xử tử là không chính xác.

(131) Năm 1778, đặt kinh đô tại Chà Bàn. Trước đó, năm 1776, Nguyễn Nhạc tự xưng vương, Tây Sơn vương.

(132) Năm 1782.

(133) Nguyên văn: Trinh-Giai. Sau khi Trịnh Sâm mất, Đặng Thị Huệ và Huy quân công Hoàng Đình Bảo lập Trịnh Cán (1777-1782) lên ngôi chúa với tước hiệu Điện Đô vương, ở ngôi chúa được một tháng. Trịnh Khải (hay Trịnh Tông), con trai trưởng của Trịnh Sâm lên thay, hiệu Đoan Nam vương.

(134) Thủ phủ của Sơn Nam Thượng.

(135) Đúng phải là vua Lê Hiến Tông phong cho Nguyễn Huệ làm Nguyên súy Dục chính Phủ vận Uy quốc công và gả con gái là Lê Thị Ngọc Hân. Nguyễn Nhạc ra Thăng Long sau khi vua Lê Hiến Tông thăng hà.

(136) Vua Lê Hiến Tông mất ngày 17 tháng Bảy năm 1786.

(137) Lê Duy Khiêm (hay Kỳ) là cháu nội của vua Lê Hiến Tông.

(138) Vua Lê xin nhường mấy quận cho Nguyễn Nhạc để khao quân.

(139) Nguyễn Hữu Chỉnh từ kinh đô lui về Nghệ An xây dựng căn cứ.

(140) Túc Án Đô vương, vị chúa Trịnh cuối cùng (thứ 11) trong lịch sử thời Lê Trung hưng, Trịnh Bồng là anh họ của Trịnh Sâm.

(141) Sau khi lui về nam, Nguyễn Nhạc giữ vùng đất ở giữa (Quảng Nam đến Bình Định), tiếp tục cương vị hoàng đế Thái Đức, đóng đô tại thành Hoàng đế ở Qui Nhơn; Nguyễn Huệ ở Phú Xuân được phong Bắc Bình vương, giao cai quản vùng Thuận Hóa vừa giành được cùng với vùng Nghệ An; Nguyễn Nhạc phong tước Đông Định vương cho Nguyễn Lữ, cho cai trị vùng đất Gia Định. Sau đó, Nhạc và Huệ xung đột, một trận chiến kéo dài từ tháng 2 đến tháng 6 năm 1787, Nhạc giao cho Huệ thêm vùng đất phía nam đèo Hải Vân.

(142) Nguyễn Hữu Chỉnh kéo quân vào Thăng Long để hạ Trịnh Bồng nhưng không thông báo cho Nguyễn Huệ, Huệ cử Vũ Văn Nhậm ra Thăng Long giết Hữu Chỉnh, Nhậm nắm quyền hành và làm nhiều điều đặc chí. Nguyễn Huệ sai Ngô Văn Sở ra Bắc kiểm chế Nhậm. Nhậm cử Sở lên đóng ở Phú Xuyên, Sở căm tức gửi thư mật báo cho Nguyễn Huệ, tố cáo Nhậm. Mùa xuân năm 1788, Nguyễn Huệ tấn công Thăng Long, bắt và chém đầu Vũ Văn Nhậm. Nguyễn Huệ về lại Phú Xuân, giao Thăng Long cho Ngô Văn Sở.

(143) Tác giả muốn nói đến việc Lê Duy Kỳ xử phạt tội danh “cộng tác với địch” hay “hàng giặc” của Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Hoãn... thăng chức cho bảy tôi đi hộ giá, quản thúc Lê Duy Cẩn...

(144) Tết năm Kỷ Dậu (1789), Quang Trung tiến quân ra Bắc đánh tan quân Tàu, Tôn Sĩ Nghị chạy về Quảng Tây, vua Lê Chiêu Thống xuất bến sang Trung Hoa. Độc giả quan tâm đoạn vua Lê xuất bến, nhận định về Lê Chiêu Thống, về tội trung Lê Quýnh... có thể tìm đọc trong: Nguyễn Duy Chính, *Lê mặt sự ký: sự suy tàn của triều Lê cuối thế kỷ XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội và DTBooks, 2016.

Sau mười lăm năm lưu lạc, hài cốt vua Lê Chiêu Thống được đưa về nước vào năm Giáp Tý (1804).

(145) Lúc này Nguyễn [Phúc] Ánh mới mười lăm tuổi (sinh năm 1762). Về vai vế, Nguyễn Ánh là anh họ của Nguyễn Phúc Dương.

(146) Sau khi chạy trốn khỏi Gia Định, Nguyễn Ánh sống giữa vùng đầm lầy Cà Mau, sau đó qua đảo Thổ Châu (Pulau Panjang) ẩn lánh trong vịnh Xiêm La.

(147) Năm 1778.

(148) Nguyễn Ánh xưng vương năm 1780.

(149) Giữa năm 1782, anh em Nhạc và Huệ kéo tàu chiến hướng về sông Sài Gòn, tiến đánh Gia Định. Cướp bóc và đốt cháy các tiệm buôn của Hoa kiều, tàn sát hàng ngàn cư dân người Hoa, phần vì cộng đồng người Hoa ủng hộ Nguyễn Ánh, phần vì trả thù cho cái chết của tướng Tây Sơn Phạm Ngạn bị đạo quân Hòa Nghĩa (phần lớn là người Hoa) giết trong trận đánh tại cầu Tham Lương.

(150) Túc đảo Thổ Châu.

(151) Nguyễn Phúc Cảnh, con trưởng của Nguyễn Ánh.

(152) Phạm Văn Nhân và Nguyễn Văn Khiêm.

(153) Quân Nguyễn Ánh và tàn quân Xiêm trở về ẩn lánh ở Vọng Các.

(154) Bá tước de Conway, tổng chỉ huy quân đội Pháp trong vùng Ấn Độ Dương.

(155) Bộ trưởng Bộ Hải quân.

(156) Túc Khiêm Quang hầu, Long Chính hầu và Quý Ngọc hầu. Theo Tạ Chí Đại Trường (trong: *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, sđd, tr. 337-338) có thể Khiêm Quang hầu là Nguyễn Văn Khiêm, Long Chính hầu là Thượng đạo tướng quân Nguyễn Long sau này, Quý Ngọc hầu là Ngô Công Quý.

(157) Nguyên văn: Grand Occident, tức Pháp hoàng Louis XVI.

(158) Túc Côn Đảo.

(159) Nhượng cho Pháp vùng đất và vùng biển Tourane, đảo Côn Lôn và các đảo kề cận.

(160) Nguyên văn: de Gonway.

(161) Túc gia tộc Orange-Nassau (Oranje-Nassau), vào thế kỷ XVI đóng một vai trò quân sự quan trọng trong Cộng hòa Liên bang gồm mười bảy tỉnh hay còn gọi là xứ Hà Lan thuộc Tây Ban Nha. Guillaume I là vị vua đầu tiên của triều đại Orange cai trị Hà Lan kể từ năm 1814.

(162) Étienne de Silhouette (1709-1767), triết gia của thời kỳ Khai sáng, Tổng trưởng Tài chính của vua Louis XV.

(163) Olivier de Puymanel là tác giả của thành Sài Gòn (xây năm 1790 và bị phá hủy năm 1835) và thành Diên Khánh (Khánh Hòa).

(164) Philippe Vannier (1762-1842), tên Việt là Nguyễn Văn Chấn.

(165) Nguyên văn: Cochinchine. Jean Baptiste Chaigneau (1769-1832), tên Việt là Nguyễn Văn Thắng, một trong hai người Pháp phục vụ lâu nhất tại triều đình nhà Nguyễn.

Theo A. Salles (trong: Lê Nguyễn, *Xã hội Việt Nam qua bút ký của người nước ngoài*. Nxb. Hồng Đức và DTBooks, 2018. tr. 119), chuyến tàu *La Méduse* của Bá Đa Lộc cập bến Cap Saint-Jacques (Vũng Tàu ngày nay) ngày 28 tháng 7 năm 1789 không có J.B. Chaigneau, mãi đến năm 1793 Chaigneau mới gặp chúa Nguyễn Ánh lần đầu tiên.

(166) Đúng phải là năm 1824.

(167) 1 picul = 60,45kg.

(168) Tachos và sagen: chúng tôi chưa tra cứu được.

(169) Có lẽ là mass, tức đồng cân bạc, một đơn vị đo lường cũ.

(170) Phần lớn trích dẫn tác giả dùng trong sách này không ghi nguồn, về những ghi chép của J.B. Chaigneau độc giả có thể tìm hiểu trong *Le Mémoire sur la Cochinchine* (Ký ức về Việt Nam) được ông viết trên chuyến tàu Henri trở về Pháp năm 1819-1820. Gần năm mươi năm sau, con trai ông là Michel Đức Chaigneau xuất bản tập hồi ký *Souvenirs de Hue* (Hồi ức Huế) tại Paris năm 1867. Trong cuốn sách, Michel Đức Chaigneau kể qua về cuộc đời cha mình từ khi rời nước Pháp vào năm 1791, đây là một thông tin bên lề về chuyện J.B. Chaigneau có mặt hay không trên con tàu của Bá Đa Lộc năm 1789.

(171) Nguyễn Huệ qua đời ngày 29 tháng Bảy năm Nhâm Tý, tức ngày 16 tháng 9 năm 1792.

(172) Túc Nguyễn Quang Toản (1783-1802), con trai của Nguyễn Huệ, lên ngôi lúc chín tuổi, dưới sự giám hộ của phụ chánh (thái sư Bùi Đắc Tuyên).

(173) Sau những thất bại trước Nguyễn Ánh (1792-1793) và thương thuyết thất bại với Quang Toản, Nguyễn Nhạc qua đời ở tuổi năm mươi, vào mùa hè năm 1793.

(174) Nguyễn Ánh lập Nguyễn Phúc Cảnh làm Đông cung, người sẽ kế vương vị về sau.

(175) Túc Lạng Giang quận công Nguyễn Phúc Hội (Tôn Thất Hội) (1757-1798).

(176) Nguyên văn: Vo-Thanh et Nguyên-van-Thuong.

(177) Nguyên văn: Tu-Trieu. Sau khi Nguyễn Nhạc mất, quyền lực thuộc về vua Cảnh Thịnh và triều đình Phú Xuân, Nguyễn Bảo được phong tước Hiếu công. Nguyễn Bảo tập trung lực lượng, đánh chiếm thành Qui Nhơn. Thời Nguyễn Bảo cầm quyền ở Qui Nhơn được gọi là Tiểu triều, có thể chữ Tu-Trieu được hiểu theo nghĩa này chăng?

(178) Túc Thuận An công Nguyễn Phúc Hy (1782-1801), ông được gọi về trấn thủ Gia Định lúc Nguyễn Ánh đi đánh Qui Nhơn. Hoàng tử Hy trấn thủ Gia Định.

(179) Lần thứ ba.

(180) Nguyên văn: Thoai. Ba cánh quân trong trận này là thủy binh của Nguyễn Văn Trương, bộ binh của Nguyễn Văn Thành và cánh quân của Đông cung Cảnh.

(181) Nguyên văn: Thieng. Túc Nguyễn Văn Thành, về sau là Bắc thành Tổng trấn thời Gia Long.

(182) Nguyễn Công Thái.

(183) Nguyên văn: Ki-Dao.

(184) Nguyên văn: Nguyên-van-Diêu.

(185) Dịch theo nguyên văn tiếng Pháp, lúc này chưa có niên hiệu Gia Long.

(186) Theo nguyên văn, dùng niên hiệu Gia Long lúc này chưa chính xác.

(187) Đầm Thị Nại, nơi diễn ra trận thủy chiến nổi tiếng trong lịch sử nội chiến thời bấy giờ.

(188) Võ Tánh và Ngô Tùng Châu ở trong thành bị bao vây hơn một năm, bấy giờ Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng vẫn bao vây chặt.

(189) Mất tại Gia Định. Hai tháng sau Hoàng tử Hy cũng qua đời, đưa về Gia Định chôn cất.

(190) Nguyễn Phúc Đảm, về sau nối nghiệp vua Gia Long, lấy niên hiệu Minh Mạng, cai trị Việt Nam giai đoạn 1820-1841.

(191) Túc Nguyễn Phúc Mỹ Đường (hay Nguyễn Phúc Đán, Hoàng tôn Đán), con trai trưởng của Hoàng tử Cảnh, cháu đích tôn của Nguyễn Ánh. Dưới thời Minh Mạng, có ba vụ án lớn là vụ án: Lê Văn Duyệt, Lê Chất và Mỹ Đường.

(192) Túc của Tư Hiền (Tư Dung), thuộc hệ đầm phá Tam Giang - cầu Hai.

(193) Phò mã Nguyễn Văn Trị, đóng trên núi Quy Sơn (Linh Thái).

(194) Thực hiện chính sách bang giao “trong xưng đế, ngoài xưng vương”, nhận sắc phong và thực thi triều cống để ổn định và phát triển đất nước.

(195) Võ Tánh tuần tiết ngày 7 tháng 7 năm 1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc ngày 5 tháng 7 năm 1801.

(196) Giám mục qua đời ngày 6 tháng 8 năm 1823.

(197) Hoàng Việt luật lệ hay còn gọi là Luật Gia Long, do Tiền quân Nguyễn Văn Thành làm Tổng tài, gồm 22 quyển với 398 điều.

(198) Cần Chánh điện Đại học sĩ (勤政殿大學士), Văn Minh điện Đại học sĩ (文明殿大學士), Võ Hiển điện Đại học sĩ (武顯殿大學士), Đông Các điện Đại học sĩ (東閣大學士).

(199) Mặc dầu là xã theo bản gốc tiếng Pháp nhưng có lẽ là làng thì đúng hơn, vì làng là đơn vị độc lập, có hội đồng kỳ mục, có thành hoàng làng và đình làng...

(200) Bộ luật Gia Long khắc in năm 1813, ban hành năm 1815, “ban quốc triều luật lệ cho trong ngoài [...]. Từ năm Mậu Dần (1818) trở đi thì xử trị theo luật”.

(201) Tác giả muốn nói đến cuộc hôn nhân của công nữ Ngọc Vạn và Chey Chettah II. Tương truyền, chúa Sãi gả một người con gái của mình cho Chey Chettha II (Brah Jaya Cestha), theo Georges Maspéro (trong *Empire Khmer. Histoire et documents*): “Nhà vua mới đăng cơ cho xây một cung điện tại Oudong, ở đây ông tổ chức hôn lễ trọng thể với một công nữ xứ An Nam. Người này vô cùng xinh đẹp và về sau có ảnh hưởng lớn tới nhà vua. Nhờ bà mà một sứ bộ An Nam được Chey Chettha cho phép xây dựng thương điểm ở vùng Sài Gòn ngày nay”. về nhân vật công nữ Ngọc Vạn, hiện vẫn còn nhiều tranh luận.

(202) Quyền bảo hộ 1658, và đoạn về vua Hồi giáo kế tiếp, chúng tôi đã nhắc đến ở cước chú về Nặc Ông Chân.

(203) Về sau hình thành hai trung tâm giao thương lớn là Mỹ Tho đại phố do Dương Ngạn Địch thành lập; Nông Nại đại phố (Cù Lao Phố, Biên Hòa) do Trần Thượng Xuyên tập trung Hoa thương thành lập.

(204) Năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Kính vào Nam kinh lược, chia đất Đông Phố (東浦), lấy xứ Đồng Nai đặt huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên (鎮邊), lấy xứ Sài Côn đặt huyện Tân Bình (新平), lập dinh Phiên Trấn (藩鎮), chính thức xác lập chủ quyền của chính quyền Đàng Trong.

(205) Khum, tức xã.

(206) Mạc Cửu (鄭玖) người Lôi Châu (Quảng Đông), không chịu giốc tóc theo nhà Thanh nên chạy sang Cao Miên, được cho làm chức Ốc Nha, trở nên giàu có. Mạc Cửu bèn chiêu tập lưu dân đến ở các nơi như Phú Quốc, Cần Bột (Kampot), Rạch Giá, Luống Cày, Hương Úc (tức Vũng Thơm, Kompong Som), Cà Mau, lập thành bảy xã

thôn, đặt tên đất là Hà Tiên. Năm Mậu Tý (1708), Mạc Cửu dâng đất cho chúa Nguyễn, chúa trao cho Mạc Cửu chức tổng binh, trấn giữ Hà Tiên. Năm Ất Mão (1735), Mạc Cửu mất, chúa cho con là Mạc Thiên Tứ (鄭天賜) làm đô đốc, trấn Hà Tiên.

(207) Năm 1757, chúa Nguyễn Phúc Khoát lập đạo Đông Khẩu (ở Sa Đéc), đạo Châu Đốc (ở Châu Đốc), đạo Tân Châu (ở Cù lao Giêng), trực thuộc dinh Long Hồ. Những vùng đất cuối cùng được triều đình Cao Miên chuyển giao cho chính quyền chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn chính thức xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam bộ ngày nay.

(208) Ang Non II, tức Nặc Vinh trong sử Việt.

(209) Đúng hơn phải là Phraya Tak, sử Việt gọi là Trịnh Quốc Anh, vua Xiêm La. Năm Tân Sửu (1781), Trịnh Quốc Anh sai hai tướng là Chắt Tri (Chao Phaya Chakkri) và em là Sô Si đem binh sang đánh Cao Miên. Nặc Ân cầu cứu chúa Nguyễn. Năm Nhâm Dần (1782), Nguyễn Ánh sai chuồng cơ Nguyễn Hữu Thụy (阮有瑞) và Hồ Văn Lân (胡文麟) đem 3.000 quân sang cứu, đóng ở La Bích. Bấy giờ ở Vọng Các [Bangkok bây giờ] có loạn, hai bên Việt - Xiêm không đánh nhau, Chắt Tri và Sô Si đem quân trở về, Trịnh Quốc Anh bị giết, Chắt Tri lên ngôi, tức Phật vương (Rama I) trong lịch sử, Sô Si làm Đệ nhị vương. Mối bang giao giữa Nguyễn Ánh và Phật vương bắt đầu từ đó.

(210) Túc Nặc Ân trong sử Việt.

(211) Nặc Ân còn nhỏ tuổi, các phe phái tranh giành quyền lực, cuối cùng Chiêu Thùy Biện (hoặc Bên) chiến thắng, lên làm phụ chính. Lúc ấy, người Bồ Đà đánh Cao Miên, Chiêu Thùy Biện đưa Nặc Ân sang Vọng Các, vua Xiêm sai quân đưa Nặc Ân về Oudong, các tỉnh Battambang, Angkor, Mongkol, Borei... sáp nhập vào Xiêm La, Chiêu Thùy Biện được giữ tỉnh Battambang...

(212) Túc Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt (1763-1832).

(213) Đại tá David de Charpentier de Cossigny đến từ Île de France, không đồng tình với người tiền nhiệm Coutanceau về vấn đề do Bá Đa Lộc trình bày, cũng không chủ trương đưa quân sang Đàng Trong.

(214) Công tước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp.

(215) Về chuyến đi của thuyền trưởng Kergariou, độc giả có thể tìm hiểu thêm ở tác phẩm *La mission de la Cybèle en Extrême-Orient en 1817-1818* (Paris, 1914).

(216) Hoàng đế Pháp, Louis XVIII, ký sắc lệnh ngày 12 tháng 10 năm 1820 cử ông làm Lãnh sự kiêm Đặc ủy của nhà vua cạnh triều đình Huế.

(217) Năm 1824.